

GIÁO TRÌNH
HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TRUNG TÂM KINH DOANH XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH SÁCH



16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội



vnubooks@gmail.com



www.vnubooks.com



ISBN: 978-604-315-611-9



SÁCH KHÔNG BÁN

Giáo trình Hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân trong giải quyết vụ án
về động vật hoang dã



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI

TS. LẠI VIỆT QUANG – PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH
(Đồng chủ biên)

GIÁO TRÌNH

HOẠT ĐỘNG
CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH
HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI

GIÁO TRÌNH
HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HÀ NỘI - 2021



Do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ



Giáo trình là kết quả của dự án “Phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam” do Cục Phòng chống Ma túy và Thực thi Pháp luật Quốc tế (INL), Bộ ngoại giao Hoa Kỳ tài trợ. Nội dung giáo trình do trường Đại học Kiểm sát Hà Nội và tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS), chương trình Việt Nam xây dựng, và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ.

WCS hoạt động tại Việt Nam từ năm 2006, tập trung tăng cường năng lực thực thi pháp luật cho các cơ quan chức năng tại Việt Nam và hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý để đấu tranh với tội phạm về động vật hoang dã. WCS ưu tiên một số lĩnh vực hoạt động chủ chốt nhằm tác động đến các mạng lưới buôn bán động vật hoang dã trái pháp luật tại Việt Nam ở mọi cấp độ, với mục tiêu cuối cùng là hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam phòng, chống và đấu tranh hiệu quả đối với loại tội phạm này.

Website: <https://vietnam.wcs.org/>

TẬP THỂ TÁC GIẢ

TS. Lại Viết Quang – PGS.TS. Nguyễn Đức Hạnh
(Đồng chủ biên)

PGS.TS. Nguyễn Đức Hạnh – Chương 1, 2

TS. Nguyễn Thị Lộc – Chương 3

TS. Lại Viết Quang – Chương 4

TS. Đinh Hoàng Quang – Chương 5

TS. Nguyễn Xuân Hương – Chương 6

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	10
LỜI GIỚI THIỆU	11

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, VẤN ĐỀ BẢO TỒN, VI PHẠM VÀ TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. Khái niệm liên quan đến động vật hoang dã và bảo tồn động vật hoang dã	13
2. Tình hình vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã	20
3. Tác động của buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã.....	26
4. Thực trạng về công tác bảo tồn và phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã tại Việt Nam	28
Câu hỏi ôn tập	32

Chương 2

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. Pháp luật quốc tế về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã..	33
2. Pháp luật Việt Nam về phòng, chống buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã....	38
Câu hỏi ôn tập	54

Chương 3

**HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

1. Khái niệm, đặc điểm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án về động vật hoang dã..... 55
2. Nội dung hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án về động vật hoang dã 60
- Câu hỏi ôn tập..... 85

Chương 4

**HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIAI ĐOẠN TRUY TỐ VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

1. Khái niệm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn truy tố vụ án về động vật hoang dã 86
2. Nội dung hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn truy tố vụ án về động vật hoang dã 90
- Câu hỏi ôn tập..... 115

Chương 5

**HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ**

1. Khái niệm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn xét xử vụ án về động vật hoang dã 116
2. Nội dung hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án về động vật hoang dã 119
3. Nội dung hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án về động vật hoang dã 140
- Câu hỏi ôn tập..... 143

Chương 6
HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1.	Khái niệm, đặc điểm, vai trò và các yêu cầu trong phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã của Viện kiểm sát nhân dân.....	144
2.	Nội dung hoạt động phòng, chống tội phạm liên đến quan động vật hoang dã của Viện kiểm sát nhân dân	155
	Câu hỏi ôn tập.....	172
	TÀI LIỆU THAM KHẢO	174

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CITES	Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ĐVHD	Động vật hoang dã
ĐTƯ	Điều tra viên
ENV	Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên
FFI	Tổ chức Bảo tồn Động, Thực vật Quốc tế
KSV	Kiểm sát viên
KSXX	Kiểm sát xét xử
THQCT	Thực hành quyền công tố
TAND	Tòa án nhân dân
TTLT	Thông tư liên tịch
TTHS	Tố tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
WWF	Quỹ Quốc tế Bảo vệ Thiên nhiên

LỜI GIỚI THIỆU

Bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc góp phần bảo tồn loài, duy trì cân bằng sinh thái và phát triển kinh tế xã hội. Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) là một trong những cơ quan có vị trí trực tiếp đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung trong đó có các tội phạm liên quan đến ĐVHD nói riêng. Hoạt động của VKSND trong giải quyết các vụ án liên quan đến ĐVHD nhằm bảo đảm cho quá trình phát hiện, khởi tố, điều tra, không chỉ là hoạt động thực hành quyền công tố của chủ thể buộc tội mang tính nhà nước mà hoạt động của VKSND còn truy tố, xét xử tội phạm liên quan đến ĐVHD được nghiêm minh, đúng pháp luật, góp phần hỗ trợ đắc lực vào việc phòng, chống loại tội phạm này; đồng thời cũng góp phần tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD, từ đó góp phần nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật của tổ chức và cá nhân. Để thực hiện mục tiêu đó, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội đã tổ chức biên soạn *Giáo trình Hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết vụ án về ĐVHD* phục vụ nhu cầu đào tạo, học tập, nghiên cứu nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản đối với sinh viên ở bậc đại học về khái niệm ĐVHD và bảo tồn ĐVHD, pháp luật quốc tế và Việt Nam về phòng, chống buôn bán trái pháp luật ĐVHD; các hoạt động

khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về ĐVHD bằng hoạt động của VKSND trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD. Để có được kết quả này, chúng tôi bày tỏ sự cảm ơn hỗ trợ về nguồn lực của Tổ chức Wildlife Conservation Society (WCS), Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp hình sự, VKSND tối cao trong việc hỗ trợ, triển khai hoạt động trong khuôn khổ dự án hợp tác với WCS. Cảm ơn các cán bộ, kiểm sát viên hoạt động thực tiễn, các nhà khoa học đã có ý kiến đóng góp, có những công trình công bố liên quan để chúng tôi có thể trích dẫn và hoàn thiện cuốn tài liệu này. Hy vọng giáo trình sẽ là tài liệu bổ ích đối với các sinh viên luật, các cán bộ công tác trong các cơ quan bảo vệ pháp luật và độc giả quan tâm đến lĩnh vực khoa học này. Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng giáo trình khó tránh khỏi những hạn chế. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý phản hồi để có thể tiếp tục hoàn thiện trong lần xuất bản tiếp theo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT HÀ NỘI

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, VẤN ĐỀ BẢO TỒN, VI PHẠM VÀ TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. KHÁI NIỆM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Giới sinh vật do nhà sinh thái người Mỹ R.H.Whitaker (1969) đề xuất được công nhận rộng rãi bao gồm: Giới khởi sinh, giới nguyên sinh, giới nấm, giới thực vật, và giới động vật. Dựa trên cơ sở sự tác động và mối quan hệ của con người với quần thể sinh vật mà người ta chia các loài động vật, thực vật, vi sinh và nấm thành hai nhóm là hoang dã và gây nuôi. Khoản 13, Điều 3, Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) quy định loài hoang dã là “loài động vật, thực vật, vi sinh vật và nấm sinh sống và phát triển theo quy luật”. Như vậy, có thể hiểu ĐVHD là các loài động vật tồn tại và phát triển theo quy luật tự nhiên, không chịu sự tác động của con người hoặc sự tác động là không đáng kể.

Bảo tồn ĐVHD là chống lại các hành vi xâm hại, duy trì sự phát triển bình thường bằng thực hành bảo vệ các loài ĐVHD và môi trường sống của chúng. Mục tiêu của bảo tồn ĐVHD là

để bảo vệ các loài ĐVHD và môi trường sống của chúng nhằm ngăn ngừa sự tuyệt chủng của loài, góp phần đảm bảo rằng thế giới tự nhiên sẽ được bảo vệ để che chở cho các thế hệ tương lai và giúp loài người nhận ra tầm quan trọng của ĐVHD và môi trường hoang dã đối với con người và các loài khác nhau trên hành tinh này. Ngày nay, nhiều quốc gia có các lực lượng chuyên trách như: Bộ Môi trường, cơ quan chịu trách nhiệm quản lý đa dạng sinh học, cơ quan chịu trách nhiệm quản lý khu bảo tồn, cơ quan chịu trách nhiệm quản lý ĐVHD nằm trong Bộ Môi trường, cơ quan quản lý rừng¹ thực hiện việc bảo tồn ĐVHD, hỗ trợ thực hiện chính sách bảo vệ ĐVHD. Bên cạnh đó, cũng có nhiều tổ chức phi lợi nhuận độc lập cũng góp phần thúc đẩy việc bảo tồn ĐVHD. Bảo tồn ĐVHD đã trở thành hoạt động quan trọng do xã hội con người ngày càng có những tác động tiêu cực đối với tự nhiên nói chung và ĐVHD nói riêng. Bảo tồn ĐVHD sẽ góp phần ngăn chặn các thảm họa thiên nhiên, duy trì các hệ sinh thái quan trọng đối với đời sống và sự phát triển kinh tế, xã hội của cộng đồng người dân địa phương và các quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Buôn bán ĐVHD là hoạt động thương mại thông qua việc mua sau đó bán lại ĐVHD còn sống hoặc đã chết, các bộ phận, sản phẩm từ ĐVHD nhằm thu lợi nhuận. Buôn bán ĐVHD được thể hiện dưới các hình thức như: xuất khẩu, tái xuất khẩu (xuất khẩu bất kỳ một mẫu vật nào mà chúng đã

¹ Cục bảo tồn đa dạng sinh học (2014). Phân tích các mô hình quản lý đa dạng sinh học áp dụng tại một số quốc gia trên thế giới. Dự án khắc phục trở ngại nhằm tăng cường hiệu quả quản lý các khu bảo tồn Việt Nam.

được nhập khẩu trước đó), nhập khẩu và nhập nội từ biển (vận chuyển đến một quốc gia những mẫu vật của bất kỳ loài nào mà chúng được khai thác từ môi trường biển không thuộc quyền quản lý của bất kỳ nước nào) hoặc mua, bán trong nội địa của quốc gia, vùng lãnh thổ.

Buôn bán trái pháp luật ĐVHD là các hoạt động có liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và mua bán các loài ĐVHD một cách bất hợp pháp và từ các thị trường mua bán, tiêu thụ ĐVHD trái pháp luật. Đây là sự trao đổi không qua kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền đối với các loài, bộ phận và sản phẩm ĐVHD đang được bảo vệ theo pháp luật quốc tế và quốc gia, dẫn đến việc biến mất các loài động vật quý, hiếm nằm trong qui định cần bảo vệ. Hiện nay, số lượng và quy mô của nhiều quần thể ĐVHD đang bị suy giảm trên toàn thế giới dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học. Hoạt động phạm tội này có thể được thực hiện trong phạm vi quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc mang tính quốc tế, xuyên quốc gia.

Hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD bao gồm các hành vi vi phạm hành chính và các hành vi phạm tội. Trong đó hành vi vi phạm hành chính có tính chất, mức độ, hậu quả thấp hơn so với hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hành chính, còn hành vi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi vi phạm hành chính về ĐVHD được hiểu là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ ĐVHD do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính. Hành

vi phạm hành chính được mô tả trong các Nghị định của Chính phủ như: Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản; Nghị định 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo...

- Về đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính:

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính liên quan đến quản lý, bảo vệ ĐVHD.

+ Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do tổ chức gây ra liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ ĐVHD.

+ Cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm hành chính về quản lý, bảo vệ ĐVHD trong phạm vi lãnh thổ, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam, tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

- Về hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ ĐVHD gồm:

+ Săn bắt, giết, nuôi, nhốt trái pháp luật ĐVHD thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm thuộc Phụ lục I, II của Công ước CITES hoặc các loài quy định trong các Nghị định của Chính phủ nhưng không thuộc loài nguy cấp quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ mà chưa đến mức phải xử lý hình sự.

+ Vận chuyển các loài ĐVHD, bộ phận, sản phẩm của chúng không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ nhưng số lượng thực tế vận chuyển không phù hợp với hồ sơ đó nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự.

+ Tàng trữ, mua bán, chế biến không có hồ sơ hợp pháp hoặc có hồ sơ hợp pháp nhưng không đúng với nội dung hồ sơ đó đối với ĐVHD, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của chúng nhưng chưa đến mức phải xử lý hình sự.

+ Vi phạm về quản lý hồ sơ lâm sản như không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về hồ sơ lâm sản hợp pháp, không thực hiện ghi chép sổ theo dõi nuôi, trồng, không đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng.

+ Quảng cáo để kinh doanh ĐVHD, bộ phận, sản phẩm ĐVHD trái quy định của pháp luật.

+ Vi phạm của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học như thiếu Giấy phép hoạt động, không tuân thủ quy định về bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các nhóm hành vi này căn cứ vào giá trị của từng loài, số lượng cá thể hoặc

khối lượng tại thời điểm bắt giữ, xử lý được quy đổi thành tiền để xác định mức xử phạt cho tương xứng với hành vi vi phạm cũng như hậu quả mà đối tượng gây ra.

Số lượng và giá trị làm căn cứ để xử lý hành chính được quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính tương ứng và phải dưới mức xử lý hình sự được quy định tại Điều 234 (tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD) và Điều 244 (tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm) Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (sau đây viết tắt là BLHS).

Hành vi phạm tội về ĐVHD là hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm của Điều 234 và Điều 244 BLHS do người có năng lực trách nhiệm hình sự, pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý nhằm xâm hại đến các loài ĐVHD. Người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội về ĐVHD phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Về khách thể của tội phạm bị xâm phạm tại Điều 234 BLHS là trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về khai thác, buôn bán và bảo vệ ĐVHD, nguy cấp, quý hiếm còn Điều 244 BLHS là trật tự quản lý của Nhà nước về môi trường và bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm.

- Về hành vi khách quan của Điều 234 và Điều 244 BLHS đều gồm các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái pháp luật ĐVHD, bộ phận cơ thể, sản phẩm của ĐVHD. Trong đó, đối tượng phạm tội của Điều 234 và Điều 244 BLHS có sự khác biệt là:

+ Đối tượng tác động của tội phạm theo Điều 234 BLHS là ĐVHD thông thường, ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục II và III của Công ước CITES, ĐVHD nhóm IIB thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

+ Đối tượng tác động của tội phạm theo Điều 244 BLHS là ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, ĐVHD nhóm IB thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục I của Công ước CITES.

+ Định lượng để bắt đầu xử lý hình sự theo Điều 234 BLHS đó là loài động vật rừng thông thường hoặc ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước CITES có trị giá từ 300 triệu đồng trở lên, loài ĐVHD nguy cấp, quý hiếm thuộc Phụ lục II hoặc nhóm IIB có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên. Ngoài ra cũng có thể căn cứ vào giá trị thu lời bất chính từ 50 triệu đồng trở lên để bắt đầu xử lý hình sự mà không cần căn cứ vào giá trị động vật là đối tượng phạm tội.

+ Định lượng để bắt đầu xử lý hình sự theo quy định tại Điều 244 BLHS gồm: đối tượng tác động là động vật, cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống, sản phẩm của các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc động vật, cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống mà không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ nhưng thuộc nhóm IB của Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm hoặc Phụ lục I của Công ước CITES của từ 03 cá thể lớp thú, 07 cá thể lớp chim, bò sát, 10 cá thể lớp khác trở lên. Riêng ngà voi thì có khối lượng từ 2 kg trở lên và sừng tê giác có khối lượng từ 50 gram trở lên.

+ Các đối tượng đã phạm tội tại các điều 234, 244 BLHS chưa được xóa án tích hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi tương ứng thì cho dù đối tượng phạm tội là động vật dưới mức định lượng của điều luật thì cũng vẫn bị xử lý hình sự.

Mặt chủ quan của tội phạm: Tội phạm được thực hiện với lỗi cố ý. Người phạm tội hoặc người có thẩm quyền thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân thương mại nhận thức rõ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mà mình thực hiện nhưng vẫn thực hiện hành vi đó.

Chủ thể của tội phạm là người đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự và pháp nhân thương mại thỏa mãn điều kiện được quy định tại Điều 75 BLHS.

2. TÌNH HÌNH VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Trên thế giới²

Buôn bán trái pháp luật ĐVHD là một hoạt động kinh doanh lớn, được thực hiện bởi các mạng lưới tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia với tính chất nguy hiểm. Với lợi nhuận khổng lồ ít nhất khoảng 19 tỷ đô la Mỹ mỗi năm, theo báo cáo năm 2012 của WWF, đây được coi là “hoạt động thương mại toàn cầu bất hợp pháp” mang lợi nhuận lớn thứ 4 trên thế giới, sau buôn bán và vận chuyển ma túy, buôn bán hàng giả, tiền giả và buôn bán người.

² PGS. TS. Nguyễn Thị Trường Giang (2018). Báo chí điều tra về buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã. Học viện báo chí và tuyên truyền. Hà Nội. Việt Nam.

Theo báo cáo năm 2016 của Cơ quan Liên hợp quốc về ma túy và tội phạm (UNODC), thống kê từ 120 nước trên thế giới, tổng số vụ bắt giữ liên quan đến buôn bán trái pháp luật ĐVHD từ năm 1999 đến năm 2016 là 164.000 vụ. Trong đó, hai khu vực trọng điểm của vấn nạn này đó là Bắc Mỹ (chiếm 46%) và Châu Á - Thái Bình Dương (24%) tính trong giai đoạn từ 2005 đến 2014. Voi, tê giác và tê tê là ba loài được nhắc đến nhiều nhất trong các báo cáo tổng hợp của các tổ chức hoạt động về bảo vệ ĐVHD trên thế giới. Trong giai đoạn từ năm 1979 đến 1989, Châu Phi cho phép buôn bán ngà voi hợp pháp, và điều này dẫn đến việc mất kiểm soát, số voi ở Châu Phi đã giảm hơn một nửa, từ 1,3 triệu con xuống còn hơn 600.000 con. Ngay sau thời điểm đó, Ban Thư ký CITES đã thông qua lệnh cấm về buôn bán ngà voi trên toàn thế giới từ năm 1989. Ngà voi ở Châu Phi được thu thập và bán ở các thị trường Châu Á. Theo CITES, có 8 nước tham gia vào việc mua, bán hoặc cung cấp ngà voi bất hợp pháp là Kenya, Tanzania và Uganda ở Châu Phi; Trung Quốc, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam ở Châu Á. Ba nước Châu Phi chiếm 80% các vụ bắt giữ lớn ở Châu Phi vào năm 2013.

Theo số liệu của WWF, hiện nay thế giới chỉ còn khoảng 3.900 con hổ trong tự nhiên, điều này gây tác động tới hệ sinh thái Trái Đất lớn hơn gấp nhiều lần giá trị được tính bằng tiền. Tại Trung Quốc, theo một báo cáo của Bộ An ninh Quốc gia Trung Quốc cho thấy, từ năm 2010 đến năm 2013 có tới 2,59 tấn sản phẩm từ tê tê bị thu giữ ở Trung Quốc. Con số này tương đương khoảng 4.870 con tê tê bị giết. Ngoài ra, 259 kg tê tê nguyên con cũng bị tịch thu trong thời gian đó.

2.2. Tại Việt Nam

Tình hình chung

Trong những năm gần đây, theo đánh giá của một số tổ chức quốc tế, Việt Nam đang trở thành điểm nóng về buôn bán và sử dụng sản phẩm ĐVHD, cũng như là điểm trung chuyển lớn cho hoạt động buôn bán trái pháp luật ĐVHD trên thế giới.

Theo Báo cáo tổng kết Tình hình vi phạm và Thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013-2017³, các cơ quan chức năng đã phát hiện, bắt giữ 1.504 vụ vi phạm với 1.461 đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Cũng theo báo cáo này, có hơn 180 loài ĐVHD bị vận chuyển, buôn bán bất hợp pháp trong 1.504 vụ việc, với tổng số 26.221 cá thể và 41.328 kg cá thể và sản phẩm ĐVHD, trong đó các loài nguy cấp, quý hiếm bị đe dọa như tê tê, rắn, chim các loại và rùa chiếm tỷ lệ lớn trong các vụ việc bị phát hiện, bắt giữ, xử lý. Trong giai đoạn này, hành vi vận chuyển và buôn bán trái pháp luật ĐVHD bị bắt giữ, xử lý nhiều nhất. Thông qua phân tích địa điểm phát hiện, bắt giữ, xử lý các vụ vi phạm về ĐVHD, Báo cáo cho thấy, các vi phạm tập trung chính tại các thành phố lớn của Việt Nam (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh) hoặc địa bàn sát biên giới như: Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh (tiếp giáp với Trung Quốc); tỉnh Nghệ An; Đa Krông - tỉnh Quảng Trị (tiếp giáp với Lào); tỉnh An Giang, tỉnh Tây Ninh (tiếp giáp với Campuchia)...

³ WCS. (2018). Báo cáo tổng kết tình hình vi phạm và thực thi pháp luật về ĐVHD tại Việt Nam, giai đoạn 2013 - 2017. Tổ chức Wildlife Conservation Society, chương trình Việt Nam. Hà Nội, Việt Nam.

Một số đặc điểm về tội phạm liên quan đến động vật hoang dã

Tội phạm liên quan đến ĐVHD là những hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội do cá nhân hoặc pháp nhân thương mại thực hiện, được quy định trong BLHS và phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong tài liệu này, tội phạm liên quan đến ĐVHD là những hành vi được mô tả trong cấu thành tội phạm của Điều 234, Điều 244 BLHS. Đặc điểm về tội phạm liên quan đến ĐVHD ở Việt Nam là những đặc trưng mang tính hình sự của hành vi phạm tội này khi thực hiện, khác với các loại hành vi phạm tội không gắn với loài ĐVHD và mang tính phổ biến trong những năm qua tại Việt Nam, với các tiêu chí như đối tượng phạm tội, phương thức, thủ đoạn phạm tội, trốn tránh việc phát hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự của các cơ quan có thẩm quyền, cụ thể như sau:

Về đối tượng phạm tội

Đối tượng phạm tội và vi phạm pháp luật liên quan đến ĐVHD đa phần là công dân Việt Nam, tuy nhiên cũng có một số trường hợp là người nước ngoài, đây thường là những trường hợp phạm tội với khối lượng lớn mẫu vật thu giữ như ngà voi, sừng tê giác, vảy tê tê... Các đối tượng phạm tội về ĐVHD rất đa dạng, phức tạp về hình thức, tính chất, quy mô và thủ đoạn phạm tội; có thể chia làm 2 nhóm đối tượng phạm tội chính, bao gồm⁴:

⁴ Báo cáo tóm tắt kết quả rà soát các vụ án về ĐVHD của Viện kiểm sát nhân dân năm 2016 do Dự án USAID GIG hỗ trợ.

- Nhóm thứ nhất: là những đối tượng phạm tội nhỏ, lẻ, có ý thực hiện tội phạm nhằm thỏa mãn hoặc phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của cá nhân và gia đình.

- Nhóm thứ hai: là những đối tượng buôn bán lớn, thường dùng nhiều thủ đoạn tinh vi để thực hiện hành vi phạm tội và che giấu tội phạm.

Tuy nhiên, thực tế giải quyết các vụ việc cũng cho thấy có nhiều đối tượng phạm tội do không ý thức được các loài động vật mà mình mua bán, vận chuyển, nuôi nhốt là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ.

Về phương thức thủ đoạn⁵

Các đối tượng thực hiện các hành vi phạm tội liên quan đến ĐVHD có phương thức, thủ đoạn khác nhau tùy thuộc vào tính chất, địa bàn hoạt động, các loài ĐVHD bị buôn bán. Tuy nhiên qua tổng kết thực tiễn công tác đấu tranh với loại tội phạm này có thể khái quát một số đặc điểm cơ bản như sau:

- *Thủ đoạn trốn tránh sự phát hiện, bắt giữ của cơ quan chức năng:*

+ Hoạt động theo các băng nhóm, đường dây: Việc hình thành các băng nhóm, đường dây tội phạm đang là xu thế hoạt động của tội phạm môi trường hiện nay, trong đó bao gồm tội phạm về ĐVHD. Các đối tượng trong và ngoài nước câu kết với nhau để hình thành đường dây mua bán, vận

⁵ Tài liệu tập huấn kỹ năng phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm về ĐVHD do WCS phối hợp với nhóm chuyên gia của Học viện Cảnh sát, Đại học Kiểm sát Hà Nội và Tòa án nhân dân tối cao xây dựng phục vụ một số khóa tập huấn tháng 5-2019.

chuyển ĐVHD và các sản phẩm từ nước ngoài vào Việt Nam để tiêu thụ hoặc trung chuyển sang các nước khác như Trung Quốc, Hồng Kông... với phương thức, cách thức thực hiện ngày càng tinh vi hơn.

+ Dùng thủ đoạn che giấu, cất giấu, vận chuyển tinh vi, xảo quyệt nhằm trốn tránh sự kiểm tra của các cơ quan chức năng như: cất giấu sản phẩm ĐVHD vào các thùng hàng/container thuộc diện miễn kiểm tra hoặc kiểm tra xác suất (kết hợp với việc mua chuộc hoặc có sự “bảo kê” của một số cán bộ công chức), sản phẩm ĐVHD để lẫn với các loại thực phẩm, hàng hóa được phép nhập khẩu hoặc khai báo ĐVHD cùng với các loại động vật thông thường, ĐVHD được phép gây nuôi.

+ Hợp pháp hóa hồ sơ, giấy tờ chứng minh nguồn gốc ĐVHD hoặc sản phẩm của ĐVHD thông qua việc sửa chữa, làm giả giấy tờ

+ Thường xuyên thay đổi địa điểm giao hàng, thời gian giao hàng và thay đổi số máy điện thoại hoặc trao đổi với nhau bằng quy ước riêng, sử dụng tiếng lóng để giao dịch nhằm tránh sự phát hiện, theo dõi của cơ quan chức năng.

+ Sử dụng các trang mạng xã hội như Facebook, Viber, Zalo, Instagram, Wechat... để giao dịch, mua bán, trao đổi. Đây là phương thức, thủ đoạn rất tinh vi và khó phát hiện trong giai đoạn hiện nay.

+ Sử dụng đa dạng các hình thức vận tải để vận chuyển, “xé lẻ” ĐVHD để vận chuyển, sử dụng biển số giả, xe công vụ để vận chuyển.

- Thủ đoạn trốn tránh sau khi bị phát hiện, bắt giữ:

+ Hối lộ, mua chuộc cán bộ chức năng trực tiếp phát hiện, bắt giữ hoặc dùng “mối quan hệ” để chạy tội, chạy hàng.

+ Lợi dụng nơi vắng vẻ để đánh tháo, tẩu tán tang vật hoặc lợi dụng sự chênh lệch về lực lượng để chống trả, dùng vũ lực đe dọa, chống lại lực lượng chức năng.

+ Không khai báo, khai báo nhỏ giọt, khai báo thăm dò để tìm cách đối phó với cơ quan chức năng.

+ Sử dụng các phương tiện giao thông cơ động, tốc độ cao để bỏ chạy và sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ để chống trả khi bị phát hiện, truy bắt.

+ Từ chối nhận hàng, đổ lỗi cho đối tác gửi nhầm hàng hoặc không biết lý do có tên trong vận đơn, từ khai hải quan trong trường hợp ĐVHD được vận chuyển từ nước ngoài về Việt Nam.

+ Thuê người vận chuyển động vật nhưng chỉ cho biết địa chỉ giao hàng, không cho biết tên thật của chủ hàng, người nhận.

3. TÁC ĐỘNG CỦA BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Buôn bán trái pháp luật ĐVHD ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái, môi trường, làm lây lan các bệnh truyền nhiễm, làm gia tăng các loại hình tội phạm, đồng thời ảnh hưởng đến hình ảnh của Việt Nam và quan hệ hợp tác trên trường quốc tế. Tất cả các tác động này đều trực tiếp hoặc gián tiếp làm suy giảm lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

- Buôn bán trái pháp luật ĐVHD ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái. Cụ thể, sự biến mất của một loài động vật hay số lượng rất lớn động vật trong một thời gian ngắn làm gia tăng áp lực lên các loài động, thực vật phụ thuộc khác và dẫn tới sự sụp đổ của toàn bộ hệ sinh thái trong một khu vực. Ví dụ: một con tê tê trưởng thành có thể tiêu thụ hơn 20.000 con kiến mỗi ngày⁶, vậy khi tê tê biến mất thì số côn trùng trên sẽ gây ra ảnh hưởng tới thảm thực vật địa phương.

- Một số dịch bệnh lớn toàn cầu hiện nay cũng phần nào có liên quan đến hoạt động buôn bán ĐVHD. Hai phần ba các bệnh lây truyền từ động vật sang người có nguồn gốc từ ĐVHD⁷. Nguyên nhân chính của sự lây truyền được cho là do con người thực hiện các hoạt động xâm lấn vào tự nhiên như săn bắt ĐVHD, hay các hoạt động làm gia tăng sự tiếp xúc với các loài ĐVHD không áp dụng các tiêu chuẩn về an toàn sinh học như quá trình vận chuyển, nuôi nhốt, chế biến, tiêu thụ. Ví dụ như H5N1 được phát hiện trong chim hoang dã bị buôn lậu; SARS có nguồn gốc từ loài dơi móng ngựa và cây hương và EBOLA có nguồn gốc từ các loài linh trưởng. Các dịch bệnh này ảnh hưởng lớn đến sức khỏe con người, đồng thời ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của các quốc gia liên quan. Ví dụ, năm 2003, lượng khách du lịch quốc tế giảm 70% trên toàn châu Á do dịch SARS, gây thiệt hại cho ngành du lịch của các

⁶ <https://www.svw.vn/vi/bao-tro-te-te/>

⁷ Kate E. Jones, Nikkita G. Patel, Marc A. Levy, Adam Storeygard, Deborah Balk, John L. Gittleman, Peter Daszak Nature. 2008; 451(7181): 990–993. doi: 10.1038/nature06536.

nước Trung Quốc, Việt Nam, Hồng Kông, trong đó Việt Nam mất khoảng 500 triệu đô la Mỹ⁸.

- Hoạt động buôn bán trái pháp luật ĐVHD cũng thường đi cùng với hoạt động trốn thuế và hối lộ các cán bộ thực thi pháp luật, dẫn tới suy yếu hệ thống chính quyền và làm gia tăng tham nhũng. Để thực hiện được hoạt động buôn bán trái pháp luật ĐVHD, một số nhóm, tổ chức thường trang bị vũ khí đi cùng, điều này khiến thị trường chợ đen vũ khí bùng nổ, đồng thời làm gia tăng các loại hình tội phạm khác và gây sức ép đến an ninh xã hội.

- Nếu thiếu kiểm soát các hoạt động buôn bán trái pháp luật ĐVHD thì Việt Nam sẽ bị cô lập, loại trừ khỏi các công ước, thỏa thuận, hiệp định thương mại quốc tế vốn luôn luôn có các điều khoản về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học đi kèm.

4. THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ TẠI VIỆT NAM

Theo số liệu thống kê, tổng số các loài động, thực vật hoang dã được ghi vào Sách Đỏ Việt Nam (năm 2007) là 882 loài, trong đó có 418 loài động vật và 464 loài thực vật, tăng 161 loài so với giai đoạn 1992 - 1996 (lần xuất bản thứ nhất của các tập Sách Đỏ Việt Nam). Kết quả thống kê về hiện trạng các loài động vật nguy cấp, quý hiếm cũng cho thấy, nhiều

⁸ Nguồn: “Đề xuất giải pháp cứu các doanh nghiệp du lịch” <http://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/de-xuat-giai-phap-cuu-cac-doanh-nghiep-du-lich-2673859.html>

loài đang ở mức báo động, đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng cao do nguyên nhân chính là việc khai thác quá mức và mất môi trường sống. Trong đó có nhiều loài đặc hữu như: Voọc mũi hếch (*Rhinopithecus avunculus*) ước tính chỉ còn khoảng 190 cá thể. Đầu thế kỷ XX, loài này phân bố ở rừng núi của bốn tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Bắc Cạn và Thái Nguyên. Loài voọc lông trắng (*Trachypithecus delacouri*) chỉ phân bố ở Vườn quốc gia Cúc Phương, Khu bảo tồn tự nhiên Văn Long (Ninh Bình) và hiện chỉ còn khoảng 100 cá thể; tê giác Java Việt Nam (*Rhinoceros sondaicus annamiticus*) là một trong hai quần thể tê giác duy nhất còn sót lại trên Trái Đất, đã được xác nhận bị tuyệt chủng tại Việt Nam vào năm 2010⁹...

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo tồn đa dạng sinh học và những rủi ro tiềm ẩn từ việc buôn bán trái pháp luật ĐVHD, từ năm 1994 Việt Nam đã tham gia Công ước CITES. Đây là bản hiệp ước giữa các quốc gia thành viên về việc kiểm soát việc buôn bán, trao đổi các loài động thực vật hoang dã để tránh tình trạng khai thác quá mức dẫn đến tình trạng tuyệt chủng của các loài trong tự nhiên. Thực hiện cam kết và nghĩa vụ thành viên của Việt Nam, nhiều chính sách và pháp luật liên quan đến bảo tồn ĐVHD và đấu tranh phòng, chống buôn bán trái pháp luật ĐVHD đã được Việt Nam xây dựng và cụ thể hóa như trong BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

⁹ Báo cáo quốc gia lần thứ 5 thực hiện công ước đa dạng sinh học giai đoạn 2009 – 2013 trình Ban Thư ký Công ước Đa dạng sinh học (2014). Hà Nội, Việt Nam (<http://cbd.int/doc/world/vn/vn-nr-05en.doc>)

Luật Lâm nghiệp năm 2017), Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các chính sách này đã tạo nên hành lang pháp lý để tiến hành việc quản lý và bảo vệ các loài ĐVHD một cách bền vững. Nhiều chính sách đã có những ảnh hưởng tích cực đối với sự tồn tại của các loài, đặc biệt là ngăn chặn được việc khai thác và sử dụng quá mức đối với các loài ĐVHD quý, hiếm, đang bị đe dọa. Trong những năm gần đây, sự hoàn thiện về thể chế và quy định của Nhà nước, sự chỉ đạo và tham gia tích cực của các cơ quan quản lý, cơ quan thực thi pháp luật và sự hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ như WCS, WWF, FFI, ENV... đã góp phần tăng cường hiệu quả công tác bảo tồn loài và đấu tranh với các hành vi vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD. Tuy vậy, quá trình xây dựng và thực thi các chính sách này đã và đang cho thấy những tồn tại nhất định, đặc biệt là các chính sách về bảo vệ các loài ĐVHD chưa được xây dựng và thực hiện đồng bộ, các chế tài xử lý chưa có tác dụng ngăn chặn hiệu quả các hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển và buôn bán trái pháp luật các loài ĐVHD. Việc xử lý các vi phạm hiện vẫn còn ở một mức độ hạn chế nhất định, nhiều vụ án liên quan đến ĐVHD xảy ra nhưng chưa được khởi tố, điều tra, xử lý kịp thời nên chưa thực sự đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và nhằm bảo vệ hiệu quả các loài ĐVHD.

Các chuyên gia trong lĩnh vực này nhận định, một trong những nguyên nhân gây nên sự suy giảm các loài nguy cấp ở nước ta thời gian qua là do các chính sách, quy định pháp luật chưa đồng bộ, công tác bảo tồn đa dạng sinh học nói chung

và bảo tồn loài nói riêng chưa được quan tâm đúng mức. Vấn đề bảo vệ các loài hoang dã, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm còn có sự chông chéo về phân quyền, trách nhiệm quản lý giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do vậy, trong quá trình xây dựng văn bản thi hành Luật Đa dạng sinh học, còn chưa đạt được sự thống nhất dẫn đến sự chậm ban hành các văn bản hướng dẫn, quản lý, bảo tồn các loài. Trong khi đó, vấn đề bảo tồn các loài hiện cũng được quy định rải rác tại nhiều văn bản liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý, bảo vệ rừng, điều đó gây khó khăn, thiếu hiệu quả trong quá trình quản lý, thực thi pháp luật. Nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn loài còn rất hạn chế, thiếu sự quan tâm hỗ trợ... Bên cạnh đó, nhận thức của toàn xã hội đối với công tác bảo tồn loài, bảo tồn đa dạng sinh học còn nhiều hạn chế, một số bộ phận người dân vẫn có thói quen sử dụng các sản phẩm ĐVHD dẫn đến nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ gia tăng và trở thành vấn đề nóng, bức xúc trong xã hội; nhận thức của các cấp, các ngành mặc dù đã có thay đổi tích cực, nhưng chưa đủ và chưa quyết liệt nhằm góp phần bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm một cách hiệu quả và toàn diện¹⁰...

¹⁰ Báo nhân dân điện tử 2016 (thứ Bảy, 4/6/2016, 2016). Chung tay bảo vệ động vật hoang dã.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm về ĐVHD và thực trạng bảo tồn ĐVHD ở Việt Nam hiện nay?
2. Phân tích tình hình vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay?
3. Trình bày các giải pháp nhằm hạn chế các vi phạm về bảo vệ ĐVHD ở Việt Nam hiện nay?

Chương 2

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Cùng với sự phát triển của nhân loại, đa dạng sinh học trên toàn cầu đã bị tác động mạnh mẽ theo hướng bị tàn phá và hủy hoại ở nhiều quốc gia, bị đe dọa đến sự phát triển bình thường ở một số quốc gia khác từ đó gây nên nhiều hệ lụy khác như biến đổi khí hậu, hiệu ứng nhà kính, ô nhiễm môi trường... Để bảo vệ thiên nhiên, chống biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng cuộc sống, khai thác các sản phẩm từ tự nhiên và kinh doanh cũng như sử dụng các sản phẩm này một cách thích hợp, các quốc gia trên thế giới đã cùng nhau ký kết nhiều Công ước. Trong đó, có thể kể đến những công ước quan trọng, chính yếu như Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES), Công ước về đa dạng sinh học (CBD), Công ước về các vùng nước ngập mặn có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (Công ước Ramsar) đã có ảnh hưởng và tác động lớn đến đa dạng sinh học của thế giới, trong đó giúp phòng, chống buôn bán trái pháp luật các loài ĐVHĐ.

1.1. Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES)

Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (tên tiếng Anh là *Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora*). Công ước được ký kết vào tháng 3/1973 tại Washington DC với sự tham gia của 80 quốc gia và có hiệu lực từ ngày 01/7/1975, được dịch ra 5 thứ tiếng là tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp và có giá trị pháp lý như nhau. Đây là Công ước quan trọng về kiểm soát việc buôn bán, trao đổi các loài động thực vật hoang dã để tránh hoạt động khai thác quá mức dẫn đến tình trạng tuyệt chủng. Đến nay, Công ước CITES đã có 183 nước thành viên.

Thông qua việc đảm bảo mọi hoạt động buôn bán các loài động, thực vật hoang dã thuộc Công ước CITES phải được giám sát, kiểm soát chặt chẽ, các quốc gia thành viên thực hiện việc bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững kinh tế, xã hội, bảo vệ thiên nhiên của quốc gia mình cũng như của các quốc gia khác bởi giữa thương mại và khai thác tự nhiên có mối quan hệ đặc biệt. Nếu không có chiến lược và kiểm soát thì tất yếu việc khai thác sản vật từ thiên nhiên, trong đó có các loài ĐVHD nguy cấp sẽ bị đẩy đến tình trạng cạn kiệt, thậm chí tuyệt chủng.

Công ước CITES đưa ra danh mục các loài ĐVHD nguy cấp với ba phụ lục đó là:

+ Phụ lục I là danh mục những loài bị đe dọa tuyệt diệt do hoặc có thể do buôn bán. Việc buôn bán mẫu vật của những loài này phải tuân theo những quy chế nghiêm ngặt để không tiếp tục đe dọa sự tồn tại của chúng và chỉ có thể thực hiện được trong những trường hợp ngoại lệ.

+ Phụ lục II là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng, nếu việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại những loài này không được kiểm soát.

+ Phụ lục III là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã mà một nước thành viên CITES yêu cầu nước thành viên khác của CITES hợp tác để kiểm soát việc buôn bán vì mục đích thương mại.

Tất cả những nước thành viên đều không cho phép buôn bán mẫu vật của những loài thuộc Phụ lục I, II, III không phù hợp với những điều khoản của Công ước CITES.

Theo Công ước, mỗi quốc gia thành viên phải bổ nhiệm ít nhất một cơ quan thẩm quyền quản lý có đủ thẩm quyền cấp giấy phép hoặc chứng chỉ thay mặt cho quốc gia thành viên đó; và ít nhất một cơ quan thẩm quyền khoa học.

Ngoài ra, Công ước quy định về giấy phép, chứng chỉ các trường hợp miễn trừ và đặc biệt trong buôn bán các loài này, những biện pháp quốc gia thành viên cần thực hiện, hoạt động buôn bán với các nước không tham gia công ước, hội nghị các nước thành viên, cũng như các quy định về việc sửa đổi, bổ sung và bảo lưu công ước.

1.2. Công ước về đa dạng sinh học (CBD)

Công ước đa dạng sinh học (tên tiếng Anh là *Convention on Biological Diversity*) được ký kết ngày 05/6/1992 tại thành phố Rio de Janeiro của Brazil, có hiệu lực ngày 29/12/1993. Tính đến nay, 196 quốc gia đã tham gia Công ước này. Việt Nam chính thức gia nhập vào ngày 16/11/1994. tại thành phố Rio de Janeiro của Brazil, tên tiếng Anh là “Convention on Biological Diversity” (CBD). Nội dung chính của Công ước thể hiện:

Các quốc gia tham gia Công ước đều ý thức được giá trị thực chất của đa dạng sinh học và giá trị sinh thái, di truyền, xã hội, kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hoá, giải trí và thẩm mỹ của đa dạng sinh học và các bộ phận hợp thành của nó, ý thức được tầm quan trọng của đa dạng sinh học đối với tiến hoá và duy trì các hệ thống sinh sống lâu bền của sinh quyển và khẳng định rằng các quốc gia có chủ quyền đối với các tài nguyên sinh học của đất nước họ, các quốc gia chịu trách nhiệm bảo toàn đa dạng sinh học và sử dụng tài nguyên sinh học của mình được lâu bền.

Các quốc gia, phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc và các nguyên tắc luật pháp quốc tế có toàn quyền khai thác các tài nguyên của họ theo các chính sách mà họ đề ra; và có trách nhiệm bảo đảm rằng các hoạt động trong phạm vi thẩm quyền hay kiểm soát của họ không làm phương hại đến môi trường của các quốc gia khác hoặc các khu vực không thuộc thẩm quyền quốc gia.

Ngoài ra Công ước còn đề cập đến các nội dung chính như: Các biện pháp chung để bảo toàn và sử dụng lâu bền,

trao đổi thông tin, hợp tác khoa học kỹ thuật, quản lý công nghệ sinh học và việc phân phối lợi ích, mối quan hệ với các công ước quốc tế khác, hội nghị của các bên, tổ chức và hoạt động của ban thư ký...

1.3. Công ước về các vùng nước ngập mặn có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước (Công ước Ramsar)

Công ước về các vùng nước ngập mặn có tầm quan trọng quốc gia đặc biệt như là nơi cư trú của các loài chim nước hay còn gọi là Công ước Ramsar là một công ước quốc tế về bảo tồn và sử dụng một cách hợp lý, thích hợp các vùng đất ngập nước, với mục đích ngăn chặn quá trình xâm lấn ngày càng gia tăng vào các vùng đất ngập nước cũng như sự mất đi của chúng ở thời điểm hiện nay và trong tương lai. Công ước cũng công nhận các chức năng sinh thái, nền tảng của các vùng đất ngập nước và các giá trị giải trí, khoa học, văn hóa và kinh tế của chúng. Tên tiếng Anh của Công ước là “The Convention on Wetlands of International Importance, especially as Waterfowl Habitat”. Công ước được các quốc gia tham gia ký kết tại thành phố Ramsar của Iran vào ngày 2/2/1971 và có hiệu lực ngày 21/12/1975.

Đến nay có khoảng 170 quốc gia và vùng lãnh thổ tham gia Công ước Ramsar, bao gồm 2.424 khu, tổng diện tích là 254.601.601 hecta. Phục vụ cho công ước là ủy ban thường trực, ban xét duyệt khoa học và Ban thư ký tại trụ sở chính ở Gland, Thụy Sĩ cùng với IUCN¹¹.

¹¹ <https://www.ramsar.org/sites/default/files/documents/library/sitelist.pdf>

2. PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN TRÁI PHÁP LUẬT ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Việt Nam là một trong những quốc gia thuộc có khí hậu nhiệt đới, gió mùa nên có hệ thống đa dạng sinh học rất phong phú. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế xã hội và giao thương quốc tế đã đe dọa đến sự phát triển ổn định và bền vững của hệ sinh thái, bao gồm các loài ĐVHD. Do vậy, cùng với nhiều quốc gia khác trên thế giới, Việt Nam sớm thấy được sự cần thiết phải bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học của quốc gia, cũng như quốc tế thông qua việc tham gia các Công ước quốc tế.

2.1. Việt Nam tham gia các công ước quốc tế quan trọng liên quan đến bảo vệ các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm

- Năm 1994, Việt Nam trở thành thành viên chính thức thứ 121/178 quốc gia của CITES. Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES đặt tại Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Các cơ quan khoa học CITES bao gồm Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, Viện Khoa học Lâm nghiệp, Viện Nghiên cứu Hải sản để thực thi CITES.

- Việt Nam tham gia ký kết Công ước đa dạng sinh học ngày 16/11/1994. Trên cơ sở Công ước, Việt Nam đã nội luật hóa bằng việc ban hành Luật Đa dạng sinh học đã được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13/11/2008 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2009. Luật đa dạng sinh học năm 2008

quy định về nguyên tắc và chính sách bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật và tài nguyên di truyền; hợp tác quốc tế về đa dạng sinh học; cơ chế, nguồn lực và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

- Việt Nam đã ký gia nhập Công ước Ramsar vào năm 1989, là thành viên thứ 50, đồng thời là quốc gia đầu tiên của Đông Nam Á tham gia Công ước này. Cho đến năm 2016, Việt Nam đã xác định và được quốc tế công nhận 9 khu Ramsar là: Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định; Vùng Đất ngập nước Bàu Sấu của vườn quốc gia Cát Tiên, tỉnh Đồng Nai; Hồ Ba Bể tại tỉnh Bắc Cạn; Vườn quốc gia Tràm Chim thuộc tỉnh Đồng Tháp; Vườn quốc gia Mũi Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau; Vườn quốc gia Côn Đảo tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen của khu bảo tồn sinh thái rừng tràm Đồng Tháp Mười; Vườn quốc gia U Minh Thượng thuộc tỉnh Kiên Giang; và Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vàm Long, tỉnh Ninh Bình

2.2. Các văn bản pháp luật về bảo vệ động vật hoang dã tại Việt Nam

**** Luật Lâm nghiệp 2017***

Luật Lâm nghiệp 2017 được Quốc hội khoá XIV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15/11/2017 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2019, thay thế cho Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004. Luật nêu rõ các quy định về bảo vệ và quản lý rừng, trong đó nghiêm cấm mọi hành vi săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, tàng trữ,

vận chuyển, buôn bán động vật rừng, thu thập mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng trái pháp luật.

**** Luật Đa dạng sinh học năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2018)***

Luật Đa dạng sinh học năm 2008 sửa đổi gồm có 8 chương, 78 điều quy định về nguyên tắc và chính sách bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; bảo tồn và phát triển bền vững hệ sinh thái tự nhiên, các loài sinh vật và tài nguyên di truyền; hợp tác quốc tế về đa dạng sinh học; cơ chế, nguồn lực và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

**** Luật đầu tư năm 2020***

Tại Điều 6 có quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh trong đó cấm các hoạt động đầu tư kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, ĐVHD theo quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES; mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm Nhóm IB có nguồn gốc từ tự nhiên theo quy định tại Phụ lục III của Luật.

**** Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ)***

Nhằm bảo vệ các loài thực vật rừng, động vật rừng có giá trị đặc biệt về khoa học, môi trường hoặc có giá trị cao về kinh tế, số lượng quần thể còn rất ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ tuyệt chủng cao, Nghị định ban hành Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm theo hai nhóm:

- Nhóm I: Các loài thực vật rừng, động vật rừng đang bị đe dọa tuyệt chủng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục I CITES phân bố tự nhiên tại Việt Nam.

Trong đó, Nhóm IB, gồm 105 loài động vật rừng. (theo Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP).

- Nhóm II: Các loài thực vật rừng, động vật rừng chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có nguy cơ bị đe dọa nếu không được quản lý chặt chẽ, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại và các loài thuộc Phụ lục II CITES có phân bố tự nhiên tại Việt Nam

Trong đó, Nhóm IIB, gồm 81 loài và nhóm loài động vật rừng. (theo Danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP).

**** Quyết định số 11/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật một số loài ĐVHD thuộc các Phụ lục của Công ước về Buôn bán Quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.***

Quyết định cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật ĐVHD thuộc các Phụ lục của Công ước CITES và các sản phẩm của chúng, bao gồm: (1) Tê giác trắng (*Ceratotherium simum*); (2) Tê giác đen (*Diceros bicornis*); và (3) Voi Châu Phi (*Loxodonta africana*).

**** Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019)***

Nghị định này quy định hệ thống các tiêu chí để đánh giá và xác định loài ĐVHD đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (Danh mục này được sửa đổi theo Nghị định 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019). Theo đó, loài được đưa vào Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nếu: (i) Số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng và (ii) Là loài đặc hữu có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học, y tế, kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa – lịch sử. Ví dụ: chồn bay, cu li lớn, cu li nhỏ, voọc bạc đông dương, voọc cát bà...

2.3. Quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

2.3.1. Chế tài xử phạt vi phạm hành chính

Theo quy định của khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, vi phạm hành chính là hành vi vi phạm pháp luật do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử lý vi phạm hành chính. Theo cách hiểu thông thường, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm hành chính ít nghiêm trọng hơn so với tội phạm được quy định tại BLHS. Trước khi BLHS năm 2015 được thông qua với các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với một số loại tội phạm, hành vi vi phạm của tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc chịu các chế tài dân sự, do đó, Luật Xử lý vi phạm hành chính dùng cụm từ “mà không phải là tội phạm”

để phù hợp với quy định của BLHS trước đây thay vì dùng cụm từ “mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự”¹².

2.3.2. Hệ thống các văn bản về xử phạt vi phạm hành chính nói chung

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012, 2014, 2017 và 2020);

- Các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước¹³;

Luật Xử lý vi phạm hành chính không quy định hành vi vi phạm hành chính mà chỉ quy định mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, trình tự, thủ tục xử phạt, áp dụng các biện pháp ngăn chặn (Điều 24).

Hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm

¹² Điều 1 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 1995: Xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy tắc quản lý nhà nước mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính. Đến Pháp lệnh năm 2002, cụm từ “mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự” được sửa thành “mà không phải là tội phạm”.

¹³ Có khoảng 46 nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước.

hành chính; việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước sẽ do Chính phủ quy định (Điều 4).

Theo đó, Chính phủ ban hành các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước. Tất cả hành vi vi phạm hành chính đều do Chính phủ quy định. Nếu luật, pháp lệnh có quy định hành vi vi phạm hành chính và mức phạt đối với từng hành vi, thì việc xử phạt cũng căn cứ vào các quy định này. Tuy nhiên, tính đến thời điểm này, ngoài các nghị định của Chính phủ, không có luật, pháp lệnh nào quy định hành vi và mức phạt đối với các vi phạm hành chính.

Mỗi nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về một hoặc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính thì hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực này nhưng do tính chất đặc thù của hành vi đó có thể quy định và xử phạt trong nghị định xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực khác, dẫn đến việc lựa chọn nghị định áp dụng khó khăn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), người có thẩm quyền xử phạt cần áp dụng Nghị định được ban hành sau để xử phạt.

- Các nghị định quy định chi tiết Luật về trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính.

+ Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 hướng dẫn Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Nghị định số 142/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất.

+ Nghị định 138/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

+ Nghị định 135/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 quy định về danh mục, việc quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và quy trình thu thập, sử dụng dữ liệu thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật do cá nhân, tổ chức cung cấp để phát hiện vi phạm hành chính.

+ Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

+ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

2.3.3. Các văn bản về xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến quản lý, bảo vệ động vật hoang dã

Các hành vi liên quan đến quản lý, bảo vệ ĐVHD được quy định tại nhiều nghị định khác nhau, cụ thể là:

** Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp thay thế Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 quy định xử phạt VPHC về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.*

Đây là văn bản quan trọng trực tiếp xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại đến ĐVHD gồm săn bắt, giết, nuôi, nhốt; vận chuyển; tàng trữ, mua bán, chế biến;... Trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp, Nghị định này đã điều chỉnh bãi bỏ một số hành vi không phù hợp với thực tiễn; đồng thời, bổ sung một số điểm mới để thích hợp với công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp, cụ thể như: mở rộng phạm vi về đối tượng áp dụng, tăng mức tiền xử phạt vi phạm hành chính cụ thể các mức phạt hành chính theo định lượng sừng tê giác, ngà voi...

** Nghị định 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi.*

Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định 35/2019/NĐ-CP như: thêm quy định xử lý vi phạm hành chính đối với xuất khẩu, nhập khẩu lâm sản, quy định rõ thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan chức năng, và đảm bảo thống nhất với các quy định mới tại Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước CITES.

** Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/ 11/ 2016 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thay thế cho Nghị định số 179/2013/NĐ-CP.*

Nghị định này quy định việc xử lý hành chính đối với hành vi vi phạm các quy định về quản lý cơ sở bảo tồn đa

dạng sinh học như không báo cáo tình trạng loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, tuân thủ các quy định về bảo vệ, nuôi dưỡng, chăm sóc loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, không có Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp.

** Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.*

Nghị định đưa ra chế tài xử lý hành chính đối với quảng cáo hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh quy định tại Điều 6, Luật Đầu tư năm 2020).

2.4. Quy định của pháp luật về xử lý hình sự đối với hành vi buôn bán trái pháp luật động vật hoang dã

2.4.1. Bộ luật hình sự năm 1985

Bộ luật Hình sự năm 1985 đã có quy định về bảo vệ ĐVHD tại Điều 181 “Tội vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ rừng”. Theo đó, hành vi săn bắt trái phép chim, thú sẽ bị coi là tội phạm nếu gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng với cấu thành cơ bản sẽ bị phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm. Trong trường hợp phạm tội thuộc cấu thành tăng nặng thì sẽ bị phạt tù từ 2 năm đến 10 năm. Bộ luật không quy định cụ thể các loài chim, thú và loài động vật thủy sinh không là đối tượng của tội danh này.

2.4.2. Bộ luật hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung năm 2009

BLHS năm 1999 có 01 điều (Điều 190) quy định trực tiếp hành vi vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD và một số điều

khác mà các cơ quan tiến hành tố tụng thường vận dụng để xử lý các tội phạm liên quan đến ĐVHD như Điều 153 - Tội buôn lậu, Điều 154 - Tội vận chuyển hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, Điều 183 - Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản. Cụ thể như sau:

- Điều 190 trực tiếp điều chỉnh việc xử lý các hành vi xâm hại đến ĐVHD quý hiếm, theo đó người nào săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép ĐVHD quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái pháp luật sản phẩm của loại động vật đó thì sẽ bị xử lý hình sự. Danh mục động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nằm trong nhóm IIB ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng, sau này là nhóm IB và IIB Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm (sau đây gọi là Nghị định số 32/2006/NĐ-CP). Để hướng dẫn áp dụng, liên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao và VKSND tối cao cũng đã ban hành Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, trong đó hướng dẫn đối với các loài động vật rừng không thuộc nhóm IB nhưng thuộc Phụ lục I của Công ước CITES thì xử lý như nhóm IB. Năm 2009, điều luật này đã được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm sự phù hợp với Luật Đa dạng sinh học 2008. Theo đó, tên điều luật được thay đổi là “Tội vi phạm các quy định về bảo vệ ĐVHD thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ”, như vậy, đối tượng bảo vệ của

Điều luật này được sửa đổi là loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Danh mục loài được ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 160/2013/NĐ-CP).

Ngoài quy định tại Điều 190, đối với động vật và sản phẩm của chúng không thuộc danh mục ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP thì tùy từng trường hợp cụ thể, các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng Điều 153 - Tội buôn lậu, Điều 154 - Tội vận chuyển hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, Điều 155 - Tội sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán hàng cấm để xử lý các tội phạm liên quan đến ĐVHD với tính chất là hàng cấm theo quy định của pháp luật (Luật Thương mại năm 2005) hoặc Điều 183 - Tội hủy hoại nguồn lợi thủy sản.

2.4.3. BLHS năm 2015 và sửa đổi, bổ sung năm 2017

Để xử lý đối với hành vi tàng trữ trái phép ĐVHD, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng pháp luật một cách chính xác, xử lý nhanh chóng, kịp thời các hành vi phạm tội trong tình hình mới, BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung nhiều chính sách lớn liên quan đến các tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ ĐVHD, cụ thể như sau:

Điều 244 BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung Điều 190 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) theo hướng mở rộng phạm vi đối tượng các loài ĐVHD được bảo vệ. Tại Điều này, không chỉ đối với động vật thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ - là loài nghiêm cấm

khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, mà còn đối với cả các loài thuộc Nhóm IB ban hành kèm theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP và ĐVHD quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES.

- Điều 244 BLHS năm 2015 bổ sung nhóm hành vi phạm tội tàng trữ, vận chuyển, buôn bán trái phép sừng tê giác và ngà voi như là nhóm đối tượng được bảo vệ đặc biệt nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này (điểm c khoản 1).

- BLHS năm 2015 đã hình sự hoá hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ; tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của động vật thuộc loài quy định tại nhóm IB và Phụ lục I của công ước CITES nhằm bảo đảm xử lý triệt để các hành vi phạm tội, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

- Để bảo đảm cá thể hoá trách nhiệm hình sự cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tiến hành tố tụng thống nhất áp dụng các quy định trong việc xử lý tội phạm, khoản 2 Điều 244 BLHS năm 2015 đã bổ sung tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định về số lượng cá thể một số loài như voi, tê giác, gấu, hổ. Đặc biệt, khoản 2 Điều 244 đã bổ sung tình tiết tăng nặng “buôn bán, vận chuyển qua biên giới” để khắc phục tình trạng xảy ra trong thực tiễn xử lý loại tội này, đó là cùng một hành vi phạm tội buôn bán, vận chuyển ĐVHD qua biên giới nhưng lại áp dụng các quy định khác nhau để xử lý. Ngoài ra, điều luật còn bổ sung tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” và “lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức”.

- BLHS năm 2015 nâng mức hình phạt tiền đối với người thực hiện tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm tại khung cơ bản từ 500 triệu đồng đến 02 tỉ đồng, tăng mức phạt tù từ 03 năm lên 05 năm (khoản 1 Điều 244); nâng mức cao nhất của hình phạt tù từ 07 năm (khoản 2 Điều 190 BLHS 1999) lên 15 năm (khoản 3 Điều 244 BLHS năm 2015) nhằm bảo đảm chính sách xử lý phù hợp với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và tình hình thực tiễn. Như vậy, tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm đã được điều chỉnh từ tội phạm nghiêm trọng thành tội phạm rất nghiêm trọng.

- Để tăng cường bảo vệ ĐVHD, nâng cao khả năng phòng ngừa vi phạm, BLHS năm 2015 đã bổ sung một tội danh mới, độc lập để có chính sách xử lý hình sự các hành vi phạm tội xâm hại nhóm ĐVHD thuộc nhóm IIB Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 của Chính phủ, Phụ lục II của Công ước CITES hoặc ĐVHD thông thường khác, đó là tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD (Điều 234 BLHS năm 2015).

- BLHS năm 2015 bổ sung trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với các tội liên quan đến bảo vệ ĐVHD. Việc xử lý trách nhiệm hình sự của pháp nhân vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD được thực hiện theo các quy định chung. Tại Điều 234 BLHS, tùy từng mức độ vi phạm, pháp nhân thương mại vi phạm có thể bị phạt tiền từ ba trăm triệu đồng đến sáu tỉ đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; tại Điều 244 BLHS, pháp nhân thương mại có thể bị phạt tiền từ 1 tỉ

đồng đến 15 tỉ đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Năm 2017, BLHS năm 2015 đã được sửa đổi với những nội dung:

*** Tại Điều 234 thay đổi:**

+ Tại điểm a, b khoản 1: giảm giá trị định lượng để cấu thành tội phạm của các loài động vật thuộc nhóm II hoặc Phụ lục II của Công ước CITES từ 300 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng xuống còn 150 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng. ĐVHD thông thường khác giảm giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng xuống còn 300 triệu đồng đến dưới 700 triệu đồng. Bổ sung thêm tình tiết định tội thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng.

+ Tại điểm c khoản 1: đối với hành vi đã bị xử lý hành chính hoặc chưa được xóa án tích do phạm tội đã bị xét xử, bổ sung thêm tình tiết định tội thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng.

+ Tại khoản 2, quy định tình tiết định khung tăng nặng: giảm giá trị định lượng để cấu thành tội phạm của các loài động vật quý, hiếm thuộc nhóm IIB hoặc thuộc Phụ lục II của Công ước CITES từ 1 tỷ đồng đến dưới 2 tỷ đồng thành từ 500 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng; ĐVHD thông thường hoặc bộ phận, sản phẩm của các động vật đó trị giá 1,5 tỷ đồng trở lên hành ĐVHD khác trị giá từ 700 triệu đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng.

+ Tại khoản 3 quy định tình tiết tăng nặng: giảm giá trị định lượng của cấu thành tội phạm của các loài động vật nguy cấp, quý hiếm thuộc Nhóm IIB hoặc Phụ lục II của

Công ước CITES từ từ 2 tỷ đồng trở lên thành từ 1 tỷ đồng trở lên và ĐVHD khác trị giá từ 2 tỷ đồng trở lên thành 1,5 tỷ đồng trở lên.

*** Điều 244 thay đổi:**

+ Sửa cụm từ “bộ phận cơ thể” thành “bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống” đối với loài được ưu tiên bảo vệ (khoản 1).

+ Sửa số lượng động vật hoặc bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống của từ “07 đến 10 cá thể lớp thú” thành “03 cá thể đến 07 cá thể lớp thú”.

2.4.4. Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Nội dung Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 234 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã, Điều 244 về tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của Bộ luật Hình sự và Điều 106 về xử lý vật chứng trong giai đoạn xét xử của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong đó:

- Hướng dẫn áp dụng một số tình tiết định tội như: ĐVHD quy định tại Điều 234; ĐVHD khác quy định tại Điều 234 của BLHS; động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 244; cá thể; bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống; sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm...

- Hướng dẫn áp dụng một số tình tiết định khung hình phạt như: Săn bắt trong khu vực bị cấm; săn bắt vào thời gian bị cấm; sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm.

- Hướng dẫn về việc xử lý vật chứng: Việc xử lý vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng...

- Dẫn chiếu nội dung về thẩm quyền, trình tự, thủ tục xử lý vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng theo quy định của BLTTHS và văn bản hướng dẫn thi hành.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày các quy định của pháp luật quốc tế về phòng, chống buôn bán trái pháp luật ĐVHD?
2. Trình bày các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về xử lý các vi phạm về bảo vệ ĐVHD?
3. Trình bày quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi buôn bán trái pháp luật ĐVHD?
4. Trình bày những điểm thay đổi trong chính sách xử lý hình sự đối với tội phạm liên quan đến bảo vệ ĐVHD?

Chương 3

HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1.1. Khái niệm

Khởi tố vụ án hình sự là giai đoạn mở đầu của TTHS, giai đoạn này bắt đầu từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố cho đến khi cơ quan có thẩm quyền xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Khi ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền mới xác định có dấu hiệu tội phạm, còn cụ thể diễn biến của vụ án như thế nào, người nào thực hiện hành vi phạm tội, có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không vẫn chưa được làm rõ. Việc làm rõ những vấn đề này thuộc nhiệm vụ của giai đoạn điều tra.

Điều tra vụ án hình sự là một trong những giai đoạn của tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra (CQĐT), cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được tiến hành các biện pháp theo quy định

của BLTTHS để thu thập chứng cứ, xác định sự thật của vụ án, như khởi tố và hỏi cung bị can, triệu tập, lấy lời khai của người làm chứng, của bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đối chất, nhận dạng, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra, trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu. Trong một số trường hợp, được áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như ghi âm, ghi hình bí mật, nghe điện thoại bí mật, thu thập bí mật dữ liệu điện tử.

Nếu kết quả của hoạt động điều tra chưa xác định được bị can hoặc không biết rõ bị can đang ở đâu hoặc trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra hoặc có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo thì CQĐT có thể tạm đình chỉ điều tra. Khi lý do tạm đình chỉ điều tra không còn thì sẽ phục hồi điều tra.

Nếu kết quả điều tra cho thấy không có sự việc phạm tội, hành vi của bị can không cấu thành tội phạm, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết hoặc chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; có căn cứ để miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can hoặc đã hết thời hạn điều tra vụ án mà không chứng minh được bị can đã thực hiện tội phạm, hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì CQĐT sẽ ra quyết định đình chỉ điều tra.

Nếu kết quả điều tra cho thấy có đủ căn cứ để truy tố bị can thì CQĐT đề nghị VKS truy tố bị can ra trước Tòa án để xét xử.

Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định VKSND THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp. Trong tổ tụng hình sự, VKS THQCT và kiểm hoạt động tư pháp bắt đầu từ khi có vụ việc phạm tội xảy ra và trong suốt quá trình giải quyết vụ án của CQĐT. Trong giai đoạn này, VKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của BLTTHS, gồm:

- THQCT trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; tiếp nhận và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm;
- THQCT và kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự;
- THQCT và kiểm sát điều tra vụ án hình sự trong giai đoạn điều tra vụ án.

Như vậy, có thể thấy hoạt động của VKSND trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án về ĐVHD là việc VKSND thực hiện đồng thời hai chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD, trong suốt quá trình khởi tố, điều tra nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố, điều tra kịp thời, hoạt động điều tra được tuân thủ đúng pháp luật.

1.2. Đặc điểm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án về động vật hoang dã

Hoạt động THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án về ĐVHD có những đặc điểm sau:

1.2.1. Về thủ tục tố tụng

Theo quy định của BLTTHS Việt Nam, trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra vụ án hình sự bao gồm các hoạt động như: Tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố liên quan đến ĐVHD; tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú; quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự; quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự; khởi tố và hỏi cung bị can; lấy lời khai người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đối chất và nhận dạng; khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; khám nghiệm hiện trường; giám định, định giá tài sản; tạm đình chỉ điều tra và kết thúc điều tra.

1.2.2. Về phạm vi hoạt động

Trong giai đoạn này, VKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của BLTTHS là THQCT trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm (Điều 159); tiếp nhận và kiểm sát việc khởi tố nguồn tin về tội phạm (Điều 160); THQCT và kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự (Điều 161); THQCT và kiểm sát điều tra vụ án hình sự (Điều 165, Điều 166). Do đó công tác THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn khởi tố, điều tra bắt đầu từ khi phát hiện có dấu hiệu tội phạm đến khi kết thúc điều tra, CQĐT ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra.

1.2.3. Về tội danh

Chỉ được khởi tố vụ án hình sự về ĐVHD khi xác định có dấu hiệu tội phạm được quy định tại Điều 234 và Điều 244 BLHS.

Động vật nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Điều 244 của BLHS là các loài động vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục I Công ước CITES .

Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này theo điểm e khoản 1 Điều 244 của BLHS là trước đó đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi quy định tại điểm c, d và đ khoản 1 Điều 244 của BLHS, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại điểm c, d và đ khoản 1 Điều 244 của BLHS.

ĐVHD quy định tại Điều 234 của BLHS là các loài động vật thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIB theo quy định của Chính phủ hoặc Phụ lục II Công ước CITES..

ĐVHD khác quy định tại Điều 234 của BLHS là các loài động vật rừng thông thường theo quy định của pháp luật và ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục III Công ước CITES..

Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này theo điểm c khoản 1 Điều 234 của

BLHS là trước đó đã bị xử phạt hành chính về một trong những hành vi quy định tại Điều 234 của BLHS, nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính mà lại thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 234 của BLHS.

2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN KHỞI TỐ, ĐIỀU TRA VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

2.1. Thực hành quyền công tố trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm liên quan đến động vật hoang dã

Theo quy định tại Điều 159 BLTTHS, khi THQCT trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Phê chuẩn, không phê chuẩn việc bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ và các biện pháp khác hạn chế quyền con người, quyền công dân trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

- Khi cần thiết, đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện.

- Quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; quyết định khởi tố vụ án hình sự.

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố vụ án hình sự.

- Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong các trường hợp do BLTTHS quy định.

- Hủy bỏ quyết định tạm giữ, quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm và các quyết định tố tụng khác trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc THQCT theo quy định của BLTTHS nhằm chống bỏ lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn này trong giải quyết vụ án về ĐVHĐ, kiểm sát viên (KSV) cần lưu ý:

- Nắm bắt các thông tin về nguồn tin từ dư luận quần chúng nhân dân, các cơ quan nhà nước hữu quan, các tổ chức, trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, truyền hình... để trao đổi và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều tra thụ lý, thiết lập hồ sơ, giải quyết nguồn tin đúng theo quy định.

- Khi Cơ quan có thẩm quyền điều tra bàn giao hồ sơ, tài liệu về nguồn tin thì KSV cần: Kiểm tra bảng kê tài liệu của cơ quan có thẩm quyền lập để xác định, đối chiếu với các tài liệu gửi kèm; kiểm tra sơ bộ về tính hợp pháp, liên quan của các tài liệu như: Quyết định phân công điều tra viên (ĐTV) giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố; Đơn tố giác, biên bản kiểm tra hành chính, biên bản bắt người, biên bản thu giữ tang vật, tài liệu, biên bản ghi lời khai, quyết định trưng cầu giám định, bản kế hoạch xác minh v.v.

- Khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do cá nhân, tổ chức trình báo cần: Kiểm tra giấy tờ tùy thân

để xác định rõ tên, tuổi, địa chỉ của người tố giác; xác định nội dung nội dung tố giác (thực hiện hành vi phạm liên quan đến ĐVHD và tương ứng với Điều luật nào được quy định trong BLHS? Xảy ra khi nào? Xảy ra ở đâu? Có hậu quả xảy ra không? Nếu có thì hậu quả đó như thế nào? Những tình tiết liên quan khác như có ai liên quan, có ai chứng kiến sự việc xảy ra, và các đặc điểm về vật chứng. Nếu vật chứng là ĐVHD còn sống, cần khai thác thêm các thông tin như tình trạng sức khỏe của ĐVHD, phương thức cất giấu, nuôi, nhốt để đưa ra các biện pháp cứu hộ kịp thời).

Sau khi xem xét và xác định cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, KSV báo cáo và đề xuất lãnh đạo Viện chuyển ngay các tố giác, tin báo... cùng với các tài liệu liên quan đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin để tiếp tục theo dõi việc giải quyết.

- Trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp Cơ quan có thẩm quyền điều tra vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Khi trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, KSV được phân công phải thực hiện các hoạt động sau đây: Trước khi tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh, KSV phải xây dựng kế hoạch báo cáo lãnh đạo đơn vị; lãnh đạo Viện xem xét, phê duyệt. Trong quá trình kiểm tra, xác minh, KSV tuân thủ quy định của BLTTHS về căn cứ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các biện pháp kiểm

tra, xác minh. Đối với vụ việc phức tạp, KSV có thể phối hợp với ĐTV, Cán bộ điều tra để tiến hành một số hoạt động kiểm tra, xác minh. Kết thúc việc kiểm tra, xác minh, KSV nghiên cứu, đánh giá chứng cứ, tài liệu, đồ vật, báo cáo lãnh đạo đơn vị; lãnh đạo Viện kết quả kiểm tra, xác minh và đề xuất hướng giải quyết theo quy định của pháp luật. Chứng cứ, tài liệu, đồ vật KSV thu thập được trong quá trình kiểm tra, xác minh phải được đưa vào hồ sơ vụ việc, lưu hồ sơ kiểm sát theo quy định của pháp luật.

2.2. Tiếp nhận và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm

Theo quy định tại Điều 160 BLTTHS, trong tiếp nhận và kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Tiếp nhận đầy đủ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến, tiếp nhận người phạm tội tự thú, đầu thú và chuyển ngay cho CQĐT có thẩm quyền giải quyết.

- Kiểm sát việc tiếp nhận, trực tiếp kiểm sát, kiểm sát việc kiểm tra, xác minh và việc lập hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; kiểm sát việc tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; kiểm sát việc phục hồi giải quyết nguồn tin về tội phạm.

- Khi phát hiện việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều

tra thực hiện các hoạt động: Tiếp nhận, kiểm tra, xác minh, ra quyết định giải quyết nguồn tin về tội phạm đầy đủ, đúng pháp luật; kiểm tra việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm và thông báo kết quả cho VKS; cung cấp tài liệu về vi phạm pháp luật trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; khắc phục vi phạm pháp luật và xử lý nghiêm người vi phạm; yêu cầu thay đổi ĐTV, Cán bộ điều tra.

- Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm.

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định của BLTTHS.

Khi thực hiện nhiệm vụ này trong giải quyết vụ án về ĐVHD, KSV cần lưu ý:

- Kiểm sát việc tiếp nhận tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố: KSV phải kiểm sát chặt chẽ thủ tục tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố để đảm bảo việc tiếp nhận được thực hiện theo quy định tại Điều 146 BLTTHS 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan. Quá trình kiểm sát việc tiếp nhận, phân loại, kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố mà phát hiện thấy không thuộc thẩm quyền, KSV phải báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị; lãnh đạo Viện có văn bản yêu cầu cơ quan đã tiếp nhận

tin báo, tố giác phải chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; đồng thời thông báo đến VKS có thẩm quyền để thực hiện việc kiểm sát.

- Kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố cần:

Một là, kiểm sát thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 145 BLTTHS.

Hai là, kiểm sát chặt chẽ thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại các điều 147, 148, 149 BLTTHS. Theo đó, thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố là 20 ngày, vụ việc phức tạp thì thời hạn là 2 tháng và trường hợp chưa thể kết thúc vụ việc, thì Viện trưởng VKS cùng cấp gia hạn thêm thời hạn là 2 tháng. Hết thời hạn này, cơ quan có thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm phải ra một trong các quyết định khởi tố, không khởi tố hoặc tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.

Ba là, kiểm sát quá trình kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Kiểm sát các hoạt động như thu thập thông tin tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin; khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi; trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản... trong đó có những nội dung có thể thực hiện qua kiểm sát trực tiếp (như kiểm sát khám nghiệm hiện trường, kiểm sát khám nghiệm tử thi), có nội dung thực hiện qua kiểm sát gián tiếp, thông qua kiểm sát hồ sơ giải quyết tin báo, tố giác và kiến nghị khởi tố.

Bốn là, kiểm sát kết quả giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Kết thúc thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố theo luật định, cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải ra một trong các quyết định sau: quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án, quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Nếu cơ quan có thẩm quyền không ra một trong các quyết định này thì VKS phải yêu cầu thực hiện. Trên cơ sở các quyết định tố tụng được ban hành, KSV kiểm sát việc khởi tố, không khởi tố vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm. Riêng đối với quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, phải kiểm sát chặt chẽ căn cứ tạm đình chỉ theo đúng quy định tại Điều 148 BLTTHS. Nếu nhận thấy việc tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm không có căn cứ theo luật định thì hủy bỏ quyết định đó và yêu cầu cơ quan đã tạm đình chỉ phục hồi việc giải quyết nguồn tin về tội phạm.

* Đối với quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố:

- Kiểm tra thời hạn ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đã hết hạn 20 ngày hoặc 02 tháng (hoặc 04 tháng) theo tính chất vụ án và quy định tại Điều 147 BLTTHS hay chưa?

- Kiểm tra căn cứ tạm đình chỉ

+ Có thuộc trường hợp đã trưng cầu giám định, định giá tài sản, ủy thác tư pháp nhưng chưa có kết quả không?

+ Có thuộc trường hợp đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với việc khởi tố hoặc không khởi tố nhưng chưa có kết quả không?

- Sau khi ra quyết định tạm đình chỉ có gửi cho VKS trong vòng 24 giờ không?

- Nếu quyết định tạm đình chỉ không có căn cứ thì VKS tiến hành hủy bỏ, trong vòng 24 giờ gửi cho CQĐT để tiếp tục giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong vòng 01 tháng.

- Nếu quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố có căn cứ và hợp pháp thì tiến hành soạn thảo văn bản và thông báo cho cơ quan đã ra quyết định biết.

* Đối với quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố

- Kiểm tra căn cứ có thuộc trường hợp lý do tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn không? Kiểm tra thời hạn gửi quyết định phục hồi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố cho VKS có trong vòng 03 ngày kể từ ngày ra quyết định không?

- Kiểm tra thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội tương ứng.

- Kiểm sát quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố sau khi phục hồi. Thời hạn giải quyết là 01 tháng kể từ ngày ra quyết định phục hồi. Kết quả giải quyết:

CQĐT phải ra được quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án (trừ trường hợp có tình tiết khác phát sinh việc tạm đình chỉ).

2.3. Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự

2.3.1. Thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự

Theo quy định tại Điều 161 BLTTHS khi THQCT trong việc khởi tố vụ án hình sự, VKS có những nhiệm vụ, quyền hạn:

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự;

- Hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định không khởi tố vụ án hình sự không có căn cứ và trái pháp luật;

- Trường hợp quyết định khởi tố vụ án hình sự của Hội đồng xét xử không có căn cứ thì VKS kháng nghị lên Tòa án trên một cấp;

- Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự trong các trường hợp do BLTTHS quy định;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác để thực hành quyền công tố trong việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS.

2.3.2. Kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự

Theo quy định tại Điều 161 BLTTHS khi kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự, VKS có những nhiệm vụ, quyền hạn:

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, bảo đảm mọi tội phạm được phát hiện đều phải được khởi tố, việc khởi tố vụ án có căn cứ và đúng pháp luật;

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự;

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong kiểm sát việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS.

Khi thực hiện nhiệm vụ này trong giải quyết vụ án về DVHD, KSV cần lưu ý:

* Xác định căn cứ khởi tố.

Điều 143 BLTTHS quy định: chỉ được khởi tố vụ án khi đã xác định có dấu hiệu tội phạm. KSV xác định có dấu hiệu tội phạm thông qua xem xét cấu thành tội phạm quy định cụ thể tại Điều 234 và Điều 244 BLHS và hướng dẫn chi tiết tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP.

* Đối với quyết định khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan có thẩm quyền điều tra chuyển sang, cần thực hiện các thao tác sau:

- Kiểm tra thời hạn gửi quyết định khởi tố vụ án và tài liệu liên quan đến vụ án của Cơ quan có thẩm quyền điều tra sang VKS có trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định không?

- Kiểm tra thời hạn kể từ ngày thụ lý tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có vượt quá 20 ngày hoặc 02 tháng, 04 tháng tùy theo tính chất vụ việc không?

Để có thể kiểm sát chặt chẽ quá trình giải quyết tin báo thì ở giai đoạn hết hạn 20 ngày kể từ ngày tiếp nhận tin báo, Cơ quan có thẩm quyền điều tra và VKS có thể có văn bản trao đổi về tính chất, tiến độ giải quyết tin báo để quyết định việc kéo dài thời hạn tiếp theo.

- Kiểm tra các tài liệu, chứng cứ để xác định tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án.

+ Nghiên cứu kĩ các tài liệu dùng làm căn cứ để khởi tố vụ án hình sự bao gồm: Các tổ giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và các tài liệu kèm theo do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp; các tài liệu kiểm tra, xác minh tổ giác, tin báo về tội phạm của CQĐT và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, biên bản ghi lời khai, tài liệu của các cơ quan liên quan... cùng các tài liệu, dấu vết, tang vật đã được phát hiện thu giữ.

+ Kiểm sát thẩm quyền của người ra quyết định khởi tố, hình thức, nội dung của quyết định khởi tố.

+ Kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của biên bản và kết quả giám định.

+ Xác định phương thức, thủ đoạn thực hiện hành vi, đánh giá tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi đó gây ra.

- KSV báo cáo, đề xuất với lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện hướng giải quyết trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được quyết định kèm theo hồ sơ kết quả giải quyết.

- Trường hợp CQĐT khởi tố không đúng tội danh, cần yêu cầu CQĐT thay đổi quyết định khởi tố vụ án. Trong trường hợp CQĐT không tiến hành thay đổi, KSV đề xuất lãnh đạo Viện ra quyết định khởi tố vụ án với tội danh mới. Trường hợp quyết định khởi tố của CQĐT không có căn cứ hoặc trái pháp luật, VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố theo điểm b khoản 1 Điều 161 BLTTHS.

- Cập nhật kết quả vào sổ thụ lý kiểm sát điều tra vụ án hình sự, ngoài ra đối với sổ thụ lý tin báo trước đó cần tích vào cột “khởi tố”.

* Đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự:

- Kiểm tra thời hạn gửi quyết định không khởi tố vụ án hình sự và tài liệu liên quan của CQĐT sang VKS có trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định không?

- Kiểm tra thời hạn kể từ ngày nhận được tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có vượt quá 20 ngày hoặc 02 tháng, 04 tháng tùy theo tính chất vụ việc không?

- Tích vào cột “không khởi tố” trong sổ thụ lý tin báo.

- Nếu thấy quyết định không khởi tố vụ án hình sự có căn cứ thì đề xuất lãnh đạo Viện có công văn thống nhất quan điểm; nếu chưa rõ căn cứ thì yêu cầu cơ quan ra quyết định không khởi tố bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm rõ;

- Nếu thấy quyết định không khởi tố vụ án hình sự là không có căn cứ thì yêu cầu cơ quan đã ra quyết định hủy bỏ quyết định đó và ra quyết định khởi tố vụ án.

Nếu cơ quan ra quyết định không hủy bỏ, KSV báo cáo lãnh đạo ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án đồng thời ra quyết định khởi tố vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 161 BLTTHS và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra.

2.4. Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra vụ án hình sự

2.4.1. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự

Theo quy định tại Điều 165 BLTTHS, khi THQCT trong giai đoạn điều tra, VKS có nhiệm vụ quyền hạn sau đây:

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

- Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.

- Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do BLTTHS quy định.

- Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của BLTTHS; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ

quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ thì trong quyết định không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do.

- Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của BLTTHS.

- Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu CQĐT truy nã bị can, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

- Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp cần kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp cần kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố.

- Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

- Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp

dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án.

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc THQCT theo quy định của BLTTHS.

2.4.2. Kiểm sát điều tra vụ án hình sự

Theo quy định tại Điều 166 BLTTHS, khi kiểm sát điều tra vụ án hình sự, VKS có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra và lập hồ sơ vụ án của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

- Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật.

- Giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra.

- Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu liên quan để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc khởi tố, điều tra khi cần thiết.

- Khi phát hiện việc điều tra không đầy đủ, vi phạm pháp luật thì VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thực hiện các hoạt động: Tiến hành hoạt động điều tra đúng pháp luật; kiểm tra việc điều tra và thông báo kết quả cho VKS; cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi, quyết định tố tụng có vi phạm pháp luật trong việc

điều tra. Kiến nghị, yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khắc phục vi phạm trong việc khởi tố, điều tra.

- Yêu cầu thủ trưởng CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thay đổi ĐTV, cán bộ điều tra, xử lý nghiêm minh ĐTV, cán bộ điều tra vi phạm pháp luật trong hoạt động tố tụng.

- Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc kiểm sát điều tra vụ án hình sự theo quy định của BLTTHS.

Khi thực hiện nhiệm vụ này trong giải quyết vụ án về ĐVHD, KSV cần lưu ý:

Thứ nhất, kiểm tra phạm vi điều chỉnh của điều luật:

- Kiểm tra các loài thuộc đối tượng tác động của Điều 234 và Điều 244 BLHS hay không?

Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm chiếm đoạt tương ứng quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu của BLHS.

- Người thực hiện hành vi chiếm đoạt cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm sau đó lại thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định

tại Điều 234 hoặc Điều 244 của BLHS nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì tùy từng trường hợp cụ thể còn bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD hoặc tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm.

- Đối với các vụ án do pháp nhân thực hiện thì việc THQCT và kiểm sát việc khởi tố bị can đối với pháp nhân cũng được thực hiện theo các bước tương ứng như đối với cá nhân. KSV lưu ý quyết định khởi tố bị can đảm bảo theo Điều 433 BLTTHS.

Thứ hai, đề ra các yêu cầu điều tra làm rõ các vấn đề sau:

- Làm rõ nhận thức của đối tượng như: có biết là ĐVHD không? Có biết các quy định pháp luật về bảo vệ ĐVHD không? Làm rõ được các vấn đề: Thực hiện hành vi nhằm mục đích gì? (ví dụ: với đối tượng vận chuyển ĐVHD, mục đích vận chuyển lấy tiền công hay bán kiếm lời hay tàng trữ để sử dụng v.v.); Phương thức, thủ đoạn thực hiện như thế nào? Đã thực hiện bao nhiêu lần? Tiêu thụ ở đâu? Có hứa hẹn trước hay không? Hình thức nào? Giá cả như thế nào? Có ai biết hay bàn bạc, giúp sức không? Nếu có đồng phạm thì bàn bạc, phân công vai trò như thế nào? Ăn chia lời lãi ra sao? v.v. Lấy lời khai của những người làm chứng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tiến hành đối chất khi có mâu thuẫn trong lời khai của những người này với bị can, giữa những người này với nhau, giữa các bị can với nhau. Tiến hành nhận dạng người, vật chứng, tiến hành truy tìm, thu giữ, tiếp nhận vật chứng đối với các trường hợp truy xét (phải được lập thành biên bản theo tổ tụng).

- Khám nghiệm hiện trường (trong các trường hợp mở rộng điều tra).

- Về công cụ, phương tiện sử dụng để phạm tội: Nguồn gốc của những công cụ, phương tiện này; Xác minh chủ sở hữu; Làm rõ chủ sở hữu hoặc người đại diện hợp pháp có biết và đồng ý cho đối tượng sử dụng vào mục đích phạm tội hay không?

- Tiến hành trưng cầu giám định động vật; xử lý vật chứng là ĐVHĐ, động vật nguy cấp, quý, hiếm hoặc sản phẩm của chúng sau khi có kết luận giám định (Việc trưng cầu giám định cần thực hiện ngay từ giai đoạn tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố để làm cơ sở khởi tố vụ án. Chỉ thực hiện trong giai đoạn điều tra đối với một số trường hợp giám định bổ sung, giám định lại).

Về kiểm sát trưng cầu giám định: Phải được lập theo mẫu thống nhất.

Về mẫu gửi đi giám định cần lưu ý:

- Mẫu phải đáp ứng yêu cầu để có thể giám định, bảo quản đúng cách để không bị hỏng (có thể trao đổi trước với giám định viên). Trước và trong quá trình trưng cầu giám định, KSV có những yêu cầu nhằm đảm bảo vật chứng được bảo quản nguyên vẹn, không để mất mát, lẫn lộn, hư hỏng.

- Đối với các loài ĐVHĐ thu giữ được có dấu hiệu bị bệnh hoặc vì lý do khác không thể giữ nguyên vẹn trong suốt quá trình điều tra thì trao đổi, yêu cầu với CQĐT và các lực lượng chức năng khẩn trương liên lạc với cơ quan thú y, để cứu chữa kịp thời, nuôi nhốt tạm thời phục vụ quá trình giải quyết hoặc trả về tự nhiên, tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp vật chứng là ĐVHD có kích thước lớn hoặc vì điều kiện khách quan không thể di chuyển về cơ quan giám định được hoặc không thể đưa vào hồ sơ vụ án hoặc không thể đưa về nuôi dưỡng tại cơ quan tiến hành tố tụng được thì phải mô tả cụ thể trong biên bản, chụp ảnh và đưa vào hồ sơ vụ án, và giao cho các cơ quan quản lý chuyên ngành. Nếu không có điều kiện vận chuyển có thể đề nghị giám định viên tới tận nơi để tiến hành giám định.

Trước khi ra quyết định trưng cầu giám định trao đổi để ĐTV chú ý liên hệ với giám định viên để có thể ghi thời gian trả lời kết quả giám định, câu hỏi giám định, cách lấy mẫu, niêm phong và bảo quản mẫu trưng cầu, mẫu so sánh... trong quyết định hợp lý, khoa học và thuận lợi cho giám định viên trả lời:

- + Căn cứ pháp luật để ra quyết định trưng cầu phải đầy đủ.
- + Tên cơ quan, họ tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định.
- + Tên tổ chức, họ tên người được trưng cầu giám định.
- + Tên ĐVHD mà đối tượng bị bắt giữ khai.
- Khi kiểm sát các biên bản liên quan đến quyết định trưng cầu giám định cần chú ý:

Đối với biên bản trích mẫu, biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong, biên bản tiêu hủy: cần đảm bảo phần mô tả vật chứng trong tất cả các biên bản này phải phù hợp với nhau, mô tả chi tiết số lượng cá thể, tổng trọng

lượng, kích thước trung bình chung, màu sắc, hình thái, trạng thái (còn sống hay đã chết? bao nhiêu cá thể bị bệnh?...), đặc điểm nhận dạng bằng mắt thường v.v. để phòng trường hợp thất lạc vật chứng, đánh tráo vật chứng, trộm cắp vật chứng. Việc trích mẫu phải đảm bảo tính ngẫu nhiên, khách quan, bao quát.

- KSV cần đảm bảo quyết định trưng cầu giám định phải: ngắn gọn, súc tích, đi thẳng vào trọng tâm vấn đề, tránh mô tả lại đặc điểm vật chứng nữa vì đã thể hiện trong biên bản niêm phong. Mẫu vật gửi giám định là loài gì? Tổng trọng lượng? Bao nhiêu cá thể? Tên khoa học? Thuộc danh mục nào? Nguồn gốc (sinh trưởng tự nhiên hoang dã hay nuôi sinh sản, trồng, cấy nhân tạo)? Nếu là bộ phận cơ thể thì có thể tách rời sự sống hay không? Tại sao? Của bao nhiêu cá thể?

- Nếu quyết định trưng cầu giám định không đầy đủ nội dung nêu trên thì tham mưu cho lãnh đạo đơn vị ban hành văn bản yêu cầu CQĐT có thẩm quyền khắc phục vi phạm bằng việc thay đổi quyết định hoặc tiến hành giám định bổ sung.

- Đối với kết luận giám định, KSV cần lưu ý:

+ Việc trả lời giám định có đúng trong khoảng thời gian không quá 09 ngày không?

+ Kết luận giám định có trả lời chính xác, đầy đủ, rõ ràng tất cả những yêu cầu như đã nêu tại Quyết định trưng cầu giám định hay không, có nêu rõ căn cứ để kết luận phương pháp giám định (trực quan, giám định ADN...) hay không?

+ Kiểm tra việc CQĐT có gửi kết luận giám định cho người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố trong vòng 07 ngày không? Kiểm tra việc CQĐT có lập biên bản nếu người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố yêu cầu giám định lại, giám định bổ sung không?

- Kiểm sát việc xử lý vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm sau khi có kết luận giám định:

+ Vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống: KSV kiểm tra ngay sau khi có kết luận giám định, cơ quan có thẩm quyền đã giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật hay chưa? Xem xét biên bản giao nhận, quyết định xử lý vật chứng.

+ Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản: KSV kiểm tra xem cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật hay chưa? Xem xét biên bản giao nhận, quyết định xử lý vật chứng.

Đối với yêu cầu định giá tài sản: KSV kiểm tra nội dung quyết định trưng cầu định giá; đảm bảo đầy đủ nội dung theo mẫu. Phần mô tả thông tin, đặc điểm của mẫu vật cần xem xét định giá và yêu cầu định giá đã đầy đủ chưa, để có cơ sở xác định chính xác.

Việc định giá tài sản trong vụ án về ĐVHD có ý nghĩa trong việc xác định tội danh của Điều 234 BLHS là căn cứ để xác định bị can thuộc trường hợp định khung tăng nặng nào được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 Điều 234 BLHS; để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khi lượng hình. Bên cạnh đó việc định giá ĐVHD cũng giúp định khung của các tội chiếm đoạt khi đối tượng có hành vi chiếm đoạt bất kỳ loài ĐVHD nào.

Kết quả định giá ĐVHD phải phù hợp với giá thị trường chính thức cũng như thị trường không chính thức của ĐVHD tại thời điểm và nơi tài sản được yêu cầu định giá.

Ngoài ra, giá cũng có thể được xác định theo các căn cứ khác như trên hóa đơn vận chuyển, thanh toán giữa các đối tượng, giá do cơ quan chuyên môn cung cấp, hoặc doanh nghiệp thẩm định cung cấp...

+ Tiến hành kiểm tra danh bạ, lịch sử cuộc gọi, nội dung tin nhắn, kể cả trong các phần mềm như Facebook, Zalo, Wechat, Instagram v.v. bất kỳ mạng xã hội nào mà các đối tượng có thể sử dụng để liên lạc với nhau nhằm mục đích phạm tội.

+ Tiến hành thu thập các tài liệu khác làm cơ sở giải quyết vụ án.

Các vụ án về ĐVHD bị tạm đình chỉ liên quan đến việc không xác định được bị can hoặc không có kết quả về định giá tài sản như:

- Đối tượng giao dịch qua điện thoại để thuê vận chuyển (không quen biết và không xác minh được số điện thoại).

- Đối tượng khi bị phát hiện bỏ tang vật là ĐVHĐ để bỏ trốn (không truy tìm được đối tượng).

Do đó, KSV cần kiểm sát chặt chẽ căn cứ để tạm đình chỉ điều tra; đồng thời đề ra yêu cầu điều tra phù hợp để giải quyết vụ án, hạn chế tình trạng tạm đình chỉ điều tra.

Đối với các vụ án do pháp nhân thực hiện thì hoạt động THQCT và kiểm sát việc tạm đình chỉ điều tra cũng được thực hiện theo các bước như đối với cá nhân. Tuy nhiên, chỉ tạm đình chỉ điều tra đối với pháp nhân khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả mà đã hết thời hạn điều tra

Kiểm sát việc kết thúc điều tra

KSV phải kiểm sát chặt chẽ việc kết thúc điều tra vụ án (bằng bản kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan có thẩm quyền điều tra);

- + Kiểm sát nội dung bản kết luận điều tra;
- + Kiểm sát việc giao bản kết luận điều tra cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo đúng quy định;
- + Kiểm sát việc cho bị can hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội đọc, ghi chép tài liệu;
- + Kiểm sát việc xử lý vật chứng là ĐVHĐ ở giai đoạn này.

Xảy ra các trường hợp:

- Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra Bản kết luận điều tra đề nghị truy tố nhưng chưa phát hành và hồ sơ chưa chuyển

sang VKS, nếu qua kiểm sát việc kết thúc điều tra, KSV thấy có đủ căn cứ đình chỉ điều tra;

- Báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra văn bản yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra làm lại bản kết luận điều tra và ra quyết định đình chỉ điều tra;

- Nếu Cơ quan có thẩm quyền điều tra không nhất trí thì báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện tổ chức họp lãnh đạo liên ngành cùng cấp hoặc báo cáo VKS cấp trên để thống nhất giải quyết.

- Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra bản kết luận điều tra và quyết định đình chỉ điều tra nhưng chưa phát hành và hồ sơ chưa chuyển sang VKS mà qua kiểm sát việc kết thúc điều tra, KSV phát hiện việc đình chỉ điều tra là không có căn cứ;

- Báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra văn bản yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra làm lại bản kết luận điều tra đề nghị truy tố;

- Nếu Cơ quan có thẩm quyền điều tra không nhất trí thì báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện ra quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan có thẩm quyền điều tra và yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra phục hồi điều tra;

THQCT, kiểm sát việc đình chỉ điều tra

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi nhận được quyết định đình chỉ điều tra kèm theo hồ sơ vụ án, KSV phải kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định đình chỉ điều tra, việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trả lại tài liệu, đồ vật đã tạm giữ (nếu có), việc xử lý vật chứng và các vấn đề khác thì KSV thực hiện các hoạt động sau:

- Nếu quyết định đình chỉ điều tra có căn cứ thì báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện:

+ Ra văn bản trả lại hồ sơ cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra để giải quyết theo thẩm quyền;

+ Ra văn bản yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra quyết định hủy bỏ ngay biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, trả lại các tài liệu, đồ vật đã tạm giữ (nếu có) cho bị can hoặc người có liên quan;

+ Đối với biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế do VKS phê chuẩn hoặc quyết định thì VKS ra quyết định hủy bỏ.

- Nếu quyết định đình chỉ điều tra không có căn cứ và trái pháp luật thì báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện ra quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra của Cơ quan có thẩm quyền điều tra và yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra phục hồi điều tra.

THQCT, kiểm sát việc phục hồi điều tra

Khi nhận được quyết định phục hồi điều tra của Cơ quan có thẩm quyền điều tra, KSV phải kiểm tra căn cứ phục hồi điều tra; báo cáo, đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện giải quyết như sau:

- Nếu quyết định phục hồi điều tra có căn cứ thì tiếp tục THQCT và kiểm sát việc giải quyết vụ án;

- Nếu quyết định phục hồi điều tra không có căn cứ và trái pháp luật thì ra quyết định hủy bỏ quyết định phục hồi điều tra của Cơ quan có thẩm quyền điều tra.

- Nếu việc đình chỉ điều tra do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc tội phạm đã được đại xá mà bị can không đồng ý và yêu cầu điều tra lại thì ra văn bản yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền điều tra ra quyết định phục hồi điều tra hoặc trực tiếp ra quyết định phục hồi điều tra và gửi quyết định đó cho Cơ quan có thẩm quyền điều tra để tiến hành điều tra.

- KSV kiểm sát việc gửi, thông báo quyết định phục hồi điều tra của Cơ quan có thẩm quyền điều tra.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích hoạt động THQCT trong việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố vụ án về ĐVHD?
2. Phân tích nội dung hoạt động THQCT, kiểm sát việc khởi tố vụ án về ĐVHD?
3. Công tác trưng cầu giám định trong hoạt động giải quyết các vụ án về ĐVHD?

Chương 4

HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN TRUY TỐ VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. KHÁI NIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN TRUY TỐ VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Giai đoạn truy tố là giai đoạn tiếp sau giai đoạn điều tra, được bắt đầu từ khi VKS nhận hồ sơ vụ án kèm theo bản kết luận điều tra đề nghị truy tố của CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chuyển đến và kết thúc khi VKS ra bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố chuyển Tòa án được Tòa án thụ lý hoặc ra quyết định đình chỉ vụ án.

Theo Điều 236, 237 BLTTHS năm 2015, trong giai đoạn truy tố, VKS thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, trong đó:

VKS khi THQCT trong giai đoạn truy tố thực hiện: Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; Yêu cầu CQĐT truy nã bị can; Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố

hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho CQĐT; Quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong trường hợp phát hiện còn có hành vi phạm tội, người phạm tội khác trong vụ án chưa được khởi tố, điều tra; Quyết định trả hồ sơ cho CQĐT để yêu cầu điều tra bổ sung; Quyết định tách, nhập vụ án; Chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; Quyết định gia hạn, không gia hạn thời hạn truy tố, thời hạn áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; Quyết định truy tố; Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; Quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; Quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can.

VKS khi kiểm sát trong giai đoạn truy tố thực hiện: Kiểm sát hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng; Yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật

Như vậy, THQCT trong giai đoạn truy tố tội phạm nói chung có đối tượng tác động là tội phạm và bị can đã bị cơ quan có thẩm quyền điều tra đề nghị truy tố. Hoạt động này có mục tiêu là bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội¹⁴.

¹⁴ Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về Viện kiểm sát và công tác kiểm sát*, Nxb Tư pháp, tr. 67.

Người tham gia tố tụng trong giai đoạn truy tố có thể là bị can, người bào chữa, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong giai đoạn truy tố có đối tượng tác động là hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng hình sự trong giai đoạn truy tố. Hoạt động này có mục tiêu là bảo đảm hoạt động tố tụng của người tham gia tố tụng trong giai đoạn truy tố được thực hiện đúng quy định của pháp luật; vi phạm pháp luật của người tham gia tố tụng phải được phát hiện, xử lý nghiêm minh¹⁵. Trong giai đoạn truy tố, VKS cũng tiếp tục kiểm sát đối với tư cách, hành vi của những người tiến hành tố tụng trước đó bằng việc rà soát tài liệu có trong hồ sơ và kiểm sát khi phối hợp với các chủ thể này bổ sung chứng cứ trước khi truy tố.

Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn truy tố, đối tượng tác động của hoạt động THQCT của VKSND là tội phạm về ĐVHD và bị can (có thể cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội) đã bị cơ quan có thẩm quyền điều tra đề nghị truy tố; còn đối tượng tác động của hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng là hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng (bị can, người bào chữa, người giám định, người định giá tài sản trong vụ án ĐVHD...).

¹⁵ Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về Viện kiểm sát và công tác kiểm sát*, Nxb Tư pháp, tr. 76.

Phạm vi hoạt động của VKSND trong giai đoạn truy tố nói chung và trong vụ án về ĐVHD được xác định theo Quy chế công tác THQCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố (được ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao). Theo đó, công tác THQCT, kiểm sát truy tố vụ án hình sự bắt đầu từ khi VKS tiếp nhận hồ sơ vụ án, bản kết luận điều tra và thụ lý vụ án; kết thúc khi VKS ra quyết định truy tố hoặc quyết định đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu, *hoạt động của VKSND trong giai đoạn truy tố vụ án về ĐVHD là hoạt động thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng của VKSND, là hoạt động buộc tội mang tính nhà nước và hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự nhằm bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội về ĐVHD, không làm oan người vô tội và đảm bảo tư cách chủ thể, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án về ĐVHD được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nếu có vi phạm pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thì phải phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời. Các hoạt động này được thực hiện từ khi VKS thụ lý hồ sơ vụ án do CQĐT kết luận, chuyển tới và kết thúc khi VKS ra quyết định truy tố chuyển hồ sơ đến Tòa án được Tòa án thụ lý hoặc quyết định đình chỉ vụ án theo quy định của pháp luật.*

2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN TRUY TỐ VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Để THQCT và kiểm sát trong giai đoạn truy tố các vụ án về ĐVHD, VKSND thực hiện các hoạt động: tiếp nhận hồ sơ vụ án; nghiên cứu hồ sơ vụ án và xem xét việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế trong giai đoạn truy tố; bổ sung tài liệu chứng cứ; xây dựng và ban hành các quyết định tố tụng kết thúc giai đoạn truy tố và quyết định tố tụng khác; báo cáo và chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan tiến hành tố tụng khác.

2.1. Hoạt động tiếp nhận, nghiên cứu hồ sơ vụ án

Hoạt động tiếp nhận hồ sơ vụ án được KSV thực hiện ngay khi ĐTV bàn giao hồ sơ vụ án. Hoạt động này kiểm tra ban đầu về tính hợp pháp của hồ sơ vụ án. Trước khi tiến hành lập biên bản giao nhận hồ sơ, KSV thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ vụ án, kiểm tra vật chứng, kiểm tra việc giao kết luận điều tra và kiểm tra việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế.

- Hoạt động kiểm tra hồ sơ vụ án

Kiểm tra hồ sơ vụ án là hoạt động quan trọng của KSV được thực hiện ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ vụ án. Trong đó, KSV kiểm tra về nội dung và hình thức của tài liệu; so sánh đối chiếu với bản kê tài liệu (xem xét nội dung tài liệu đảm bảo đầy đủ và phù hợp với các chứng cứ khác, xem xét việc sửa chữa, thêm, bớt, tẩy xóa tài liệu). Trường hợp phát hiện việc sửa chữa, tẩy xóa thì KSV yêu cầu người giao hồ sơ giải thích và ghi rõ vào biên bản giao, nhận, có xác nhận bằng

chữ ký của người giao để làm căn cứ xác định trách nhiệm giữa các bên.

Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD, KSV kiểm tra các loại tài liệu như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng là các loài ĐVHD, và vật chứng là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội, bản ảnh chụp ĐVHD, tài liệu về giám định, định giá tài sản...

Qua việc kiểm tra, KSV xem xét tính phù hợp với thông tin, đặc điểm vật chứng ghi chép trong tài liệu (tránh trường hợp vật chứng được giao khác với vật chứng ghi nhận trong hồ sơ). Đồng thời, kiểm tra các thiết bị ngoại vi lưu trữ dữ liệu ghi âm, ghi hình có âm thanh do CQĐT chuyển sang cùng hồ sơ vụ án để đảm bảo tính đầy đủ, nguyên vẹn và hợp pháp của các chứng cứ chứa đựng trong các thiết bị này.

- Hoạt động kiểm tra vật chứng

Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD, việc kiểm tra vật chứng là hoạt động quan trọng của KSV. Trong đó, KSV kiểm tra vật chứng là các cá thể, bộ phận hoặc sản phẩm ĐVHD thu được và các loại vật chứng khác có liên quan đến vụ án như: xe máy, điện thoại di động, các dụng cụ để nguy trang khi vận chuyển như bao, túi, thùng xốp, thùng carton... Đồng thời, KSV kiểm tra biên bản bàn giao vật chứng của CQĐT cho cơ quan thi hành án hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Hoạt động kiểm tra việc giao kết luận điều tra

Kết luận điều tra là văn bản quan trọng trong việc giải quyết vụ án liên quan đến ĐVHD, thể hiện việc kết thúc điều

tra của cơ quan có thẩm quyền điều tra, gồm các nội dung: diễn biến hành vi phạm tội, chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị can; việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng; nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án; lý do và căn cứ đề nghị truy tố; tội danh, điều, khoản, điểm của BLHS được áp dụng; những ý kiến đề xuất giải quyết vụ án (Điều 233 BLTTHS).

Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 BLTTHS năm 2015 thì CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải giao, và thông báo cho chủ thể tham gia tố tụng trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày ban hành kết luận điều tra. Do đó, KSV tiến hành kiểm tra việc giao nhận kết luận điều tra trong biên bản, xem xét địa điểm giao và việc ký (hoặc điểm chỉ) của những người nhận bản kết luận điều tra.

- Hoạt động kiểm tra việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế

Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế được áp dụng để đảm bảo giải quyết vụ án; do đó, hoạt động kiểm tra việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế có ý nghĩa trong việc KSV xem xét có còn những căn cứ để tiếp tục áp dụng hay thay đổi các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế.

Sau khi thực hiện các hoạt động trên, nếu hồ sơ, vật chứng chưa đủ, bản kết luận điều tra chưa được giao cho các

đối tượng; các tài liệu có dấu hiệu tẩy, xóa, thêm, bớt nhưng người giao hồ sơ không xác nhận; nếu thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn hết trước khi chuyển hồ sơ, nhưng không có văn bản nào thể hiện bị can được tại ngoại... thì KSV chưa nhận hồ sơ vụ án, yêu cầu ĐTV bổ sung.

Nếu đã bảo đảm hồ sơ đầy đủ thì ký nhận, vào sổ thụ lý hồ sơ vụ án, báo cáo lãnh đạo Viện, lãnh đạo đơn vị. Việc giao nhận hồ sơ phải lập thành biên bản theo quy định.

Đối với các trường hợp hỏi cung bị can, lấy lời khai đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội có thực hiện ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh thì trong hồ sơ của CQĐT chuyển sang sẽ kèm theo thiết bị ngoại vi lưu trữ dữ liệu. Việc bàn giao dữ liệu ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh, việc hỏi cung bị can hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội phải được lập biên bản.

Đối với vật chứng là ĐVHD, sau khi tiến hành giao nhận hồ sơ vụ án, KSV xác định ĐVHD cần phải xử lý ngay để đề xuất lãnh đạo Viện xử lý theo hướng bảo vệ được tốt nhất vật chứng là động vật sống mà không nhất thiết phải giữ vật chứng đến khi có phán quyết của Hội đồng xét xử. Đối với vật chứng là bộ phận, sản phẩm của ĐVHD thuộc diện dễ hư hỏng, khó bảo quản mà trong quá trình giải quyết nguồn tin, điều tra chưa được xử lý thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện ra quyết định xử lý vật chứng.

- Hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án

Nghiên cứu hồ sơ vụ án ĐVHD là hoạt động được KSV thực hiện sau khi nhận hồ sơ và lập biên bản giao nhận.

Hoạt động này có ý nghĩa quan trọng để KSV đánh giá lại thủ tục tố tụng vụ án đã thực hiện, các chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án ĐVHD.

Thứ nhất, kiểm tra thủ tục tố tụng của vụ án

Thủ tục tố tụng của vụ án là cách thức thực hiện các hoạt động tố tụng được quy định trong BLTTHS. Thủ tục tố tụng của vụ án ĐVHD đã thực hiện trong giai đoạn khởi tố, điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và qua các chứng cứ đã thu thập được. KSV kiểm tra lại thủ tục tố tụng của vụ án liên quan đến ĐVHD được thực hiện qua các hoạt động: Đọc hồ sơ, kiểm tra các chứng cứ đã thu thập được. Để từ đó, KSV phát hiện những sai sót, vi phạm, mâu thuẫn trong lời khai, mâu thuẫn trong tài liệu buộc tội và gỡ tội để có biện pháp khắc phục.

Các vi phạm được thể hiện trong hồ sơ vụ án liên quan đến ĐVHD thường được phát hiện như: Hình thức của các lệnh, quyết định, biên bản do CQĐT lập nhưng người lập biên bản chưa ký hoặc không có thẩm quyền ký; ĐTV không ký vào biên bản lấy lời khai; các bản tự khai không có xác nhận của ĐTV; Biên bản hỏi cung, lấy lời khai có những chỗ trống hoặc tẩy xóa, thiếu chữ ký; Nội dung bản kết luận điều tra không phản ánh đúng hồ sơ... Ngoài ra, trong các vụ án về ĐVHD, các loài đều có tên khoa học bằng tiếng nước ngoài trong danh mục của Công ước CITES và danh mục của các văn bản pháp luật như Nghị định số 64/2019/NĐ-CP; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP.. vì vậy trong hồ sơ vụ án có vi phạm khi sai chính tả hoặc sai tên khoa học.

Để nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV thực hiện việc trích cứu nội dung đầy đủ, ngắn gọn về nội dung vụ án. Trên thực tế, đối với vụ án về ĐVHD, qua việc nghiên cứu hồ sơ, KSV cần trích cứu nội dung vụ án và có hướng để xử lý. Riêng đối hành vi tàng trữ ĐVHD trái phép, cần lưu ý như sau:

KSV phát hiện hành vi tàng trữ trái phép cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 (ngày BLHS có hiệu lực thi hành) nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 234 hoặc Điều 244 của BLHS.

KSV phát hiện hành vi tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm có từ trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 thì truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể không thể tách rời sự sống hoặc sản phẩm của ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm nhằm mục đích buôn bán, thu lợi bất chính.

KSV xác định được người đồng phạm và vai trò của đồng phạm trong vụ án liên quan đến ĐVHD.

KSV xác định được động cơ, mục đích, thủ đoạn của người phạm tội là vụ lợi với thủ đoạn vận chuyển thuê để lấy tiền, mua bán để kiếm lời hay đánh bắt, giết thịt, lấy xương, chế biến để bán kiếm lời.

KSV xác định được vật chứng thu giữ trong vụ án. Trong đó, xác định vật chứng đã được CQĐT kê biên, trả lại; vật

chứng giao cho cơ quan chuyên môn quản lý, vật chứng được tiêu hủy, tái thả, trả lại cho chủ sở hữu.

Thứ hai, kiểm tra, đánh giá chứng cứ

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV kiểm tra tính khách quan, tính hợp pháp, tính liên quan của chứng cứ. Trong đó, đánh giá được mối quan hệ giữa các chứng cứ và việc điều tra bổ sung; đồng thời, qua việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ để xây dựng kế hoạch và tiến hành các hoạt động thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn truy tố. Kiểm tra, đánh giá chứng cứ còn có ý nghĩa trong việc xem xét làm rõ những vấn đề cần chứng minh; những chứng cứ có giá trị buộc tội và có giá trị gỡ tội; những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội; chứng cứ chứng minh đồng phạm; chứng cứ để xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật khác có liên quan; chứng cứ để đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung, bồi thường thiệt hại.

Để thực hiện nghiên cứu, đánh giá chứng cứ, KSV thực hiện việc phân loại và đánh giá riêng từng chứng cứ và đánh giá tổng hợp các chứng cứ. Trong quá trình đọc và trích cứ, KSV thực hiện đối chiếu, so sánh các chứng cứ với nhau; trường hợp có sự mâu thuẫn giữa các chứng cứ hoặc thấy thiếu chứng cứ thì KSV ghi chú lại để tổng hợp, xử lý sau này.

2.2. Hoạt động xem xét việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế trong giai đoạn truy tố

Ngay sau khi nhận hồ sơ vụ án, KSV tiến hành hoạt động kiểm tra việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế đối với các bị can. Trong đó, KSV xem xét:

- Đối với các bị can đang bị tạm giam mà xét thấy cần tiếp tục áp dụng thì KSV kiểm tra thời điểm hết Lệnh tạm giam do CQĐT đang áp dụng (đã được VKS phê chuẩn) để báo cáo lãnh đạo Viện, lãnh đạo đơn vị ban hành quyết định tạm giam trong giai đoạn truy tố.

- Đối với các bị can đang bị tạm giam mà xét thấy không cần tiếp tục tạm giam thì KSV xem xét thay đổi tạm giam sang biện pháp ngăn chặn thích hợp khác để đề xuất lãnh đạo Viện, lãnh đạo đơn vị xem xét thay thế biện pháp ngăn chặn.

- Đối với các bị can đang bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn không tước quyền tự do thì KSV xem xét các căn cứ cho rằng các bị can này có thể tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; gây cản trở cho công tác truy tố, xét xử, thi hành án; trốn tránh trách nhiệm, tiêu hủy chứng cứ. Nếu có căn cứ thì KSV báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện, lãnh đạo đơn vị thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp tạm giam và kịp thời phối hợp cùng lực lượng cảnh sát hỗ trợ tư pháp thực hiện việc áp dụng biện pháp này.

- Đối với các biện pháp cưỡng chế được BLTTHS quy định, KSV xem xét căn cứ áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong giai đoạn truy tố nhằm giải quyết đúng đắn vụ án. Nếu có căn cứ thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện, lãnh đạo đơn vị xem xét áp dụng kịp thời, đúng quy định. Ngược lại, nếu biện pháp cưỡng chế đang được CQĐT áp dụng mà thấy việc áp dụng tiếp tục là không cần thiết nữa thì KSV phải đề xuất lãnh đạo Viện, lãnh đạo đơn vị việc hủy bỏ áp dụng.

- Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD, trong quá trình kiểm tra, đánh giá chứng cứ, KSV cần đảm bảo tính khách quan, tính hợp pháp và tính liên quan. Trường hợp chứng cứ trực tiếp như cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật thì việc xác định tính liên quan trở nên dễ dàng hơn vì chứng cứ trực tiếp có thể làm rõ những vấn đề cần chứng minh. Trong trường hợp chứng cứ gián tiếp như thông qua lời khai của các đối tượng vận chuyển, buôn bán, tàng trữ cá thể, bộ phận cơ thể hoặc sản phẩm của loài động vật thì việc xác định tính liên quan trở nên phức tạp hơn vì nó không chỉ ngay ra được đối tượng cần tìm, mà nó thông qua một vật trung gian nào đó, là cơ sở suy đoán tính liên quan của vụ án, đòi hỏi cần phải có kinh nghiệm nghề nghiệp và khả năng nhận biết để có thể phát hiện và đưa ra suy đoán có cơ sở về tính liên quan của chứng cứ gián tiếp.

2.3. Tiến hành một số biện pháp điều tra

Theo khoản 1 Điều 236 BLTTHS năm 2015 và Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của VKSND tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa CQĐT và VKS trong việc thực hiện một số quy định của BLTTHS thì VKS có nhiệm vụ, quyền hạn trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm điều tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố hoặc khi Tòa án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho CQĐT. Khi VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra mà thấy cần phối hợp với CQĐT thì chậm nhất 24 giờ trước khi tiến hành một số hoạt động điều tra, VKS thông báo cho

CQĐT thời gian, địa điểm tiến hành một số hoạt động điều tra để phân công ĐTV cùng phối hợp thực hiện; trường hợp ĐTV vắng mặt thì chậm nhất 02 giờ trước khi KSV tiến hành một số hoạt động điều tra, ĐTV phải thông báo cho KSV biết.

Đối với vụ án liên quan đến ĐVHD, KSV thường thực hiện một số các hoạt động điều tra như: hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng; trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản; đối chất, thực nghiệm điều tra.

2.3.1. Hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng

Việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh trong quá trình KSV hỏi cung hoặc lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội được quy định trong BLTTHS năm 2015 và TTLT số 03/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/2/2018 và theo Quy trình tạm thời về kiểm sát việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh của cơ quan có thẩm quyền điều tra; trực tiếp ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Khi hỏi cung bị can, lấy lời khai trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố (ban hành kèm theo Quyết định số 264/ QĐ-VKSTC ngày 21/7/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao).

Để thực hiện hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng một cách có hiệu quả, KSV thực hiện hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án; trong đó tập trung vào lí lịch bị can, lời khai người tham gia tố tụng; nghiên cứu các biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai người tham gia tố tụng mà CQĐT đã lập trong giai đoạn điều tra; nghiên cứu nhân thân

của bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng. Đặc biệt, trong hồ sơ vụ án thể hiện những bị can có hoàn cảnh nghèo khó, không có công việc nên chủ yếu nguồn thu nhập là các sản phẩm từ rừng, trong đó có ĐVHD; hay bị can chuyên mua bán ĐVHD để kiếm lời, thậm chí có bị can tái phạm về loại tội này. Qua đó, KSV xây dựng kế hoạch hỏi cung bị can, lời khai người tham gia tố tụng và nắm bắt tâm lý để đấu tranh với bị can khi tiến hành hỏi cung.

Đối với nội dung nghiên cứu nhân thân của bị can, KSV so sánh giữa các tài liệu: lý lịch bị can, trích lục tiền án, tiền sự, bản án, lời khai của bị can; xem xét tiền án, tiền sự của bị can.

Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD thường xảy ra các trường hợp:

- Bị can vừa mới bị Tòa án xét xử về hành vi mua bán ĐVHD; nhưng chỉ trong khoảng thời gian ngắn sau đó lại tiếp tục thực hiện hành vi mua bán ĐVHD; như vậy rõ ràng bị can đã nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Việc nghiên cứu nhân thân của người tham gia tố tụng giúp cho việc xem xét năng lực khai báo của họ và tính khách quan khi họ khai báo.

- ĐVHD được ngụy trang trong các bao nhựa được giấu trong gỗ, ngụy trang giống đá cẩm thạch, giấu vào trong các thùng xốp, thùng carton, bao tải dừa, trong balo du lịch... người được thuê vận chuyển khai không biết bên trong có gì mà chỉ nhận vận chuyển và nhận tiền thuê. Do đó, khi tiến hành hỏi cung, KSV làm rõ hơn ý thức chủ quan của những người vận chuyển thuê thông qua lời khai của bị can.

- Trường hợp có đối tượng có liên quan nhưng không xác định được lai lịch, KSV xem xét các tài liệu về quá trình xác minh và việc áp dụng biện pháp xác minh. Để tránh bị cáo phản cung tại tòa, KSV sau khi hỏi cung có thể yêu cầu bị can viết bản tự khai, trong đó có trình bày về điều kiện sức khỏe, điều kiện khai báo được đảm bảo tốt.

2.3.2. Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản

Khi tiến hành trưng cầu giám định, KSV bảo đảm quyết định trưng cầu giám định đầy đủ các nội dung: tên cơ quan trưng cầu giám định; họ tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định; tên tổ chức; họ tên người được trưng cầu giám định; tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định; tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có); nội dung yêu cầu giám định; ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định. Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHĐ thì KSV xem xét việc giám định loài động vật.

Đối với yêu cầu định giá tài sản, KSV thực hiện yêu cầu định giá tài sản phải theo đúng quy định, gồm các nội dung: tên cơ quan yêu cầu định giá; họ tên người có thẩm quyền yêu cầu định giá; tên hội đồng định giá tài sản được yêu cầu; thông tin và đặc điểm của tài sản cần định giá; tên tài liệu có liên quan (nếu có); nội dung yêu cầu định giá tài sản; ngày, tháng, năm yêu cầu định giá tài sản, thời hạn trả kết luận định giá tài sản.

Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHĐ, việc định giá tài sản có ý nghĩa trong việc xác định tội danh của Điều 234 BLHS

hoặc các tội chiếm đoạt các loài động vật của các bị can bị truy tố theo Điều 244 BLHS; là căn cứ để xác định bị can thuộc trường hợp định khung tăng nặng nào được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 Điều 234 BLHS; để đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khi lượng hình. Trong trường hợp đặc biệt, KSV có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ điều kiện không thuộc danh sách đã công bố để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do. Trong đó, lưu ý việc giám định loài gửi 01 trong 04 cơ quan khoa học CITES Việt Nam theo Quyết định số 2249/QĐ-BNN-TCLN ngày 17/6/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và hướng dẫn tại Công văn số 881/VKSTC-V3 ngày 23/11/2020 của VKSND tối cao.

2.3.3. Đối chất, thực nghiệm điều tra

Việc đối chất, thực nghiệm điều tra trong vụ án liên quan đến ĐVHD có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra, xác minh tài liệu, tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án mà CQĐT chưa thực hiện đầy đủ. Trong đó, việc đối chất giải quyết mâu thuẫn trong lời khai giữa hai người hay nhiều người mà CQĐT đã tiến hành các biện pháp điều tra khác trước đó nhưng chưa giải quyết được triệt để hoặc chưa đối chất.

Thực nghiệm điều tra được thực hiện bằng cách dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi, tình huống hoặc những tình tiết khác của một sự việc nhất định và tiến hành các hoạt động thực nghiệm cần thiết. Khi thực nghiệm điều tra phải đo đạc, chụp ảnh, ghi hình, vẽ sơ đồ, ghi rõ kết quả thực nghiệm điều

tra vào biên bản. Việc thực nghiệm có thể mời các nhà chuyên môn, các chuyên gia cùng tham gia.

2.4. Xây dựng và ban hành các quyết định tố tụng kết thúc giai đoạn truy tố và quyết định tố tụng khác

2.4.1. Xây dựng và ban hành Dự thảo Cáo trạng (Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn)

Về hình thức và nội dung Cáo trạng phải “ghi rõ diễn biến hành vi phạm tội”, “những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị can”, “tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra”, “việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế”, “đặc điểm nhân thân của bị can”, “việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và việc xử lý vật chứng”, “nguyên nhân và điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội”. Bố cục của bản cáo trạng gồm có 4 phần: Phần nêu căn cứ pháp lý xác định việc truy tố của VKS; Phần mô tả hành vi phạm tội của bị can (các bị can); Phần kết luận; Phần quyết định.

Trong đó, đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD thì KSV thực hiện phần mô tả hành vi phạm tội cần chú trọng những vấn đề: động cơ, mục đích phạm tội, diễn biến hành vi phạm tội của bị can, mô tả chính xác, đầy đủ, dễ hiểu, không kể lể lan man, không phân tích quá sâu các hành vi cụ thể. Trường hợp bị can thực hiện hành vi săn bắt, giết, nuôi, nhốt, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán cá thể, bộ phận hoặc sản phẩm của ĐVHD thì cáo trạng cần mô tả ngắn gọn nhưng chính xác hành vi phạm tội của bị can. Trong đó, KSV cần đưa ra những chứng cứ đã thu thập được thể hiện rõ hành vi phạm tội của

bị can. Trường hợp vụ án có đồng phạm thì KSV cần chứng minh vai trò của từng người đồng phạm, tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng người đồng phạm để cá thể hóa trách nhiệm hình sự đối với người đó.

Trong vụ án liên quan đến hành vi mua bán hoặc vận chuyển ĐVHD có đối tượng rủ rờ, lôi kéo người quen, bạn bè cùng thực hiện hành vi phạm tội, hoặc có những bị can không nhận thức được hành vi của mình là phạm tội mà chỉ nghe theo lời người khác mà thực hiện; động cơ phạm tội có thể đơn giản là vì lợi ích vật chất có được từ hành vi mua bán, vận chuyển trái phép ĐVHD thì KSV cần xác định rõ hành vi của từng đối tượng để có cơ sở xử lý;

Trường hợp vụ án đơn giản, ít nghiêm trọng có thể nêu đầy đủ diễn biến của tội phạm theo thời gian;

Trường hợp vụ án có một bị can phạm nhiều tội thì có thể trình bày diễn biến của từng tội phạm theo thời gian hoặc trình bày các tội theo tính chất của từng tội phạm, từ tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng đến tội phạm ít nghiêm trọng;

Trường hợp vụ án có nhiều bị can phạm nhiều tội có thể trình bày theo diễn biến của từng tội phạm hoặc nêu từng bị can (phạm tội bao nhiêu lần, các hành vi phạm tội cụ thể...), sau đó tổng hợp, đánh giá vai trò của từng bị can trong vụ đồng phạm.

Trong các vụ ĐVHD có thể có những bị can phạm tội mua bán, có bị can phạm tội vận chuyển trái phép ĐVHD do các

đối tượng mua bán đặt vấn đề thuê vận chuyển. Đối tượng vận chuyển thuê có thể là người dân bình thường có mối quen biết với đối tượng mua bán, có thể là lái xe khách liên tỉnh hoặc lái xe taxi, nếu là người lái xe taxi thì có thể được thuê vận chuyển hàng hoá với giá cao hơn so với bình thường.

Phần kết luận, KSV thực hiện: Tổng hợp ngắn gọn cấu thành tội phạm từ sự mô tả hành vi phạm tội ở phần trên, tính chất, mức độ, hậu quả của tội phạm, xác định vai trò của bị can trong vụ án (chú ý sắp xếp theo trật tự từ bị can chính, nguy hiểm nhất đến các bị can có vai trò thấp hơn). Trường hợp bị can phạm nhiều tội thì phải phân tích, đánh giá theo thứ tự từ tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đến tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng. Nêu lý lịch của từng bị can (chú ý sắp xếp theo thứ tự từ bị can có vai trò chính đến bị can có vai trò thứ yếu). Cần ghi đúng theo lý lịch tư pháp, chú ý tên đệm; nếu có tên gọi khác cũng cần ghi rõ.

Trong các vụ án liên quan đến ĐVHD, có những bị can là người dân tộc thiểu số, có trình độ văn hoá thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế; nhưng cũng có bị can trước đó đã thực hiện nhiều lần hành vi mua bán, vận chuyển trái phép ĐVHD hoặc thậm chí có bị can đã bị xét xử về tội phạm về ĐVHD nhưng vẫn cố tình tiếp tục phạm tội. KSV cần nghiên cứu kỹ lý lịch bị can để có biện pháp đấu tranh và làm căn cứ đề xuất mức hình phạt. Những trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị can thì phải xem xét, làm rõ các căn cứ để cho bị can được hưởng tình tiết đó.

Phần quyết định, KSV thực hiện: Ghi rõ không chỉ tội danh và điều khoản của BLHS được áp dụng, mà cả điểm của điều khoản đó (trích dẫn đầy đủ điểm, điều khoản, tội danh).

2.4.2. Dự thảo và ban hành quyết định đình chỉ vụ án

Khi có căn cứ đình chỉ vụ án, KSV báo cáo lãnh đạo Viện ban hành quyết định đình chỉ vụ án để chấm dứt tố tụng ở giai đoạn truy tố. VKS cấp dưới ra quyết định đình chỉ vụ án phải được gửi lên VKS cấp trên. Trong trường hợp quyết định đình chỉ vụ án bị phát hiện là không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS cấp trên sẽ trực tiếp ra quyết định hủy bỏ quyết định đình chỉ đó và yêu cầu VKS cấp dưới tiếp tục giải quyết vụ án.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứ đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can thì quyết định đình chỉ vụ án đối với từng bị can.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định, KSV phải thông báo cho bị can và người bào chữa biết, giao quyết định cho bị can và lập biên bản giao nhận, đưa vào hồ sơ vụ án và sao lưu một bản vào hồ sơ kiểm sát.

2.4.3. Dự thảo và ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án

Trường hợp có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo (có chứng nhận của Hội đồng Giám định pháp y) thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện xem xét tạm đình chỉ vụ án trước khi hết thời hạn quyết định việc truy tố.

Trường hợp bị can bỏ trốn mà không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn truy tố thì KSV báo cáo, đề xuất lãnh đạo Viện yêu cầu CQĐT truy nã bị can trước khi tạm đình chỉ vụ án;

Trường hợp trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp mà chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn quyết định việc truy tố, KSV báo cáo lãnh đạo Viện ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án nhưng việc giám định, định giá tài sản, tương trợ tư pháp tiếp tục tiến hành cho đến khi có kết quả. Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứ để tạm đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả bị can thì tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra quyết định, KSV phải thông báo cho bị can và người bào chữa biết, giao quyết định cho bị can và lập biên bản giao nhận, đưa vào hồ sơ vụ án và sao lưu một bản vào hồ sơ kiểm sát.

2.4.4. Dự thảo và ban hành quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung

KSV đề xuất lãnh đạo Viện giải quyết yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án hoặc tự mình trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho CQĐT khi có một trong các căn cứ gồm: thiếu chứng cứ quan trọng đối với hồ sơ vụ án; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và có căn cứ để cho rằng bị can phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác. VKS ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung trong thời hạn quyết định truy tố. Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung phải ra quyết định bằng văn bản và do người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật ký. Trong đó, KSV lưu ý đề xuất không trả hồ sơ nếu là chứng

cứ quan trọng nhưng nếu thiếu cũng truy tố, xét xử được hoặc không thể thu thập được. Ví dụ: Có 3 người làm chứng nhưng CQĐT chỉ xác định được 2 người; Hiện trường đã bị thay đổi không thể xem xét lại được hay vật chứng đã mất không thể tìm được; Mất vật chứng nhưng không thể truy tìm được; Đã tiêu hủy vật chứng bị hư hỏng hoặc đã thả ĐVHD về tự nhiên mà không thể xác định vị trí hiện tại...

Trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, KSV dự thảo phải ghi số, ngày, tháng, năm và lần trả hồ sơ (thứ nhất hoặc thứ hai). Trong phần nội dung phải ghi cụ thể “những chứng cứ quan trọng đối với vụ án” cần phải điều tra bổ sung, “tội phạm khác hoặc người đồng phạm khác” phải khởi tố, truy tố hoặc “những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng” cần được khắc phục và nêu rõ căn cứ. Trong trường hợp tiếp tục phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, thì trong quyết định phải nêu rõ những vấn đề yêu cầu điều tra bổ sung lần trước chưa được điều tra bổ sung hoặc đã điều tra bổ sung nhưng chưa đạt yêu cầu hoặc từ kết quả điều tra bổ sung làm phát sinh vấn đề mới cần điều tra.

Trường hợp kết quả điều tra bổ sung không làm thay đổi quyết định truy tố thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện ban hành văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên quyết định truy tố và chuyển lại hồ sơ cho Tòa án. Trường hợp kết quả điều tra bổ sung làm thay đổi quyết định truy tố thì VKS ban hành cáo trạng mới thay thế cáo trạng cũ và chuyển hồ sơ đến Tòa án để xét xử.

2.4.5. Dự thảo và ban hành quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can

Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 và Điều 157 BLHS hoặc có căn cứ quy định tại Điều 16, Điều 29 hoặc khoản 2 Điều 91 BLHS, KSV phải xem xét, đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và dự thảo báo cáo đề xuất lãnh đạo đơn vị, lãnh đạo Viện xem xét, quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 248 BLTTHS. Báo cáo nêu rõ lý do, căn cứ, trường hợp đình chỉ; đồng thời đề xuất rõ việc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế, xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật tạm giữ và các vấn đề khác có liên quan trong vụ án. KSV lưu ý:

- Trường hợp đình chỉ vụ án do bị can đã chết thì KSV phải lập, thu thập đầy đủ các chứng cứ như biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, lấy lời khai người làm chứng... để xác định đúng sự việc xảy ra, nguyên nhân bị can chết.

- Trường hợp đình chỉ vụ án do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì kiểm tra, xác định rõ thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can theo Điều 234, Điều 244 BLHS, trường hợp quy định tại các Điều 27, 28 BLHS, khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 9 TTLT số 01/2020; lý do, nguyên nhân dẫn đến việc hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can.

- Trường hợp đình chỉ vụ án do miễn trách nhiệm hình sự thì phải kiểm tra, xác định rõ việc quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho bị can là khách quan, có cơ sở, có căn cứ và phải

được thực hiện đúng theo các trường hợp quy định tại các điều 16, 29 hoặc khoản 2 Điều 91, các Điều 92, 93, 94 và 95 BLHS.

Khi báo cáo, đề xuất việc đình chỉ vụ án, đình chỉ bị can, KSV phải báo cáo, đề xuất lãnh đạo.

2.4.6. Dự thảo và ban hành Quyết định xử lý vật chứng

Theo quy định tại Điều 106 BLTTHS năm 2015 thì ở giai đoạn truy tố, VKS có thẩm quyền xử lý vật chứng; trong đó, vật chứng là ĐVHD thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với các vụ án về ĐVHD, KSV đề xuất lãnh đạo Viện thực hiện việc xử lý vật chứng: Vật chứng là ĐVHD, động vật nguy cấp, quý, hiếm còn sống thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả về tự nhiên, giao cho trung tâm cứu hộ, khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia hoặc giao cho cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Vật chứng là cá thể động vật chết hoặc sản phẩm ĐVHD, động vật nguy cấp quý, hiếm thuộc loại mau hỏng, khó bảo quản thì tiêu hủy hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. KSV lập biên bản giao nhận, quyết định xử lý vật chứng lưu trong hồ sơ.

Đối với các vật chứng là tài sản, công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì KSV nghiên cứu đề xuất tịch thu, sung công quỹ.

Đối với vật chứng khác không liên quan đến vụ án thì KSV đề xuất lãnh đạo Viện xem xét trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp theo quy định tại Điều 106 BLTTHS.

2.5. Báo cáo và chuyển hồ sơ vụ án đến cơ quan tiến hành tố tụng khác

Trong thời hạn truy tố, KSV thực hiện việc báo cáo lãnh đạo Viện và thực hiện công việc bảo đảm trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra một trong các quyết định tố tụng kết thúc giai đoạn truy tố, KSV thông báo cho bị can, người bào chữa hoặc người đại diện của bị can, bị hại biết; giao cho bị can hoặc người đại diện của bị can và gửi cho Cơ quan điều tra, người bào chữa bản cáo trạng, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can; thông báo cho bị hại, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Việc giao, nhận các văn bản nêu trên được lập biên bản.

Trường hợp vụ án phức tạp thì báo cáo đề đề nghị gia hạn. Các quyết định nêu trên, KSV phải gửi ngay cho VKS cấp trên để Viện trưởng VKS cấp trên có quyền rút, đình chỉ, hủy bỏ các quyết định đó nếu thấy không có căn cứ hoặc trái pháp luật và yêu cầu VKS cấp dưới ra quyết định đúng pháp luật.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra bản cáo trạng, KSV phải chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án. Trường hợp vụ án phức tạp thì thời hạn chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng đến Tòa án có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày.

Trường hợp vụ án có bị can bị tạm giam thì trước khi hết thời hạn tạm giam 07 ngày thì VKS thông báo cho Tòa án biết

để xem xét, quyết định việc tạm giam bị can khi nhận hồ sơ vụ án.

Trong đó, KSV thực hiện các hoạt động tổ tụng trong thời hạn truy tố theo luật định. Cụ thể:

- Đối với Điều 234 BLHS: Khoản 1 và 2: Thời hạn truy tố là 20 ngày, gia hạn không quá 10 ngày; Khoản 3: Thời hạn truy tố là 30 ngày, gia hạn không quá 15 ngày;

- Đối với Điều 244 BLHS: Khoản 1: Thời hạn truy tố là 20 ngày, gia hạn không quá 10 ngày; Khoản 2 và 3: Thời hạn truy tố là 30 ngày, gia hạn không quá 15 ngày.

Đối với pháp nhân thương mại phạm tội thì nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, trình tự, thủ tục khi THQCT, kiểm sát trong giai đoạn truy tố đối với pháp nhân thương mại bị buộc tội thực hiện theo quy định của BLTTHS, quy định của pháp luật khác có liên quan và các quy định tương ứng của Quy chế công tác THQCT, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố (*Ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/4/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao*).

2.6. Hoàn thiện hồ sơ kiểm sát trong giai đoạn truy tố

Hồ sơ kiểm sát trong giai đoạn truy tố các vụ án liên quan đến ĐVHD phải phản ánh đầy đủ, chính xác trình tự tổ tụng của vụ án. Hồ sơ phải thể hiện được các nội dung và kết quả của giai đoạn truy tố, thể hiện được các hoạt động của KSV, Kiểm tra viên trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ và việc lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình giải quyết vụ án.

Ngoài các tài liệu đã có trong Hồ sơ kiểm sát ở giai đoạn khởi tố, điều tra thì trong giai đoạn truy tố, KSV cần hoàn thiện một số tài liệu mới trong hồ sơ kiểm sát như: các công văn và quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của VKS (nếu có). Trường hợp phát hiện có hành vi phạm tội, người phạm tội khác chưa được khởi tố, điều tra, có thể là các tội phạm về ĐVHD hoặc các tội phạm khác được phát hiện trong giai đoạn truy tố vụ án về ĐVHD, thì VKS ra quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can. Các quyết định này được lưu trong hồ sơ vụ án và hồ sơ kiểm sát.

Trường hợp VKS ra quyết định truy tố bị can nhưng chưa giao bản cáo trạng cho bị can mà bị can bỏ trốn, VKS yêu cầu CQĐT truy nã bị can thì có yêu cầu truy nã từ phía VKS gửi CQĐT.

Nếu VKS ban hành các Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án, bị can trong giai đoạn truy tố; Quyết định phục hồi vụ án, quyết định phục hồi vụ án đối với bị can; Quyết định chuyển hồ sơ vụ án; Quyết định tách - nhập vụ án... thì các quyết định này cũng được lưu trong hồ sơ kiểm sát. Về tài liệu phản ánh các hoạt động của VKS trong giai đoạn truy tố, VKS có thể trực tiếp tiến hành hỏi cung, lấy lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án về ĐVHD. Biên bản hỏi cung, lấy lời khai được lập theo mẫu quy định và lưu trong hồ sơ vụ án, photo một bản lưu trong hồ sơ kiểm sát. Nếu xử lý vật chứng là sản phẩm, bộ phận, cá thể ĐVHD

trong giai đoạn truy tố thì hồ sơ kiểm sát cũng lưu các quyết định xử lý vật chứng.

Trường hợp VKS yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án về ĐVHD như các tài liệu liên quan đến xuất nhập cảnh hàng hóa, các vận đơn, hóa đơn, chứng từ... thì hồ sơ kiểm sát lưu các văn bản yêu cầu, bản photo các tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp.

Hồ sơ kiểm sát cũng lưu các bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn (kèm theo danh sách những người cần triệu tập đến phiên tòa), biên bản giao nhận cáo trạng hoặc quyết định truy tố.

Ngoài ra, tùy từng vụ án mà hồ sơ kiểm sát còn có thể có một số tài liệu như: Bản nghiên cứu tổng hợp chứng cứ của KSV, Kiểm tra viên; Bản báo cáo án; Công văn thỉnh thị và ý kiến chỉ đạo của đơn vị nghiệp vụ hoặc VKS cấp trên; Các biên bản họp để giải quyết vụ án trong nội bộ ngành Kiểm sát hoặc liên ngành; Những tài liệu về hoạt động áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm, kèm theo các kiến nghị khắc phục nguyên nhân, điều kiện vi phạm, tội phạm; Các tài liệu về vi phạm của CQĐT, VKS và biện pháp khắc phục; Các đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động điều tra, kiểm sát điều tra, truy tố, biện pháp và kết quả giải quyết...

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm, đặc điểm hoạt động của VKSND trong giai đoạn truy tố vụ án về ĐVHD?
2. Trình bày nội dung hoạt động tiếp nhận hồ sơ vụ án của KSV trong giai đoạn truy tố vụ án về ĐVHD?
3. Trình bày nội dung hoạt động nghiên cứu hồ sơ vụ án và xem xét việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế trong giai đoạn truy tố vụ án về ĐVHD?
4. Trình bày nội dung hoạt động tiến hành một số biện pháp điều tra trong giai đoạn truy tố vụ án về ĐVHD?
5. Trình bày nội dung hoạt động xây dựng và ban hành các quyết định tố tụng kết thúc giai đoạn truy tố và quyết định tố tụng khác?

Chương 5

HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. KHÁI NIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Xét xử là giai đoạn tố tụng hình sự được bắt đầu từ khi Tòa án nhận hồ sơ vụ án, bản cáo trạng, thụ lý vụ án và kết thúc khi Tòa án ra bản án hoặc quyết định mà bản án, quyết định đó không còn bị kháng cáo, kháng nghị nữa (bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc bị kháng cáo, kháng nghị và đã được xét xử theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm). Trong giai đoạn này, Tòa án căn cứ các quy định của BLTTHS, quyết định truy tố của VKS, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để ra bản án hoặc quyết định tố tụng để giải quyết vụ án theo thủ tục luật định. Còn VKS thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Theo quy định tại Điều 266, 267 BLTTHS năm 2015, khi THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, VKS: công bố cáo trạng, công bố quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, quyết định khác về việc buộc tội đối với bị cáo tại phiên tòa; xét hỏi, xem xét

vật chứng, xem xét tại chỗ; luận tội, tranh luận, rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; kết luận về tội khác bằng hoặc nhẹ hơn; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án trong trường hợp oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Khi THQCT trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, VKS: Trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị; bổ sung chứng cứ mới; bổ sung, thay đổi kháng nghị; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị; xét hỏi, xem xét vật chứng, xem xét tại chỗ; phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa, phiên họp; tranh luận với bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử vụ án hình sự của Tòa án, VKS kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật; kiểm sát bản án, quyết định, văn bản tố tụng khác của Tòa án; yêu cầu Tòa án cùng cấp, cấp dưới chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; kiến nghị, yêu cầu Tòa án, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của BLTTHS; kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm trong hoạt động tố tụng; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý; thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, nhiệm vụ, quyền hạn khác.

Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD trong giai đoạn xét xử, đối tượng tác động của hoạt động THQCT của VKSND là tội phạm về ĐVHD và bị can (có thể cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội) đã được Tòa án quyết định đưa ra xét xử; còn đối tượng tác động của hoạt động kiểm sát xét xử của VKSND là hoạt động xét xử các vụ án ĐVHD của Tòa án (của Hội đồng xét xử); hoạt động của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử tội phạm ĐVHD và nội dung bản án, quyết định của Tòa án về ĐVHD.

Phạm vi hoạt động của VKSND trong giai đoạn xét xử nói chung và trong vụ án về ĐVHD được xác định theo Quy chế Công tác THQCT, kiểm sát xét xử vụ án hình sự (được ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-VKSTC ngày 18/12/2017 của Viện trưởng VKSND tối cao). Theo đó, công tác THQCT, kiểm sát xét xử vụ án hình sự bắt đầu từ khi VKS chuyển bản cáo trạng hoặc quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn cùng hồ sơ vụ án đến Tòa án để xét xử và kết thúc khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị hoặc không bị yêu cầu, kiến nghị, đề nghị xem xét lại quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, có thể hiểu, *hoạt động của VKSND trong giai đoạn xét xử vụ án về ĐVHD là hoạt động thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát xét xử nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội về ĐVHD phải được xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng tội, đúng pháp luật; việc xét xử vụ án hình sự về ĐVHD của Tòa án; hoạt động tố tụng hình sự của người tham gia tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; bản án, quyết định của Tòa án về tội phạm ĐVHD có căn cứ, đúng pháp luật.*

2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong THQCT và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án về ĐVHD, VKSND thực hiện các hoạt động: chuẩn bị tham gia phiên tòa và kiểm sát việc chuẩn bị xét xử của Tòa án; THQCT, kiểm sát xét xử tại phiên tòa; THQCT và kiểm sát sau khi kết thúc phiên tòa và các hoạt động khác khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kháng nghị.

2.1. Hoạt động chuẩn bị tham gia phiên tòa sơ thẩm và kiểm sát việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm của Tòa án

2.1.1. Hoạt động chuẩn bị tham gia phiên tòa sơ thẩm

Chuẩn bị tham gia phiên tòa là những hoạt động của KSV tạo điều kiện cần thiết (nghiên cứu, chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và trang thiết bị hỗ trợ) để KSV thực hiện tốt các hoạt động tại phiên tòa.

Để thực hiện việc này, KSV tiến hành sắp xếp, nghiên cứu hồ sơ vụ án để soát xét lại hệ thống chứng cứ như: kiểm tra về nội dung vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo; các chứng cứ buộc tội, gỡ tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; các yêu cầu về bồi thường thiệt hại hoặc trách nhiệm dân sự (nếu có) trong vụ án; phân tích đánh giá tổng hợp vụ án; áp dụng các điều, khoản của BLHS, văn bản quy phạm pháp luật khác để chuẩn bị THQCT và kiểm sát xét xử (KSXX) tại phiên tòa. Đồng thời, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV tiến hành trích cứu đầy đủ, trung thực lời khai của bị can, của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng

cứ liên quan đến vụ án. Đối với những vụ án ĐVHD do VKS cấp trên chuyển xuống hoặc ủy quyền THQCT và KSXX, khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, KSV nghiên cứu nếu có quan điểm truy tố khác về tội danh, điều luật áp dụng... thì báo cáo với lãnh đạo VKS cấp mình để báo cáo lên VKS cấp trên xem xét quyết định.

Ngoài ra, KSV chuẩn bị các phương tiện kỹ thuật hỗ trợ khi THQCT và KSXX tại phiên tòa như máy ghi âm, máy ảnh, máy tính xách tay, bút, biểu mẫu và các trang thiết bị cần thiết khác, nên được liệt kê bằng văn bản để trước khi tham gia phiên tòa kiểm tra lại tránh bị thiếu sót.

- *Về xây dựng dự thảo đề cương xét hỏi, luận tội:* KSV xem xét những nội dung cần làm rõ tại phiên tòa (hành vi phạm tội là săn bắt, mua bán, vận chuyển hay tàng trữ; thời gian, địa điểm phạm tội); Động cơ, mục đích phạm tội (để sử dụng hay để thu lợi); Hậu quả của tội phạm; công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội); chú ý đến việc chuẩn bị những câu hỏi phù hợp đối với người làm chứng, người bị hại, người giám định và những người tham gia tố tụng khác. Dự kiến những vấn đề mà người bào chữa hoặc bị cáo quan tâm để đặt ra những câu hỏi làm sáng tỏ như: nhận thức của bị cáo đối với hành vi phạm tội; mối quan hệ, thỏa thuận giữa bị cáo với các đồng phạm khác (nếu có)... Dự thảo luận tội phải được viết theo mẫu hướng dẫn của VKSND tối cao. Đối với những vụ án trọng điểm, phức tạp hoặc xét xử lưu động, bản dự thảo luận tội của KSV phải báo cáo lãnh đạo Viện cho ý kiến; và phải đảm bảo các bố cục và nội dung. Về kết cấu hình thức gồm ba

phần: mở đầu, nội dung và kết luận, đồng thời cần phân tích, đánh giá được các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; làm rõ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, vị trí, trách nhiệm của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; Phân tích những sơ hở thiếu sót trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội để kiến nghị phòng ngừa; đề xuất quan điểm, đường lối xử lý vụ án, đề xuất xử lý vật chứng.

Đối với các vụ án về ĐVHD, KSV chuẩn bị: câu hỏi trong dự thảo đề cương xét hỏi phải rõ ràng, dễ hiểu, ngắn gọn. Đối với những danh từ khoa học là tiếng nước ngoài chỉ tên loài ĐVHD, quý hiếm, sử dụng phiên âm sang tiếng Việt phổ thông. Đối với những danh từ chỉ tên ĐVHD bằng tiếng địa phương, vùng miền, phải giải thích bằng danh từ phổ thông. Đề xuất xử lý vật chứng phải phù hợp với các quy định của BLTTHS và văn bản hướng dẫn thi hành

- Về dự kiến tình huống tại phiên tòa: KSV xem xét thái độ tâm lý, sự hợp tác của bị cáo; khả năng phản cung của bị cáo, thay đổi lời khai của những người tham gia tố tụng...; dự kiến những tài liệu, chứng cứ đưa ra để đấu tranh với bị cáo, trích đọc lời khai của bị cáo tại CQĐT; dự kiến việc đối chất tại phiên tòa để giải quyết các mâu thuẫn; dự kiến những vấn đề khác mà bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác đưa ra tại phiên tòa. Ngoài ra, KSV chuẩn bị các nội dung để giải quyết các tình huống tại phiên tòa như: chuẩn bị lý lẽ để bác bỏ những quan điểm sai trái, không đúng của bị cáo, người bào chữa trên cơ sở viện dẫn chứng cứ để chứng minh, bảo vệ quan điểm truy tố của VKS, đường lối, chính sách pháp

luật; chuẩn bị đầy đủ các văn bản pháp luật cần thiết có liên quan đến vụ án để khi cần thiết trích đọc hoặc viện dẫn có căn cứ, chính xác.

Trên thực tế đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác thường đưa ra tại phiên tòa những vấn đề: đánh giá chứng cứ; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm; thiệt hại do tội phạm gây ra; các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ; nhân thân bị cáo; những điểm mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án; vai trò của bị cáo trong đồng phạm... Bị cáo thường đưa ra các quan điểm như: Bị cáo không phạm tội do thấy mọi người vẫn sử dụng ĐVHD để ăn uống, ngâm rượu... hoặc chưa bao giờ nhìn thấy những loại động vật này nên không biết là ĐVHD, quý hiếm v.v. hoặc chỉ là người vận chuyển thuê nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, KSV chuẩn bị các tình huống trên để tranh luận tại phiên tòa.

- *Về rút quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa:* Trước khi mở phiên tòa, nếu xét thấy có căn cứ rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố thì KSV báo cáo đề xuất lãnh đạo Viện xem xét và quyết định. Việc rút quyết định truy tố phải bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp rút toàn bộ quyết định truy tố thì đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án.

- *Về báo cáo án:* Khi báo cáo án, KSV đăng ký trước thời gian, chuẩn bị các loại sổ sách, tài liệu ghi chép, phiếu đề xuất, hồ sơ vụ án. Nội dung báo cáo án cần có: Tóm tắt nội dung vụ án (trường hợp lãnh đạo Viện, yêu cầu thì phải trình bày được chi tiết nội dung vụ án); Nhân thân của các bị cáo; Quan điểm

đường lối xử lý vụ án trong đó đề nghị loại và mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp đối với từng bị cáo, nếu bị cáo phạm nhiều tội phải đề nghị cho từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo quy định; Bị cáo phải chấp hành hình phạt của nhiều bản án cũng phải tổng hợp hình phạt; Báo cáo những nội dung liên quan đến trách nhiệm dân sự (nếu có) trong vụ án hình sự và yêu cầu đề nghị Tòa án quyết định những vấn đề này; Trình bày căn cứ và đề xuất việc xử lý các loại vật chứng của vụ án. Những ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện, KSV ghi chép lại đầy đủ. Đối với những vụ án được đưa ra Ủy ban kiểm sát tư vấn hoặc thỉnh thị VKS cấp trên, cần phải lưu các văn bản đó trong hồ sơ kiểm sát.

2.1.2. Hoạt động kiểm sát việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm của Tòa án

Để kiểm sát việc chuẩn bị xét xử sơ thẩm của Tòa án, KSV kiểm sát việc tham gia tố tụng của người bào chữa; thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm trong thời hạn chuẩn bị xét xử phải ban hành một trong những quyết định của Thẩm phán chủ tọa phiên toà (Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án). Ngoài ra, KSV kiểm sát việc áp dụng thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn bảo đảm tính hợp pháp của các quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn; Kiểm sát quyết định đưa vụ án ra xét xử; Kiểm sát việc tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án bảo đảm tính có căn cứ và tính hợp pháp của các quyết định này (về Thẩm quyền, thời hạn ra quyết định; Căn cứ để đình chỉ, tạm đình chỉ; Các hoạt động tố tụng sau khi ra quyết định như yêu cầu CQĐT truy

nã bị cáo, quyết định bắt buộc chữa bệnh...); Kiểm sát việc giao, gửi quyết định của Tòa án. Trường hợp phát hiện thấy có vi phạm, KSV tập hợp báo cáo lãnh đạo Viện để có kiến nghị kịp thời; kiểm sát việc Tòa án áp dụng trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội độc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa.

Trường hợp những vụ án có bị cáo là người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về thể chất hoặc tâm thần, KSV phải bảo đảm việc tham gia của người bào chữa theo quy định của pháp luật. Đối với trình tự, thủ tục, thời hạn, địa điểm bị can hoặc người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội độc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa thì tuân thủ hướng dẫn tại TTLT số 02/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BQP ngày 01/02/2018.

Đối với việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, KSV nghiên cứu các lý do được nêu trong quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong đó, nếu xét thấy yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung là không có căn cứ thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện làm văn bản chuyển hồ sơ trả lại cho Tòa án đồng thời nêu rõ lý do. Nếu quyết định trả hồ sơ của Tòa án là có căn cứ, KSV báo cáo lãnh đạo Viện để VKS trực tiếp điều tra bổ sung hoặc ra quyết định trả hồ sơ vụ án cho CQĐT tiến hành điều tra theo quy định. Sau khi có

kết quả điều tra bổ sung (do VKS hoặc CQĐT thực hiện), KSV phải xem xét kỹ các tài liệu này và đánh giá với hệ thống tài liệu, chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án.

Trường hợp tài liệu điều tra bổ sung không làm thay đổi nội dung quyết định truy tố trước đây hoặc việc điều tra bổ sung không thể tiến hành theo yêu cầu của Tòa án thì KSV báo cáo với lãnh đạo Viện để ban hành văn bản trả lời Tòa án và giữ nguyên quan điểm truy tố.

Trường hợp tài liệu điều tra bổ sung làm thay đổi nội dung quyết định truy tố về tội danh, hoặc xác định có đồng phạm khác thì KSV đề xuất với lãnh đạo Viện yêu cầu CQĐT thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can sau đó phải lập lại bản cáo trạng khác phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mới thu thập được. Nếu thay đổi về điểm, khoản, áp dụng của điều luật... thì KSV yêu cầu CQĐT kết luận điều tra bổ sung sau đó lập cáo trạng truy tố theo điểm, khoản mới...

Trường hợp tài liệu điều tra bổ sung dẫn đến việc phải đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can theo quy định của BLHS và BLTTHS thì KSV báo cáo với lãnh đạo Viện quyết định. Nếu đình chỉ toàn bộ vụ án thì phải thông báo cho Tòa án biết. Nếu đình chỉ một phần vụ án (đình chỉ một hay nhiều bị can) thì phải tiếp tục lập cáo trạng để truy tố các bị can còn lại. Việc thay đổi nội dung quyết định truy tố phải thông báo cho bị can, những người tham gia tố tụng biết.

Đối với các vụ án về ĐVHD, lý do trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung của nhóm tội này thường liên quan đến vấn đề

định giá tài sản hoặc xác định thêm tình tiết mới liên quan đến các đồng phạm khác trong vụ án.

2.2. Hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa sơ thẩm

- Hoạt động kiểm sát phần thủ tục phiên tòa sơ thẩm và hoạt động diễn ra tại phiên tòa sơ thẩm

Trước khi diễn ra phiên tòa, KSV kiểm sát hoạt động của Thư ký và công tác chuẩn bị cho phiên tòa bảo đảm: Thư ký Tòa án phải tiến hành kiểm tra sự có mặt của những người được Tòa án triệu tập; xác định lý do của người vắng mặt, phổ biến nội quy phiên tòa. Phần thủ tục phiên tòa, KSV xem xét đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng; Yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét; Việc cách ly người làm chứng với những người có liên quan, cách ly bị cáo với người làm chứng... theo quy định; Quá trình thẩm vấn bảo đảm những câu hỏi của Hội đồng xét xử, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải cụ thể, rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, không có câu hỏi mớm cung hoặc xúc phạm danh dự nhân phẩm của người được hỏi. Nếu phát hiện thấy có vi phạm, KSV đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục vi phạm.

- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật

KSV kiểm sát sự có mặt của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Khi có người vắng mặt, tùy từng

trường hợp mà KSV phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa hoặc vẫn tiến hành xét xử.

Trong suốt quá trình xét xử, KSV phải kiểm sát việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và có trách nhiệm đề nghị Hội đồng xét xử có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện vi phạm.

- Công bố cáo trạng

KSV công bố bản cáo trạng và trình bày ý kiến bổ sung, nếu có. Ý kiến bổ sung không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo trước khi tiến hành xét hỏi, sau khi được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đề nghị. Khi công bố cáo trạng, KSV phải đứng dậy, hướng về phía Hội đồng xét xử và những người tham dự phiên tòa và có lời phát biểu ngắn gọn; đọc to, rõ ràng, mạch lạc, chính xác, ngắt câu hoặc ngắt ý phải đúng lúc, đúng chỗ. Sau khi công bố xong cáo trạng, KSV có câu kết ngắn gọn như: “Trên đây là bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc”

Trong đó, KSV không được tự ý cắt bớt lời văn hoặc sửa chữa từ, ngữ...; Đối với những danh từ khoa học là tiếng nước ngoài chỉ tên loài ĐVHD, quý hiếm, KSV phải phiên âm sang tiếng Việt phổ thông và đọc chuẩn xác đúng từ đó. Đối với những danh từ chỉ tên ĐVHD bằng tiếng địa phương, vùng miền, KSV phải giải thích bằng danh từ phổ thông. Không được đọc ngọng, nhịu, mắc lỗi chính tả... KSV có thể trình bày ý kiến bổ sung để làm rõ thêm nội dung của bản cáo trạng, đó không phải là ý kiến mới, bổ sung làm thay đổi nội dung bản

cáo trạng (trừ trường hợp được Viện trưởng đồng ý) và không làm xấu đi tình trạng của bị cáo.

- Tham gia xét hỏi tại phiên tòa

Việc tham gia xét hỏi tại phiên tòa là bắt buộc đối với KSV. Khi xét hỏi KSV sử dụng các câu hỏi rõ ràng, mạch lạc, dễ hiểu; Tránh sử dụng các câu hỏi có tính chất khẳng định hoặc mớm nội dung, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người được hỏi. Đối với những danh từ chỉ tên ĐVHD bằng tên khoa học tiếng nước ngoài hoặc bằng tiếng địa phương, vùng miền, KSV phải giải thích bằng danh từ phổ thông.

KSV dự kiến nhiều câu hỏi nhưng những người tiến hành tố tụng trước đó đã hỏi thì không hỏi lại nữa. Nội dung xét hỏi KSV tập trung: Hỏi kiểm tra lại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bảo đảm các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hợp pháp về mặt nội dung cũng như về mặt hình thức; Hỏi làm rõ những tình tiết mới, chứng cứ mới mà những người tham gia tố tụng bổ sung tại phiên tòa; Hỏi bị cáo về các hành vi khách quan của vụ án; mục đích phạm tội của bị cáo và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo. Việc xét hỏi những người tham gia tố tụng khác tuân thủ theo các quy định của BLTTHS và Quy chế THQCT và kiểm sát xét xử hình sự. KSV cần phải dự kiến các tình huống xảy ra khi hỏi từng đối tượng cụ thể trước khi hỏi và có biện pháp xử lý thích hợp.

Khi có người tham gia tố tụng xuất trình tài liệu mới tại phiên tòa, KSV cần kiểm tra và xét hỏi về nguồn gốc, nội dung tài liệu đó để có kết luận về tính hợp pháp và tính có căn cứ

của tài liệu đó. Trường hợp chưa đủ điều kiện kết luận mà tài liệu mới đó có thể làm thay đổi nội dung, tính chất vụ án thì KSV đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác minh.

Đối với bị cáo có hành vi săn bắt trái phép ĐVHD thì KSV hỏi về thủ đoạn săn bắt, công cụ được sử dụng để săn bắt như các loại vũ khí, tên tẩm thuốc độc, chất nổ, chất độc, đào hầm, hố, cắm chông, bẫy kiềng lớn, bẫy cắm chông, bẫy gài lao, bẫy điện, bẫy sập, khúc gỗ lớn, răng sắt lớn hoặc các công cụ, phương tiện nguy hiểm khác mà cơ quan có thẩm quyền quy định không được phép sử dụng để săn bắt và thời gian, địa điểm thực hiện hành vi săn bắt để xác định tình tiết định khung tăng nặng tại điểm d khoản 2 Điều 234 BLHS, điểm g khoản 2 Điều 244 BLHS.

Đối với bị cáo có hành vi nuôi nhốt trái pháp luật ĐVHD thì KSV hỏi về phương thức nuôi nhốt, địa điểm nuôi nhốt, thời gian nuôi nhốt, các giấy tờ liên quan đến việc nuôi nhốt, mục đích nuôi nhốt để làm rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Đối với bị cáo có hành vi vận chuyển trái phép ĐVHD thì KSV hỏi về phương thức vận chuyển, các giấy tờ liên quan đến việc vận chuyển, địa điểm vận chuyển để xác định tình tiết tăng nặng định khung tại điểm e khoản 2 Điều 234 BLHS; điểm i khoản 2 Điều 244 BLHS.

Đối với bị cáo có hành vi mua bán trái phép ĐVHD thì KSV hỏi để làm rõ mục đích mua bán nếu bị cáo thực hiện các hành vi khác (nuôi, nhốt, vận chuyển) nhằm mục đích mua bán để định tội; hỏi về phương thức thực hiện hành vi giao

dịch (trực tiếp bằng tiền mặt, chuyển khoản, thông qua một đối tượng khác...), số tiền thu lợi bất chính.

Đối với bị cáo là những đối tượng có trình độ nhận thức thấp, lạc hậu, thực hiện hành vi nhỏ lẻ để kiếm lời thì KSV sử dụng câu hỏi đơn giản, dễ hiểu và phù hợp với trình độ nhận thức của bị cáo.

Đối với bị cáo là một mắt xích trong hoạt động mua bán, vận chuyển... thì KSV tập trung làm rõ nhận thức của bị cáo về loại hàng hoá được thuê vận chuyển và khai thác, làm rõ các đối tượng cung cấp đầu ra, đầu vào của ĐVHD hoặc sản phẩm của ĐVHD, số tiền thu lợi bất chính.

- Luận tội

Khi trình bày luận tội, KSV đứng dậy, hướng về phía bị cáo trình bày luận tội một cách to, rõ ràng, mạch lạc và khúc triết; Trong từng câu phát biểu, sử dụng từ ngữ phải chuẩn xác theo tiếng Việt phổ thông, tránh nói ngọng, nói nhịu, hoặc sai lỗi chính tả. Không sử dụng từ ngữ có tính quy chụp, cường điệu hóa, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bị cáo. Luận tội bổ sung, chỉnh sửa kịp thời những nội dung mà thông qua thẩm vấn bị cáo, người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan... khác với kết quả điều tra trong quá trình điều tra.

KSV khẳng định quan điểm của mình đối với những vấn đề mới phát sinh, thay đổi, phân tích, đánh giá để kết luận đúng, sai rõ ràng. Từ đó, quyết định giữ nguyên quyết định truy tố, rút một phần hay rút toàn bộ quyết định truy tố.

Nếu có sự thay đổi trong việc truy tố các bị cáo thì KSV bổ sung chỉnh sửa phần đề nghị đối với hình phạt chính, hình phạt bổ sung, áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, giải quyết vấn đề dân sự của vụ án sao cho phù hợp.

Đối với những vấn đề, những tình tiết mới phát hiện tại phiên tòa có thể làm thay đổi nội dung, tính chất của vụ án, nếu chưa được thẩm tra đầy đủ, chưa có đủ căn cứ thì không được kết luận mà phải đề nghị hoãn phiên tòa để điều tra xác minh.

Trong các vụ án về ĐVHD, KSV đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo đúng quy định tại Điều 106 BLTTHS, Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP, Thông tư 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 31/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước

Theo đó, vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội, vật cấm tàng trữ, lưu hành thì bị tịch thu, nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy; Vật chứng là ĐVHD thì ngay sau khi có kết luận giám định phải giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Các hình thức xử lý động vật rừng: Thả lại động vật rừng về môi trường tự nhiên; Cứu hộ động vật rừng; Chuyển giao động vật rừng cho vườn động vật, cơ sở nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành; Bán động vật rừng; Tiêu hủy động vật rừng.

- Thực hiện việc tranh luận, đối đáp tại phiên tòa

KSV bắt buộc tranh luận, đối đáp tại phiên tòa. Đối với các vụ án liên quan đến ĐVHD, quý hiếm, sau khi nghiên cứu

hồ sơ vụ án cần phải chuẩn bị dự thảo đề cương tranh luận, đối đáp, dự kiến những vấn đề mà bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác có thể đưa ra ý kiến và đề nghị đối đáp. KSV bảo vệ quan điểm luận tội của mình, bảo vệ cáo trạng của VKS đã truy tố bị cáo tại phiên tòa. KSV đề nghị Chủ tọa phiên tòa cho tranh luận; tùy theo từng trường hợp cụ thể, từng nội dung cụ thể để lựa chọn nội dung nào, vấn đề nào cần đối đáp, tranh luận trước v.v.

Ngoài ra, KSV lắng nghe các bên trình bày quan điểm, ý kiến của họ, vừa nghe vừa ghi lại tóm tắt để nắm được nội dung vấn đề. Trường hợp họ trình bày không rõ thì KSV yêu cầu họ nói rõ thêm để nắm được luận điểm, luận cứ mà họ đưa ra. Nếu vụ án có nhiều người cùng bào chữa cho một bị cáo thì KSV có thể nghe từng người để tham gia đối đáp, hoặc tổng hợp ý kiến chung của tất cả những người bào chữa để phản biện. Trong quá trình nghe, KSV phân tích nội dung của vấn đề, đồng thời xác định nhanh nội dung cần đối đáp.

Trường hợp tài liệu mới phát sinh thì cũng phải là tài liệu có liên quan đến vụ án và phải kiểm tra nguồn gốc, tính hợp pháp của tài liệu đó để có lập luận đối đáp. KSV có thể đề nghị Hội đồng xét xử cất những ý kiến của các bên không có liên quan đến vụ án để không phải đối đáp lại.

Đối với các vụ án về ĐVHD, khi tranh luận, KSV cần căn cứ vào lý luận của cấu thành tội phạm được quy định tại các Điều 234, 244 BLHS; những giải thích của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân (TAND) tối cao tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP, lý luận về chứng cứ trong BLTTHS để lập

luận theo logic từng vấn đề, từ đó phản bác ý kiến của phía tham gia tranh luận.

Tác phong tranh luận, đối đáp: KSV bình tĩnh, linh hoạt về tác phong; văn phong, ngôn ngữ sử dụng khi đối đáp phải trong sáng, dễ hiểu, chính xác, ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề, những khẳng định, phản bác phải sinh động, có tính thuyết phục cao, có lý, có tình trên cơ sở tôn trọng sự thật khách quan của vụ án, để cho bị cáo, người bào chữa nhận thức được hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hại cho xã hội và quyết định truy tố của VKS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ngoài ra, cần phải tôn trọng quyền bào chữa của bị cáo và quyền của những người tham gia tố tụng khác, tránh thái độ định kiến, bảo thủ, không thừa nhận những yếu kém, thiếu sót của mình.

Đối với vụ án phức tạp có nhiều KSV tham gia phiên tòa, phải phân công cụ thể việc chuẩn bị các nội dung, chứng cứ, lập luận để trả lời từng ý kiến có liên quan.

Trong đó, nội dung tranh luận tập trung làm rõ nội dung vụ án, tránh lan man, sa đà vào những tiểu tiết. KSV nên chọn những vấn đề mà trong hồ sơ vụ án đã được khẳng định phù hợp với kết quả thẩm tra công khai tại phiên tòa để phản bác ý kiến của người bào chữa hoặc bị cáo và phải căn cứ vào lý luận của cấu thành tội phạm được quy định tại các Điều 234, 244 BLHS, những giải thích tại Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP; lý luận về chứng cứ trong BLTHS và những nội dung đã được làm rõ tại phần xét hỏi công khai để lập luận và phản bác vấn đề. Ví dụ: Kết luận giám định, định giá tài sản, kết quả

khám nghiệm hiện trường, xác định tọa độ vị trí xảy ra việc săn bắt bằng định vị GPS...

- Kiểm sát việc nghị án, tuyên án và các quyết định khác của Hội đồng xét xử

Khi Hội đồng xét xử vào nghị án, KSV không được rời khỏi phòng xét xử mà vẫn phải tiếp tục kiểm sát đối với những hoạt động và hành vi của những người tiến hành và tham gia tố tụng khác như thư ký Tòa án, bị can, bị hại...

Khi chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử đọc bản án, KSV phải chú ý ghi lại những nhận định quan trọng và nội dung quyết định của bản án sơ thẩm để làm căn cứ kiểm tra biên bản phiên tòa, bản án sơ thẩm và chuẩn bị nội dung báo cáo lãnh đạo Viện kháng nghị, nếu cần thiết.

Ngay sau khi tuyên án, KSV kiểm sát việc Hội đồng xét xử trả tự do cho bị cáo hoặc bắt tạm giam bị cáo theo quy định của BLTTHS (nếu có).

2.3. Hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát sau khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm

- Kiểm tra biên bản phiên tòa

Sau khi kết thúc phiên tòa, KSV kiểm tra biên bản phiên tòa, nếu phát hiện biên bản phiên tòa ghi không đầy đủ hoặc không chính xác thì yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét sửa chữa bổ sung vào biên bản phiên tòa.

Trên thực tế, có trường hợp biên bản phiên tòa có thể được viết tay hoặc đánh máy; việc sửa chữa, bổ sung vào biên bản

phiên tòa phải được thực hiện ngay vào văn bản đó và yêu cầu sửa lại cho chuẩn xác vào văn bản được in ra; KSV có thể đối chiếu với bút ký phiên tòa mà mình đã ghi chép để phát hiện thiếu sót hoặc sự không chính xác của biên bản phiên tòa.

- Kiểm sát việc gửi bản án, quyết định của Tòa án

KSV kiểm sát chặt chẽ việc giao bản án, quyết định của Tòa án và việc gửi hồ sơ vụ án có kháng cáo, kháng nghị theo đúng quy định nhằm phát hiện những sai sót và vi phạm của Tòa án; đồng thời, kịp thời báo cáo lãnh đạo VKS ban hành kiến nghị, kháng nghị khi phát hiện vi phạm.

KSV kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án bằng phiếu kiểm sát bản án.

Ngoài ra, sau khi nhận được bản án, quyết định sơ thẩm, KSV phải nghiên cứu toàn bộ nội dung, hình thức của bản án, quyết định đó; bảo đảm các thông tin thể hiện trong bản án phải phản ánh đúng thực trạng diễn ra tại phiên tòa. Đồng thời, đối chiếu nội dung bản án nhận được với nội dung biên bản phiên tòa, nội dung KSV đã ghi chép trong khi THQCT và KSXX tại phiên tòa; nội dung giữa các phần thể hiện trong bản án, tất cả đều phải phù hợp với nhau.

Đối với những sai sót về mặt hình thức, KSV có thể nhắc nhở Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hoặc báo cáo lãnh đạo Viện kiến nghị Tòa án khắc phục, sửa chữa kịp thời. Đối với những sai sót về mặt nội dung phải nghiên cứu, xem xét thận trọng, trên cơ sở đó đề xuất lãnh đạo Viện xem xét, quyết định việc kháng nghị.

- Kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án

Khi phát hiện bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật, KSV phải báo cáo ngay với lãnh đạo VKS cấp mình để xem xét việc kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quá thời hạn kháng nghị theo quy định mới phát hiện vi phạm pháp luật hoặc phát hiện có tình tiết mới thì KSV báo cáo lãnh đạo VKS cấp mình đề nghị Viện trưởng VKS cấp trên kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm kèm theo các tài liệu có liên quan như bản án, quyết định sơ thẩm, biên bản phiên tòa.

Khi nhận được đề nghị kháng nghị của VKS cấp dưới, VKS cấp trên xem xét rút hồ sơ vụ án và phân công KSV nghiên cứu để báo cáo Viện trưởng xem xét việc kháng nghị (nếu có căn cứ). Sau khi quyết định việc kháng nghị, VKS cấp trên trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án đã xét xử sơ thẩm để giải quyết theo quy định của pháp luật.

KSV báo cáo lãnh đạo Viện xem xét kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm khi có một trong những căn cứ: Việc điều tra, xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm phiến diện hoặc không đầy đủ; kết luận của bản án hoặc quyết định hình sự sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án; có vi phạm trong việc áp dụng BLHS; thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm không đúng luật định hoặc có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng.

- Kiến nghị khắc phục vi phạm

Khi phát hiện Tòa án có vi phạm pháp luật trong việc xét xử vụ án thì tùy từng trường hợp, KSV tự mình hoặc báo cáo lãnh đạo Viện kiến nghị với Tòa án khắc phục vi phạm.

Kiến nghị có thể được ban hành một trong hai thời điểm: Ngay sau phiên tòa sơ thẩm hoặc thực hiện theo định kỳ 6 tháng, 1 năm tổng hợp thành bản kiến nghị chung. Căn cứ ban hành kiến nghị là những vi phạm pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án không được coi là căn cứ để tiến hành kháng nghị phúc thẩm nhưng cần phải được khắc phục, rút kinh nghiệm. VKS có thể kiến nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan khác nếu trong quá trình THQCT và KSXX hình sự, phát hiện thấy các cơ quan, tổ chức, đơn vị này có những thiếu sót, sơ hở là nguyên nhân, điều kiện phát sinh vi phạm, tội phạm.

2.4. Thực hiện các thao tác nghiệp vụ khác khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kháng cáo, kháng nghị

- Chuyển hồ sơ vụ án hình sự để xem xét, quyết định việc kháng nghị

KSV kiểm sát việc giao cho VKS cùng cấp và gửi cho VKS cấp trên trực tiếp bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Trong đó, KSV cần bảo đảm việc Tòa án cấp sơ thẩm gửi hồ sơ vụ án và kháng cáo, kháng nghị (trong trường hợp có kháng cáo, kháng nghị) cho Tòa án cấp phúc thẩm đúng thời hạn luật định. Bảo đảm trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị Tòa án cấp sơ thẩm phải gửi hồ sơ vụ án và kháng cáo, kháng nghị và chứng cứ, tài liệu, đồ vật kèm theo (nếu có) cho Tòa án cấp phúc thẩm.

VKS cấp đã xử sơ thẩm phải sao gửi bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho VKS cấp trên để kiểm sát, xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; trong đó, VKSND cấp huyện gửi tới VKSND cấp cao trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ; thông báo cho VKSND cấp tỉnh biết bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; VKSND cấp tỉnh gửi bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của TAND cấp tỉnh tới VKSND cấp cao; VKS quân sự khu vực gửi bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự cùng cấp tới VKS Quân sự Trung ương.

- Rút kinh nghiệm về THQCT, KSXX sau khi kết thúc phiên tòa

Để nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ của KSV, tùy vào tính chất vụ án và kết quả xét xử, KSV đề xuất hoặc lãnh đạo VKS quyết định tổ chức rút kinh nghiệm về công tác nghiệp vụ; trong đó: Đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và rút ra nguyên nhân để phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa thiếu sót nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, theo dõi kết quả giải quyết kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp không nhất trí với bản án, quyết định phúc thẩm thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện đề nghị VKS cấp trên xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm thì VKS đã THQCT, KSXX sơ thẩm phải theo dõi kết quả xét xử giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.

- Sắp xếp hồ sơ vụ án và nộp lưu theo quy định

KSV được phân công cần sắp xếp hồ sơ vụ án và nộp lưu theo trình tự sau:

- + Quyết định đưa vụ án ra xét xử, trả hồ sơ để điều tra bổ sung (nếu có)

- + Quyết định gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử (nếu có)

- + Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn của Tòa án cấp sơ thẩm

- + Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án (nếu có)

- + Quyết định rút quyết định truy tố của VKS (nếu có)

- + Bản sao Biên bản giao các quyết định của Tòa án

- + Quyết định phân công KSV THQCT và KSXX sơ thẩm

- + Báo cáo án bằng văn bản của KSV, Kiểm tra viên (thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế công tác THQCT và KSXX các vụ án hình sự hiện hành), kèm theo đề cương xét hỏi, dự kiến kế hoạch tranh luận tại phiên tòa, ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo

- + Biên bản họp trù bị giữa VKS và Tòa án (nếu có)

- + Công văn thỉnh thị và ý kiến chỉ đạo của VKS cấp trên, của cấp ủy địa phương (nếu có)

- + Bản dự thảo luận tội của KSV

- + Bút ký phiên tòa sơ thẩm do KSV ghi chép

- + Quyết định hoãn phiên tòa (nếu có)

- + Bản án sơ thẩm

+ Đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị Bản án sơ thẩm (nếu có)

+ Báo cáo kết quả xét xử sơ thẩm; thông báo án có kháng cáo, kháng nghị (nếu có), phiếu thống kê tội phạm

+ Tài liệu thể hiện kết quả kiểm tra Biên bản phiên tòa, phiếu kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm, Bản án, quyết định phúc thẩm (nếu có)

+ Các tài liệu phản ánh việc phát hiện, kiến nghị khắc phục vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm; những nguyên nhân, điều kiện phạm tội và tài liệu phản ánh biện pháp và kết quả khắc phục

+ Các văn bản, tài liệu khác trong hoạt động xét xử sơ thẩm và KSXX sơ thẩm (nếu có) như: các tài liệu do các phương tiện thông tin đại chúng, do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ hoặc qua đơn thư khiếu nại phản ánh

+ Đơn khiếu nại, tố cáo cán bộ tư pháp trong hoạt động THQCT, KSXX và hoạt động xét xử sơ thẩm, kết quả giải quyết (nếu có)

Đối với những loại tài liệu mà BLTTHS không quy định Tòa án cấp sơ thẩm gửi cho VKS thì KSV, Kiểm tra viên phải trích ghi nội dung hoặc sao chụp lại để lưu vào hồ sơ KSXX sơ thẩm.

3. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN XÉT XỬ PHÚC THẨM VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Các hoạt động kiểm sát phần thủ tục phiên tòa và hoạt động diễn ra tại phiên tòa; kiểm sát việc tuân theo pháp luật

của người tham gia tố tụng; yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý nghiêm minh người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật trong giai đoạn phúc thẩm vụ án về ĐVHD, KSV thực hiện các hoạt động tương tự như các nội dung THQCT, kiểm sát xét xử tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các vụ án liên quan đến ĐVHD. Bên cạnh đó, KSV lưu ý các nội dung sau:

- Việc tham gia xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, KSV cần tích cực, chủ động xét hỏi, theo dõi, ghi chép nội dung xét hỏi của HĐXX, của người bào chữa; ghi chép nội dung trả lời của người được xét hỏi để xác định những tình tiết, những vấn đề nào cần tiếp tục xét hỏi thêm (những chứng cứ mới được bị cáo, người bào chữa xuất trình). Ngoài những vấn đề đã được xây dựng trong đề cương xét hỏi, KSV cần linh hoạt trong việc đặt các câu hỏi cho phù hợp với diễn biến thực tế của phiên tòa và những tình huống phát sinh.

Trong trường hợp qua xét hỏi, nếu có căn cứ khẳng định bị cáo có tội nhưng chứng cứ chưa đầy đủ thì KSV đề nghị HĐXX hủy án để điều tra, xét xử lại.

Đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi thì KSV nắm được thái độ, tâm lý, tuổi, trình độ phát triển về thể chất và tinh thần, mức độ nhận thức về hành vi phạm tội của bị cáo, có hay không có người dưới 18 tuổi xúi giục, nguyên nhân và điều kiện phạm tội để lựa chọn phương pháp xét hỏi hợp lý.

- Việc phát biểu quan điểm của VKS về việc giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, KSV lưu ý qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, KSV căn cứ vào chứng cứ, tài liệu, đồ vật đã được thu thập, kiểm tra, xem

xét để bổ sung và hoàn chỉnh bản dự thảo phát biểu quan điểm của VKS. Việc trình bày theo lối “phát biểu” chứ không theo lối “đọc văn bản”; thái độ, phong cách phát biểu quan điểm phải nghiêm trang, bình tĩnh, rõ ràng, mạch lạc, có tính thuyết phục cao, tránh hiện tượng “đao to búa lớn”, lời văn dài dòng, thuật ngữ khó hiểu.

Bài phát biểu quan điểm của KSV cần: phê phán mạnh mẽ thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; phân tích sâu sắc tác hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; Nêu rõ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Gắn với tình hình thực tế ở địa phương để tuyên truyền, giáo dục chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, góp phần phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật ở địa phương.

Việc tranh luận của KSV cần có thái độ và phương pháp tranh luận phù hợp. KSV phải đối đáp, tranh luận tất cả những ý kiến có liên quan đến nội dung kháng cáo, kháng nghị mà người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nêu ra nhằm làm sáng tỏ sự thật, ghi nhận ý kiến đúng, bác bỏ ý kiến không đúng của họ, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật và lập luận để đối đáp đến cùng đối với từng ý kiến.

- Đối với các hoạt động sau phiên tòa phúc thẩm, KSV thực hiện việc báo cáo, thông báo kết quả phiên tòa và rút kinh nghiệm; kết quả THQCT, KSXX; kiến nghị khắc phục vi phạm và phòng ngừa vi phạm, tội phạm; dựa vào những vi phạm được phát hiện trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm của Tòa án mà chưa đến mức kháng nghị thì KSV tổng hợp vi phạm để kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục; sao chụp bản án, quyết định phúc thẩm gửi VKS cấp

trên. Xem xét đề xuất, kiến nghị việc kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm khi có đủ căn cứ, điều kiện theo quy định của BLTTHS.

Đối với trường hợp Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại. Nếu việc hủy phù hợp với quan điểm của VKS thì KSV dự thảo văn bản hướng dẫn VKS cấp sơ thẩm về việc giải quyết lại vụ án (theo thủ tục điều tra lại hoặc xét xử lại); đồng thời phải kiểm sát việc chuyển hồ sơ của Tòa án cho VKS hoặc Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo thủ tục chung. Nếu việc hủy trái với quan điểm của VKS thì KSV phải tiến hành kiểm tra lại toàn bộ căn cứ của việc hủy; báo cáo cụ thể toàn bộ diễn biến phiên tòa, quan điểm của KSV về bản án, quyết định phúc thẩm, đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm hay tái thẩm (nếu có căn cứ).

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm, đặc điểm hoạt động của VKSND trong giai đoạn xét xử vụ án về ĐVHD?
2. Trình bày nội dung hoạt động chuẩn bị tham gia phiên tòa và kiểm sát việc chuẩn bị xét xử của Tòa án?
3. Trình bày nội dung hoạt động THQCT, kiểm sát xét xử tại phiên tòa?
4. Trình bày nội dung hoạt động THQCT, kiểm sát sau khi kết thúc phiên tòa?
5. Trình bày nội dung hoạt động thực hiện các thao tác nghiệp vụ khác khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kháng cáo, kháng nghị?

Chương 6

HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ VÀ CÁC YÊU CẦU TRONG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

1.1. Khái niệm phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã của Viện kiểm sát nhân dân

VKSND là cơ quan THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. VKSND có nhiệm vụ bảo vệ Hiến pháp và pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Trong các vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD, VKSND THQCT để thực hiện việc buộc tội của Nhà nước đối với người vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD, được thực hiện ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và kiểm sát tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động giải quyết

vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD. Thông qua thực hiện chức năng của mình, VKSND bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội liên quan đến ĐVHD đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội. Nói cách khác, đây chính là hoạt động trực tiếp chống tội phạm. Hiệu quả của hoạt động này vừa để trừng trị, giáo dục người phạm tội trở thành công dân có ích cho xã hội vừa mang ý nghĩa răn đe, giáo dục chung đối với toàn xã hội trong việc chung tay bảo vệ ĐVHD.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án liên quan đến ĐVHD, VKSND có trách nhiệm phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa¹⁶. Ngoài ra, trong các hoạt động công tác khác của mình theo quy định của pháp luật, VKSND có trách nhiệm chủ trì thống kê tội phạm, phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc thống kê hình sự¹⁷; nghiên cứu tội phạm học, khoa học kiểm sát¹⁸ góp phần thực hiện chức năng, nhiệm vụ và đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD; xây dựng pháp luật liên quan đến điều chỉnh các hành vi xâm hại ĐVHD; phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần phòng, chống tội phạm

¹⁶ Điều 6 BLTTHS 2015.

¹⁷ Điều 34 luật tổ chức VKSND 2014.

¹⁸ Điều 35 luật tổ chức VKSND 2014.

liên quan đến ĐVHD. Như vậy, hoạt động của VKSND trong phòng, chống các tội phạm liên quan đến ĐVHD chính là thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định nhằm hướng tới việc hạn chế, ngăn ngừa sự hình thành các thành tố tạo thành nguyên nhân của tội phạm về ĐVHD hoặc làm cho các thành tố này không phát huy được tác dụng để loại trừ dần nguyên nhân của tội phạm này, ngăn ngừa tội phạm xảy ra. Đối với các tội phạm đã được phát hiện thì xử lý chính xác, kịp thời, tuân thủ các quy định của pháp luật. Hay nói cách khác hoạt động phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD của VKSND thực chất là toàn bộ những công việc mà VKS thực hiện nhằm ngăn chặn, hạn chế và loại trừ tội phạm liên quan đến ĐVHD ra khỏi đời sống xã hội.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm hoạt động của VKSND trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD là việc VKSND THQCT, kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử và những hoạt động khác theo qui định của pháp luật nhằm bảo đảm việc phòng ngừa có hiệu quả và xử lý nghiêm minh đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD.

1.2. Đặc điểm hoạt động phòng, chống các tội phạm liên quan đến động vật hoang dã của Viện kiểm sát nhân dân

Hoạt động của VKSND trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD có một số đặc điểm cơ bản sau đây:

Một là, hoạt động của VKSND trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD là hoạt động theo chức năng,

nhiệm vụ của VKSND. Theo Hiến pháp và các quy định của BLTTHS, Luật Tổ chức VKSND thì VKSND là cơ quan tiến hành tố tụng, có chức năng THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tư pháp. Điều này nói lên vai trò rất quan trọng của VKSND, với tư cách là một trong những cơ quan chuyên trách tiến hành phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm nói chung và tội phạm liên quan đến ĐVHD nói riêng. Chức năng này của VKSND được thể hiện qua tất cả các giai đoạn tố tụng từ tiếp nhận, giải quyết nguồn tin, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đến thi hành án. Lợi thế này giúp cho chính VKSND trở thành một trong những nhân tố chính trong công tác phòng, chống tội phạm, VKSND sẽ nắm bắt tất cả thông tin về tình hình tội phạm đã xảy ra, đồng thời qua đó đánh giá được chân thực nhất về tội phạm liên quan đến ĐVHD để có những biện pháp xử lý kịp thời. Việc nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng, chính xác về tình hình tội phạm về ĐVHD đang diễn ra ở từng địa phương, trong thời gian nhất định qua việc thống kê tội phạm giúp nghiên cứu nguyên nhân gốc rễ của tội phạm để qua đó đề xuất những biện pháp cụ thể cho từng địa phương để việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa tội phạm kịp thời, tránh những hậu quả lớn hơn do tội phạm gây ra.

Hai là, hoạt động phòng, chống tội phạm của VKSND liên quan đến ĐVHD luôn gắn liền với phòng ngừa và chống vi phạm pháp luật về ĐVHD. Điều đó có nghĩa, một mặt tính đặc thù trong phòng, chống tội phạm của VKSND thể hiện thông qua hoạt động trực tiếp thực hiện chức năng của mình, mặt khác, VKSND còn gián tiếp thực hiện các biện pháp phòng,

chống tội phạm. Qua việc thực hiện chức năng, VKSND thực hiện luôn cả nhiệm vụ “giám sát”, phát hiện vi phạm và yêu cầu khắc phục vi phạm đối với chính những chủ thể chống tội phạm khác khi đang giải quyết vụ án, khi thực hiện chức năng chống tội phạm... VKSND phải có trách nhiệm áp dụng và kiến nghị với các cơ quan hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa. Đối với những vi phạm pháp luật mang tính nghiêm trọng, VKSND phải kịp thời yêu cầu CQĐT khởi tố và làm rõ hành vi phạm tội, người phạm tội, đồng thời kiến nghị các biện pháp phòng ngừa những vi phạm pháp luật mà có nguy cơ trở thành tội phạm, hạn chế hậu quả của tội phạm xảy ra.

Ba là, hoạt động phòng, chống tội phạm của VKSND luôn được đặt trong mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật, các tổ chức đoàn thể xã hội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khác. Với đặc thù của các vụ án liên quan đến ĐVHD, xuất phát từ lợi nhuận cao do mua bán, vận chuyển trái phép ĐVHD nên các đối tượng phạm tội thường dùng nhiều hình thức che giấu rất tinh vi nhằm trốn tránh việc kiểm tra của cơ quan chức năng. Hành vi phạm tội thực tế trong những năm qua phổ biến nhất vẫn là thuê người vận chuyển nên khi phát hiện cơ quan chức năng chỉ bắt được đối tượng vận chuyển thuê, không bắt được chủ hàng. Nhiều trường hợp không xác định được đối tượng phạm tội, dẫn đến một số vụ án phải tạm đình chỉ điều tra vì hết thời hạn điều tra mà không khởi tố được bị can do chỉ bắt được người vận chuyển. Nhiều trường hợp khác, người phạm tội sử dụng ô tô biển kiểm soát của nước

ngoài để vận chuyển số lượng lớn ĐVHD từ nước ngoài vào Việt Nam, sau khi bắt giữ cần phải điều tra, xác minh người phạm tội ở nước ngoài. Bên cạnh đó, để giải quyết loại án này cần thực hiện một loạt các nhiệm vụ liên quan đến quản lý vật chứng, giám định tang vật, định giá tài sản là ĐVHD... Về đặc điểm nhân thân, nhiều người phạm tội là người dân tộc thiểu số, khi phạm tội không nhận thức được hành vi tội phạm, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số có thói quen du canh du cư, sống trong các khu rừng... Hơn nữa, Việt Nam không chỉ là một quốc gia tiêu thụ ĐVHD mà còn là một mắt xích quan trọng trong mạng lưới trung chuyển, buôn bán ĐVHD trái phép xuyên quốc gia. Thực tế những năm qua đã cho thấy rất nhiều vụ án buôn bán xuyên quốc gia khối lượng lớn các sản phẩm từ động vật, thực vật hoang dã được phát hiện, bắt quả tang trên lãnh thổ Việt Nam. Chính vì vậy, để giải quyết vấn đề này cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể xã hội, các đơn vị vũ trang nhân dân và cả các cơ quan bảo vệ pháp luật của nước ngoài. Hoạt động phòng ngừa tội phạm của VKSND muốn đạt được hiệu quả cao cần phải đặt trong mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước, trước hết là các cơ quan bảo vệ pháp luật. Điều đó có nghĩa, trong hoạt động phòng ngừa tội phạm này cần phải ưu tiên chú trọng tới các mối quan hệ liên ngành Công an, Tòa án, VKS. Mỗi ngành đều có một chức năng, nhiệm vụ. Riêng trong hoạt động đấu tranh và phòng ngừa tội phạm, việc phối hợp nhuần nhuyễn để nâng cao hiệu quả và chất lượng trong hoạt động phòng ngừa tội phạm là một điều không hề đơn giản, đòi hỏi phải dựa trên các quy định của pháp luật, tìm ra

các giải pháp, hướng đi chung của cả ba ngành để áp dụng vào thực tế, tạo điều kiện tốt nhất để thể hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng ngành nhằm tìm ra và ngăn chặn tội phạm một cách triệt để, quyết liệt nhất. Ngoài ra, với đặc điểm đặc thù của tội phạm về ĐVHD nói trên, trong hoạt động phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD, VKSND còn phải đảm bảo sự phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan trực tiếp đến các hoạt động nuôi dưỡng, bảo tồn, phát hiện vi phạm đối với ĐVHD như cơ quan kiểm lâm, hải quan, cơ quan thú y, quản lý thị trường, cơ quan giám định... và các tổ chức, đoàn thể xã hội. Trong trường hợp phải thu thập chứng cứ liên quan đến tội phạm, người phạm tội, người tham gia tổ tụng ở nước ngoài, VKSND còn phải thực hiện các biện pháp tương trợ tư pháp về hình sự.

Bốn là, hoạt động phòng ngừa tội phạm liên quan đến ĐVHD của VKSND được tiến hành ở tất cả các cấp kiểm sát và bằng nhiều hình thức khác nhau. VKSND được thành lập ở cấp Trung ương, cấp cao, cấp tỉnh và cấp huyện, trong đó về cơ bản đều có các cơ quan hoặc các bộ phận chuyên trách làm nhiệm vụ giải quyết các vụ án liên quan đến ĐVHD. Do đó, để nâng cao hiệu quả hoạt động của VKSND trong phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm liên quan đến ĐVHD, cần có kế hoạch và sự chỉ đạo thống nhất từ trung ương đến địa phương để khai thác đầy đủ sức mạnh của cả ngành Kiểm sát trong hoạt động này. Đồng thời, cũng cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa VKSND với các ngành, các cấp, đặc biệt là với lực lượng Công an nhân dân, TAND trong phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm liên quan ĐVHD.

1.3. Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã

Vai trò của VKSND trong đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD được thể hiện thông qua quá trình giải quyết vụ án liên quan đến ĐVHD, cụ thể như sau:

Thứ nhất, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ án về ĐVHD: Thông qua chức năng THQCT, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, VKSND góp phần quan trọng trong việc phát hiện nhiều vụ án liên quan đến ĐVHD, phân loại, xử lý kịp thời các tin báo tố giác tội phạm liên quan đến ĐVHD, chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết để tiến hành xác minh, điều tra theo luật định.

Thứ hai, làm rõ nguyên nhân của tội phạm về ĐVHD: Trong quá trình thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, VKSND có trách nhiệm phải làm rõ những nguyên nhân của tội phạm để kiến nghị các cơ quan hữu quan có biện pháp khắc phục nhằm ngăn ngừa tội phạm liên quan đến ĐVHD xảy ra, đây là một trong những nhiệm vụ bắt buộc mà BLTTHS, Luật tổ chức VKSND giao cho ngành Kiểm sát nhân dân thực hiện.

Thứ ba, bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của cơ quan, người tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án về ĐVHD: Đây là hoạt động chỉ duy nhất có ở VKSND với tư cách là nhiệm vụ chuyên môn trực tiếp. Một mặt, kiểm sát việc giải quyết các vụ án liên quan đến ĐVHD có vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa tội phạm liên quan đến ĐVHD. Mặt khác, sự hiện

diện của KSV trong hoạt động của các cơ quan tư pháp luôn là sự nhắc nhở cán bộ, công chức của cơ quan này về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật khi thực thi công vụ. Nhờ đó, có thể ngăn ngừa được những hành vi tiêu cực hoặc sự thiếu trách nhiệm, tắc trách trong công việc của cán bộ, công chức là đối tượng kiểm sát. Đồng thời, nhờ có sự tham gia vào những hoạt động tư pháp, KSV có thể kịp thời phát hiện những khiếm khuyết trong hoạt động thực hiện công vụ hoặc những dấu hiệu cố ý vi phạm của các cán bộ, công chức đang thực thi công vụ, từ đó đưa ra yêu cầu khắc phục những sơ hở, yếu kém hoặc đình chỉ các hành vi vi phạm pháp luật ngay từ khi mới được thực hiện. Thông qua việc kiểm sát, KSV bảo đảm sự đúng đắn theo các qui định pháp luật trong hoạt động của những người có thẩm quyền điều tra, xét xử và thi hành án đối với tội phạm liên quan đến ĐVHD. Nhờ đó, việc xử lý đối với người phạm tội đáp ứng được những mục đích của pháp luật là thông qua nghiêm trị để giáo dục, cảm hóa đối với người phạm tội và giáo dục, phòng ngừa chung đối với toàn xã hội.

Thứ tư, căn cứ vào kết quả công tác thống kê tội phạm, ngành Kiểm sát tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về xây dựng chính sách pháp luật, về cơ chế thực hiện cũng như việc hoạch định chiến lược phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD đạt hiệu quả.

1.4. Các yêu cầu trong hoạt động phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã của Viện kiểm sát nhân dân

Để phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm liên quan đến ĐVHD đạt hiệu quả cao, góp phần giữ vững trật tự an

toàn xã hội, tạo điều kiện phát triển nền kinh tế và bảo tồn các loài ĐVHD, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, VKSND cần phải quán triệt và đảm bảo đáp ứng được những yêu cầu nhất định. Cụ thể là:

Trước hết cần phải xác định phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm liên quan đến ĐVHD phải gắn liền với sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Quán triệt tư tưởng trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD, coi “phòng” là chính, cơ bản, lâu dài. Bởi lẽ, tội phạm về ĐVHD đã huỷ hoại hết sức nghiêm trọng và đang đẩy một số loài động vật quý hiếm đến nguy cơ tuyệt chủng. Phá hủy hệ sinh thái, đe dọa an ninh và phát triển đất nước; làm tổn hại sinh kế; ảnh hưởng đến an ninh lương thực của cộng đồng nông thôn. Nếu không có biện pháp ngăn chặn thì những khủng hoảng do tội phạm về ĐVHD tạo ra sẽ còn nghiêm trọng hơn.

Phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm liên quan đến ĐVHD phải có trọng tâm trọng điểm, tập trung mạnh vào những thời điểm nhất định, các tuyến, địa bàn điểm nóng về nạn buôn bán, săn bắt, nuôi nhốt ĐVHD, các thời điểm nạn buôn bán diễn ra nhiều hơn, nhu cầu thị trường trong nước cũng như trung chuyển ra nước ngoài liên tục hơn... Kết quả của hoạt động phòng, chống ngoài việc đóng góp trực tiếp cho hoạt động bảo tồn các loài động vật này, còn mang ý nghĩa biểu tượng, tạo động lực cho việc bảo tồn tất cả các loài ĐVHD khác, góp phần ngăn chặn các loại thảm họa thiên nhiên, duy trì các dịch vụ sinh thái quan trọng đối với đời sống và sự phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng người

dân, địa phương, quốc gia và quốc tế. Phải tuyệt đối tuân thủ các nguyên tắc pháp luật, các quy chế nghiệp vụ của ngành Kiểm sát nhân dân trong quá trình xử lý các vụ án liên quan đến ĐVHD, tránh bỏ lọt người phạm tội nhưng cũng không được làm oan người vô tội. Tích cực, chủ động tăng cường công tác nắm tình hình, thu thập, phân tích, sàng lọc thông tin, dữ liệu, phát hiện sớm các nghi vấn, xác định trọng điểm, kịp thời phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Với chức năng, nhiệm vụ của mình, VKSND chủ động phòng ngừa từ xa, từ sớm, từ trước với các hành vi vi phạm. Góp phần nhằm ngăn ngừa, kiểm soát buôn bán tiêu thụ trái phép và giảm thiểu nhu cầu tiêu dùng sản phẩm có nguồn gốc ĐVHD, nguy cấp. Tạo điều kiện và khuyến khích người dân tố giác các vi phạm về ĐVHD đồng thời phối hợp, hỗ trợ các cơ quan chức năng trong việc thực thi pháp luật bảo vệ ĐVHD.

Thông qua thực hiện chức năng của ngành để đẩy mạnh phổ biến chính sách, pháp luật về công tác quản lý và bảo tồn ĐVHD, động vật nguy cấp; giáo dục, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về môi nguy hại và các hệ lụy từ hoạt động xâm hại ĐVHD để mọi công dân không tham gia, không tiếp tay, không bao che, không làm ngơ với hoạt động này.

Hơn nữa, trong ngành kiểm sát thì KSV là chủ thể trực tiếp tiến hành hoạt động phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD. Do đó, phẩm chất và năng lực của KSV, nhất là sự hiểu biết của KSV về tội phạm liên quan đến ĐVHD và các biện pháp, phương tiện phòng, chống tội phạm liên quan đến

ĐVHD là những yếu tố chủ quan rất quan trọng, tạo ra khả năng thực tế để bảo đảm hiệu quả hoạt động phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực này. KSV, Kiểm tra viên và các bộ phận nghiệp vụ phải nắm vững, xác định rõ vai trò, trách nhiệm của VKSND trong công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm: *Thứ nhất*, đây là hoạt động nhằm góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. *Thứ hai*, là một trong những nhiệm vụ của VKSND thông qua việc thực hiện quyền kiến nghị được quy định tại khoản 2, Điều 5 của Luật Tổ chức VKSND năm 2014: “...nếu phát hiện sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý thì kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục và áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm...”. Ngoài ra, còn được quy định tại khoản 7, Điều 15 và khoản 2, Điều 17 của Luật tổ chức VKSND năm 2014; khoản 8, Điều 166; điểm b, khoản 1, Điều 237 và khoản 7, Điều 267 của BLTTHS.

2. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN

2.1. Viện kiểm sát nhân dân phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết nguồn tin về tội phạm

Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm liên quan đến ĐVHD, VKSND đóng vai trò đảm bảo mọi hành vi phạm tội, người phạm tội phải được phát hiện, khởi tố kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không để người

nào bị khởi tố trái luật. Thông qua hoạt động kiểm sát, VKSND đảm bảo việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, VKSND còn phải đảm bảo mọi vi phạm pháp luật trong hoạt động giải quyết nguồn tin tội phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh. Để thực hiện chức năng này, VKSND có quyền THQCT và kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Với chức năng đó, trong giai đoạn này sau khi nhận hồ sơ thụ lý nguồn tin từ các cơ quan có thẩm quyền điều tra (trong các vụ án liên quan đến ĐVHD, các cơ quan này thường là Hải quan, Kiểm lâm và CQĐT chuyên trách), VKSND tiến hành tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Nghiên cứu các hồ sơ theo quy định của BLTTHS và các tài liệu đặc thù của loại án này như biên bản kiểm tra hành chính, biên bản bắt người, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, quyết định trưng cầu giám định, bản kế hoạch xác minh..., đề ra yêu cầu xác minh, nhất là yêu cầu xác minh các số điện thoại mà các đối tượng liên lạc với nhau, xác minh lộ trình di chuyển của phương tiện, làm rõ ý thức chủ quan của người vận chuyển ĐVHD... Trong hoạt động khám nghiệm hiện trường, KSV sẽ yêu cầu ĐTV lưu ý phát hiện chuồng, trại và tìm kiếm thức ăn đặc trưng của các loài ĐVHD để làm căn cứ đấu tranh với các đối tượng, đối với hành vi săn bắt cần tìm kiếm, thu thập các phương tiện săn bắt như cung, nỏ, cần câu, sọt, mu... Nếu các đối tượng đã tẩu tán, cất giấu bí mật ĐVHD, yêu cầu CQĐT tìm các dấu vết sinh học để đấu tranh như lông, sợi, móng, vuốt, phân, nước

tiểu... Trong việc kiểm sát hồ sơ liên quan đến Quyết định trưng cầu giám định, KSV yêu cầu ĐTV đảm bảo phần mô tả vật chứng trong tất cả các biên bản liên quan phải phù hợp với nhau, mô tả chi tiết số lượng cá thể, tổng trọng lượng, kích thước trung bình chung, màu sắc, hình thái, trạng thái (còn sống hay đã chết? bao nhiêu cá thể bị bệnh?) Kiểm sát việc đặt câu hỏi cho giám định viên như mẫu vật gửi giám định là loài gì? Tổng trọng lượng? Bao nhiêu cá thể? Tên khoa học? Thuộc danh mục nào? Nguồn gốc? (sinh trưởng tự nhiên hoang dã hay nuôi sinh sản, trồng, cấy nhân tạo?) Nếu là bộ phận cơ thể thì có thể tách rời sự sống hay không? Tại sao? Của bao nhiêu cá thể? Nếu là thịt, xương, lông, sừng, vảy thì được phân loại vào bộ phận cơ thể hay sản phẩm của động vật?... Đối với mẫu gửi đi giám định, KSV yêu cầu ĐTV chấp hành và đảm bảo các mẫu phải đủ để có thể giám định, bảo quản đúng cách để không bị hỏng... Đối với kết quả định giá ĐVHD, KSV kiểm sát để đảm bảo kết quả này phải phù hợp với giá thị trường của ĐVHD cần định giá hoặc động vật tương tự với ĐVHD cần định giá tại thời điểm và nơi tài sản được yêu cầu định giá. Ngoài ra VKSND còn trực tiếp tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố do cá nhân, tổ chức chuyển đến, kiểm tra xác minh và tiến hành chuyển hồ sơ cho CQĐT có thẩm quyền; Trong trường hợp CQĐT đã thụ lý, giải quyết có vi phạm, VKS sẽ trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đó. Tất cả các hoạt động nghiệp vụ trên đều hướng tới mục đích cuối cùng để việc khởi tố hay không khởi tố vụ án về ĐVHD phải đúng quy định của pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

2.2. Viện kiểm sát nhân dân phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra

Trong giai đoạn điều tra vụ án liên quan đến ĐVHD, KSV có trách nhiệm giám sát hoạt động của ĐTV để tránh những hành vi tiêu cực hoặc những thiếu sót trong hoạt động điều tra, đặc biệt là trong các hoạt động: Khởi tố, không khởi tố vụ án hình sự, nhất là việc kiểm tra kĩ Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ hoặc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm thuộc Nhóm IB, IIB hoặc Phụ lục Công ước CITES; khởi tố bị can; bắt, giam, giữ và áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác đối với bị can; đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra vụ án và đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra đối với bị can; thay đổi biện pháp ngăn chặn đối với bị can. Với đặc thù loại án này, khi khám xét phương tiện nghi vận chuyển ĐVHD, KSV sẽ có vai trò yêu cầu ĐTV chú ý để phát hiện các ngăn phụ trong các phương tiện giao thông vận tải được chế ra để cất giấu ĐVHD khi vận chuyển như: ngăn dưới sàn xe, thùng xe, thùng xăng hai ngăn, hai đáy. Các ngăn phụ trên tàu bè, sấm xe, lớp dự phòng, phát hiện việc trà trộn với các loại động vật thông thường. Phát hiện thủ đoạn thuê người bản địa ở vùng núi vận chuyển ĐVHD với khoảng cách không xa, thuê cửu vận mang vác ĐVHD và các sản phẩm từ ĐVHD qua biên giới, thuê hành khách hoặc nhờ họ mang hàng qua trạm kiểm soát... hoặc cất giấu ĐVHD trong các hàng hoá cồng kềnh, khối lượng lớn... Sau khi CQĐT có kết luận điều tra, VKSND phải nghiên cứu toàn diện hồ sơ vụ án hình sự để xác định đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay

chưa? CQĐT đã thu thập đủ các chứng cứ cần thiết để chứng minh hành vi phạm tội của các bị can hay chưa? đã có đủ các tài liệu về những vấn đề liên quan để việc giải quyết vụ án được đúng đắn, như: nguyên nhân phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can... hay chưa? Nếu việc điều tra chưa đầy đủ thì VKSND trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung về những nội dung còn chưa được làm rõ (thông thường là việc cần xử lý thêm các đối tượng liên quan đến các hành vi trộm cắp, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, vô ý làm chết người...). KSV cũng có trách nhiệm sử dụng những hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ của mình để yêu cầu ĐTV tiến hành các hoạt động cần thiết trong phạm vi quyền hạn tổ tụng để hoạt động điều tra được đúng đắn, không khởi tố oan người vô tội nhưng cũng không bỏ lọt người phạm tội.

2.3. Viện kiểm sát nhân dân phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thông qua thực hiện chức năng truy tố tội phạm, người phạm tội

Trong giai đoạn này, KSV có nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm tra đầy đủ hồ sơ vụ án của cơ quan có thẩm quyền điều tra, kiểm tra các loại tài liệu: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng là các loài ĐVHD, và vật chứng là công cụ, phương tiện dùng để phạm tội, bản ảnh chụp ĐVHD, tài liệu về giám định, định giá tài sản... xem xét tính phù hợp với thông tin, đặc điểm vật chứng ghi chép trong tài liệu chưa? Kiểm tra vật chứng để đảm bảo ngoài các cá thể, bộ phận hoặc sản phẩm ĐVHD thu được thì có thể còn có nhiều loại vật chứng khác như xe máy, điện thoại di

động, các dụng cụ để nguy trang khi vận chuyển như bao, túi, thùng xốp, thùng carton... Kiểm tra việc giao nhận kết luận điều tra, kiểm tra việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, kiểm tra số lượng, tình trạng vật chứng là ĐVHD (nếu có) để xác định xem có cần phải xử lý ngay theo hướng bảo vệ được tốt nhất vật chứng và động vật sống. KSV đối chiếu nội dung tài liệu với bản kết luận điều tra, xem vật chứng thu giữ đầy đủ chưa? Có những vật chứng loại nào đã được CQĐT kê biên, trả lại; vật chứng nào giao cho cơ quan chuyên môn quản lý, vật chứng nào đã được tiêu hủy, tái thả, trả lại cho chủ sở hữu? KSV còn kiểm tra, đánh giá chứng cứ, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ, trực tiếp hỏi cung bị can, lấy lời khai người tham gia tố tụng, tiến hành các biện pháp điều tra khác nếu cần thiết. Kết thúc giai đoạn này, KSV tiến hành xây dựng dự thảo cáo trạng hoặc quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án, giải quyết yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án và Dự thảo và ban hành quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho CQĐT khi Tòa án trả hồ sơ cho VKS hoặc khi VKS thấy cần trả..., ra các quyết định xử lý vật chứng.

Như vậy, VKSND truy tố tội phạm, người phạm tội về ĐVHD nhằm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể do luật định kiểm tra lại tính hợp pháp và có căn cứ của toàn bộ các hành vi tố tụng mà CQĐT có thẩm quyền đã áp dụng để bảo đảm cho các quyết định của VKS được chính xác và khách quan góp phần truy cứu trách nhiệm hình sự đúng tội, đúng người và đúng pháp luật.

2.4. Viện kiểm sát nhân dân phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thông qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử

Trong giai đoạn xét xử các vụ án liên quan đến ĐVHD, VKSND giám sát và yêu cầu TAND phải đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, tránh kéo dài thời hạn xử lý vụ án. VKSND tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận tại phiên tòa xét xử các vụ án liên quan đến ĐVHD. Trên cơ sở đó, VKSND thực hiện vai trò buộc tội đối với người phạm tội trước TAND. Thông qua việc tranh tụng, KSV không chỉ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo mà còn làm rõ động cơ, mục đích, phương pháp, thủ đoạn phạm tội, nguyên nhân và hoàn cảnh phạm tội, góp phần giúp Tòa án xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; làm rõ và đề nghị Tòa án xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, với vai trò của bị cáo trong đồng phạm và nhân thân của bị cáo, nhờ đó góp phần tích cực vào việc răn đe, giáo dục đối với bị cáo, vào việc giáo dục, phòng ngừa chung. Đồng thời, KSV cũng phân tích giúp cho Tòa án xác định đúng các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm để kiến nghị cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện các biện pháp khắc phục nhằm loại trừ tận gốc nguyên nhân phạm tội, nhờ đó phát huy tác dụng to lớn trong phòng ngừa tội phạm liên quan đến ĐVHD.

Việc đấu tranh làm rõ hành vi phạm tội, thủ đoạn, phương tiện phạm tội của các bị cáo có tác dụng giáo dục không chỉ

đối với bị cáo mà còn có tác động tích cực vào nhận thức của những người tham dự phiên tòa và cả những người quan tâm tới vụ án. Đặc biệt, trong trường hợp có sự phối hợp của các cơ quan truyền thông thì việc đó còn có thể góp phần tạo nên dư luận xã hội rộng rãi để lên án hành vi xâm hại ĐVHD của các bị cáo, đồng tình với quan điểm xử lý của VKSND đối với vụ án và đối với từng bị cáo.

2.5. Viện kiểm sát nhân dân phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thông qua việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ kiểm sát việc bắt, kiểm sát các hoạt động tạm giữ, tạm giam, quản lý, giáo dục người chấp hành án phạt tù và kiểm sát thi hành án

Trong kiểm sát việc bắt, đặc biệt trong loại án này chủ yếu phát hiện tội phạm thông qua bắt quả tang các đối tượng trong quá trình vận chuyển, KSV có vai trò yêu cầu ĐTV ngoài tang vật liên quan đến ĐVHD, khi có căn cứ cần thu hộ chiếu, giấy thông hành, đăng kí xe, điện thoại, kể cả sim rời, các thẻ tín dụng, tiền...

Trong công tác tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, VKSND kiểm sát hoạt động tuân theo pháp luật của các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam và của cán bộ, công chức các cơ quan này. Trong đó:

Một là, kiểm sát việc tiếp nhận hoặc cho người bị tạm giữ, tạm giam và người chấp hành án phạt tù ra khỏi nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam có lệnh hay quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan có thẩm quyền hay không; có chấp hành đúng thời hạn tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hay không.

Hai là, kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc Giám thị trại tạm giam, trại giam đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, tha tù trước thời hạn, đặc xá; trong việc Tòa án nhân dân quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người chấp hành án phạt tù.

Ba là, kiểm sát việc tổ chức quản lý trong các nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam để bảo đảm thực hiện đúng các qui định của pháp luật về việc phân loại đối tượng, tổ chức giam giữ, bảo đảm chống trốn, phá trại, thông cung, phạm tội mới, vi phạm kỉ luật nơi giam giữ; việc bảo đảm tính mạng, danh dự, nhân phẩm và tài sản và thực hiện các chế độ ăn, mặc, ở, học tập, lao động, nghỉ ngơi, hoạt động văn hóa thể thao, chữa bệnh và các chế độ khác theo pháp luật của người bị tạm giữ, tạm giam, chấp hành án phạt tù. Điều này có tác dụng to lớn trong việc đảm bảo “sự giáo dục” có hiệu quả đối với người phạm tội, ngăn ngừa họ tái phạm tội.

Trong công tác thi hành án, VKSND kiểm sát đối với hoạt động của TAND, cơ quan thi hành án dân sự và cán bộ, công chức của các cơ quan này; kiểm sát đối với hoạt động của các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khác có nghĩa vụ thi hành bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc những bản án, quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật nhưng được thi hành ngay theo qui định của pháp luật nhằm bảo đảm việc thi hành án được chấp hành nghiêm chỉnh, đúng pháp luật, góp phần tích cực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD.

Ngoài ra, VKSND kiểm sát việc Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án để bảo đảm thi hành kịp thời các phán quyết của cấp có thẩm quyền. Việc kịp thời bắt, đưa đi thi hành án phạt tù đối với các bị cáo phạm tội liên quan đến ĐVHD. Bên cạnh đó, VKSND còn có quyền kiểm sát Cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành phần dân sự trong vụ án hình sự để kịp thời xử lý vật chứng. Đối với việc Cơ quan thi hành án tổ chức thi hành các bản án khác, thì hoạt động kiểm sát của VKSND có tác dụng to lớn không chỉ trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người được thi hành án mà còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc phòng ngừa những hành vi sai trái, thậm chí là hành vi phạm tội của các cán bộ, Chấp hành viên Cơ quan thi hành án.

2.6. Viện kiểm sát nhân dân phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thông qua nhiệm vụ kiến nghị phòng ngừa tội phạm, vi phạm

Theo quy định của Luật Tổ chức VKSND, BLTTHS, kiến nghị vừa là quyền năng pháp lý, vừa là trách nhiệm của VKSND khi thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp. Khoản 7, Điều 15 và khoản 2, Điều 17- Luật Tổ chức VKSND năm 2014 đã quy định VKS có quyền “*Kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật*”. Thông qua việc THQCT và kiểm sát việc giải quyết các vụ án liên quan đến ĐVHD, VKS tổng hợp các vi phạm, các nội dung bất cập trong quy định của pháp luật, cơ chế quản lý, nguyên nhân xảy ra vi phạm, tội phạm về ĐVHD trên địa bàn; ban hành kiến nghị khắc phục vi phạm cũng như yêu cầu khắc phục, hạn chế, loại trừ các nguyên

nhân của tội phạm. Hoạt động này có vai trò rất to lớn trong công tác phòng ngừa tội phạm về ĐVHD, bởi lẽ các kiến nghị này được xuất phát từ thực tiễn, chỉ rõ được các bất cập, sơ hở, các vấn đề được nêu hết sức cụ thể, đồng thời bên cạnh việc phân tích các vi phạm sẽ chỉ rõ nguyên nhân và giải pháp đề xuất khắc phục, xử lý vi phạm. Mặt khác, VKS, KSV còn theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nội dung kiến nghị để có biện pháp đôn đốc, nhắc nhở hoặc tiếp tục thực hiện quyền kiến nghị để giải quyết dứt điểm và có hiệu quả đối với các nội dung mà kiến nghị đã nêu ra; từ đó, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của kiến nghị phòng ngừa vi phạm, tội phạm về ĐVHD của VKSND.

Trong những năm qua, thông qua kết quả của công tác THQCT, kiểm sát việc giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD đặc biệt là nội dung các văn bản đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; văn bản đề ra yêu cầu điều tra; cáo trạng và luận tội; đề cương xét hỏi; kết quả tranh tụng; bản án của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có liên quan... VKSND các cấp đã có điều kiện đánh giá khách quan, toàn diện về động cơ, mục đích, phương thức và thủ đoạn phạm tội. Từ đó, xác định nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm hoặc vi phạm pháp luật và những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý kinh tế, xã hội của cơ quan hữu quan. Các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm phổ biến được phát hiện thông qua các hoạt động của VKSND như hành vi lợi dụng mạng xã hội để rao bán và quảng bá việc lưu giữ trái phép các loài hoặc bộ phận, chế xuất loài ĐVHD, trong đó có nhiều loài nguy cấp, quý, hiếm được bảo vệ ở cấp độ cao nhất

theo quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế như hổ, gấu, cu-li, rái cá...; lối sống hưởng thụ, sùng bái các vật phẩm xa xỉ như thực phẩm, thuốc chữa bệnh, đồ trang sức, thời trang, mỹ nghệ, trưng bày, trang trí, quà biếu, tặng từ sản phẩm của các loài hoang dã của thời kì kinh tế thị trường; phát hiện những địa bàn thuận lợi cho việc khai thác các loài hoang dã như Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Hà Tĩnh, Nghệ An, Gia Lai, Kon Tum; phát hiện các tuyến trọng điểm (điển hình là Quốc lộ 1A và vận tải đường biển qua việc trà trộn trong các công ten nơ hàng nhập khẩu) vận chuyển các loài hoang dã ở Việt Nam; phát hiện nhiều loài động vật và sản phẩm có nguồn gốc nước ngoài như tê giác châu Phi, voi châu Phi, các loài mèo lớn, gấu, tê tê, rùa nước ngọt, rắn và kỳ đà có nguồn gốc từ các nước châu Á khác... đang được buôn bán, tiêu thụ và trung chuyển qua Việt Nam. Mặt khác, ngành kiểm sát nhân dân còn phát hiện các nguyên nhân liên quan đến sự thiếu hiệu quả trong sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong nước về đấu tranh, phòng chống buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ trái pháp luật các loài động vật, thực vật hoang dã; phát hiện nhiều văn bản pháp luật về chức năng, thẩm quyền của các lực lượng nòng cốt như kiểm lâm, hải quan, bộ đội biên phòng... chưa rõ ràng, mỗi ngành, cấp có ưu tiên khác nhau. Các cơ chế phối hợp, quy trình điều tra sau bắt giữ các cá thể hoặc sản phẩm ĐVHD chưa được quy định rõ, bao gồm cả quy trình lập, chuyển hồ sơ từ lực lượng hải quan, biên phòng, kiểm lâm sang công an, cơ quan giám định, VKS và toà án, việc xử lý ĐVHD và bộ phận của chúng sau khi tịch thu... Đặc biệt, từ công tác thực tiễn của mình, VKSND còn phát hiện nguyên nhân quan

trọng xuất phát từ sự sai lệch trong hiểu biết và nhận thức của một bộ phận không nhỏ người dân nói chung và những người có khả năng tài chính để sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHD, nhất là làm tương về hiệu quả của các sản phẩm từ sừng tê giác, vây tê tê trong điều trị bệnh hay sử dụng các loại rượu ngâm xác ĐVHD để bồi bổ sức khỏe. Ngoài ra còn các nguyên nhân khác làm phát sinh loại tội phạm này được phát hiện trong thời gian qua như tình trạng thiếu công ăn việc làm của một bộ phận những người sống gần các khu vực có rừng đã tạo áp lực cho bản thân họ trong việc tham gia vào việc săn, bắn, bắt, bẫy các loài ĐVHD - đây là giai đoạn khởi đầu của việc buôn bán trái pháp luật các loài ĐVHD. Vì vậy, nghiên cứu kết quả của hoạt động THQCT, kiểm sát việc giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến ĐVHD giúp cho VKSND có điều kiện thực hiện nhiệm vụ kiến nghị “đúng” và “trúng” tới các cơ quan hữu quan kịp thời áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Đó có thể là các kiến nghị được gửi tới Ủy ban nhân dân các cấp yêu cầu triển khai các biện pháp quản lý mang tính đồng bộ, kiến nghị các cơ quan Kiểm lâm, các công ty lâm nghiệp và các đơn vị được giao quản lý, bảo vệ rừng thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ...; đồng thời xem xét kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của đơn vị, cá nhân để xảy ra vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật; kiến nghị các cơ quan Hải quan tăng cường việc soi chiếu, giám sát các mặt hàng, kiểm tra các hồ sơ thông quan có dấu hiệu nghi vấn liên quan đến ĐVHD, có nguồn gốc chuyển hàng từ các địa bàn trọng điểm của loại tội phạm này; kiến nghị phát động phong trào “Toàn dân bảo vệ

an ninh Tổ quốc” trên địa bàn cụ thể nhằm phát huy vai trò của quần chúng nhân dân trong công tác bảo vệ ĐVHD; kịp thời phát hiện báo tin, tố giác tội phạm; kiến nghị các đoàn thể, các cơ quan thông tấn, báo chí tăng cường hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ ĐVHD, chú trọng đến những hành vi vi phạm thường xuyên như săn, bắt, nuôi, nhốt, giết, vận chuyển ĐVHD; kiến nghị các cơ quan trong ngành giáo dục, các trường học nâng cao chất lượng công tác giáo dục cho học sinh kiến thức về bảo vệ ĐVHD, chú trọng lồng ghép các chương trình ngoại khóa, phát động các cuộc thi tìm hiểu về bảo vệ ĐVHD; kiến nghị các cơ quan chuyên trách nghiên cứu các thủ đoạn phạm tội liên quan đến ĐVHD để kịp thời ngăn chặn và xử lý theo quy định của pháp luật; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xây dựng cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế triển khai các hoạt động về giảm nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm từ động, thực vật hoang dã thông qua việc cung cấp kiến thức, thay đổi thái độ, hành vi và khuyến khích các tiêu chuẩn xã hội mới về không khoan nhượng đối với việc tiêu dùng các sản phẩm động, thực vật hoang dã trái phép, tạo công ăn việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống gần rừng.

2.7. Viện kiểm sát nhân dân phòng, chống tội phạm liên quan đến động vật hoang dã thông qua một số hoạt động khác

Một là, VKSND phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thông qua việc thực hiện các chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm và thông qua công tác xây dựng pháp luật.

Vai trò tích cực của VKSND trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thể hiện ở việc VKSND là trung tâm phối hợp hoạt động của các cơ quan tham gia chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm. Vì các hoạt động trong chương trình được xây dựng trong mối quan hệ liên kết, hợp tác giữa tất cả những cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy nhà nước nên nếu được triển khai đồng loạt sẽ tạo sức mạnh tổng hợp, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm liên quan đến ĐVHD. Ví dụ: VKSND tham mưu cho Ban Chỉ đạo các chương trình phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội (Ban Chỉ đạo 138) của Chính phủ hay tham mưu Quốc hội xây dựng các Nghị quyết về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm; Các nghị quyết của Quốc hội về công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật của VKSND, TAND và công tác thi hành án nói chung, trong đó có điều chỉnh các nội dung phòng, chống tội phạm về ĐVHD.

Trong công tác xây dựng pháp luật, VKSND chủ trì nghiên cứu, xây dựng Luật Tổ chức VKSND, BLHS, BLTTHS và các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm theo sự phân công của Quốc hội. VKSND còn chủ động phối hợp, tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện BLHS, BLTTHS. Tham gia các dự án, đề án về phòng, chống các loại tội phạm hình sự thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia các giai đoạn như VKSND đã cùng với các cơ quan tư pháp tiến hành xây dựng dự thảo Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐTP ... Bên cạnh đó, hàng năm VKSND tối cao ban hành các báo cáo của Viện trưởng VKSND tối cao

về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân, ban hành các Kế hoạch về việc thực hiện chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm hàng năm...

Hai là, VKSND phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thông qua hoạt động hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự trong giải quyết các vụ án về ĐVHD. Với đặc thù của loại án này, hành vi vận chuyển ĐVHD phổ biến xảy ra theo tuyến từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại, do đó rất nhiều trường hợp việc giải quyết các vụ án bắt buộc cần có kết quả ủy thác từ các cơ quan nước ngoài cũng như của Việt Nam. Trong đó, VKSND tối cao là Cơ quan trung ương của nước CHXHCN Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và những hoạt động hợp tác quốc tế khác theo quy định, thông qua đơn vị đầu mối là Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp hình sự (Vụ 13). Cơ quan đầu mối có trách nhiệm tiếp nhận, chuyển giao, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các ủy thác tư pháp về hình sự; xem xét, quyết định việc thực hiện, từ chối hoặc hoãn thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự theo thẩm quyền. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ chuyển giao hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp, vật chứng trong vụ án về ĐVHD theo yêu cầu của nước ngoài. Vì vậy, kết quả của hoạt động hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp trong giải quyết các vụ án liên quan đến ĐVHD đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc thu thập chứng cứ của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung, là cơ sở để điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật qua đó cũng tạo điều kiện cho công tác phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội.

Ba là, VKSND phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thông qua việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao ý thức ngăn chặn tội phạm liên quan đến ĐVHD, động viên cộng đồng tích cực tham gia tố giác tội phạm liên quan đến ĐVHD, đây là hoạt động không kém phần quan trọng của VKSND các cấp. Hiện nay, công tác này được thực hiện dưới khá nhiều hình thức khác nhau và đã mang lại những kết quả to lớn và là công cụ phản ánh kết quả thực hiện Chương trình phòng, chống tội phạm của VKS bằng các hình thức như tuyên truyền trực tiếp, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông, mở chuyên mục, đăng tải các bài viết về phòng, chống tội phạm về ĐVHD trên trang tin điện tử VKSND tối cao, tạp chí Kiểm sát... Xây dựng một số đề án, tài liệu chuyên sâu nhằm tăng cường năng lực, phục vụ thiết thực công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD.

Bốn là, VKSND phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thông qua việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, tổ chức các hội nghị chuyên đề phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD. Thông qua việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn, tổ chức các hội nghị chuyên đề phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD, VKSND xác định những mặt mạnh, mặt yếu của công tác phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD trong thực tiễn; học tập kinh nghiệm của các nước khác trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD, từ đó đề xuất những giải pháp để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hoạt động phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD ở nước ta.

Năm là, VKSND phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thông qua công tác thống kê, dự báo tội phạm. Theo qui định của pháp luật, VKSND có nhiệm vụ chủ trì việc thống kê tội phạm. Trong quá trình thực hiện công tác thống kê tội phạm, VKSND tổng hợp thông tin chung về tình hình tội phạm liên quan đến ĐVHD, như số vụ án liên quan đến ĐVHD đã bị phát hiện, số vụ án liên quan đến ĐVHD đã bị khởi tố, số vụ án liên quan đến ĐVHD đã bị xét xử, số bị cáo là người dân tộc thiểu số, cơ cấu theo đối tượng tác động là động vật, cá thể sống, bộ phận cơ thể của ĐVHD... để có sự đánh giá tổng thể tình hình tội phạm liên quan đến ĐVHD trong mỗi thời kỳ cụ thể.

Đồng thời, VKSND cũng phân loại tội phạm liên quan đến ĐVHD, xác định các nguyên nhân làm phát sinh tội phạm liên quan đến ĐVHD để có thể đưa ra những giải pháp thích ứng với việc phòng chống. Mặt khác, thông qua việc thống kê tội phạm, phân tích các thông tin thống kê, VKSND có thể đưa ra những dự báo về xu thế vận động, phát triển của tội phạm nói chung, tội phạm liên quan đến ĐVHD nói riêng để có kế hoạch cụ thể, tích cực phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm liên quan đến ĐVHD.

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày khái niệm, đặc điểm và các yêu cầu của VKSND trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD?
2. Nêu vị trí, vai trò của VKSND trong phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD?

3. Trình bày hoạt động phòng, chống tội phạm của VKSND thông qua công tác THQCT, KSĐT và KSXX sơ thẩm các vụ án liên quan đến ĐVHD?
4. Trình bày hoạt động phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thông qua nhiệm vụ kiến nghị phòng ngừa tội phạm, vi phạm của VKSND?
5. Trình bày hoạt động phòng, chống tội phạm liên quan đến ĐVHD thông qua một số hoạt động thực hiện chức năng khác của VKSND?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ Việt Nam (2015), Phụ lục I Báo cáo số 557/BC-CP ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Bảng cập nhật Danh mục Điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp tính đến ngày 30/9/2015.
2. Chỉ thị 06/CT-VKSTC về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.
3. Chỉ đạo số 16315/QLD-MP của Cục quản lý dược về tăng cường bảo vệ động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.
4. Chu Xuân Minh, Tham luận của Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam trong Hội nghị bàn tròn Chánh án các nước ASEAN về môi trường lần thứ tư được tổ chức tại Hà Nội ngày 13-14/12/2014.
5. Công văn 5024/VKSTC-V14 hướng dẫn về việc giải đáp vướng mắc liên quan đến quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và nghiệp vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát giải quyết vụ án hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân.
6. Đinh Văn Quế (2018), “Bàn về các tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHĐ, nguy cấp, quý, hiếm”, Luật sư Việt Nam, số 9, tr. 4 - 9.

7. Đinh Văn Quế (2019), “Bình luận tội vi phạm quy định về bảo vệ ĐVHD”, Tạp chí, Kiểm sát, số 8, tr. 55-64.
8. Đỗ Đức Hồng Hà (2019), “Những quy định của BLHS năm 2015 nhằm bảo vệ có hiệu quả ĐVHD, nguy cấp, quý hiếm và một số kiến nghị, đề xuất”, Tạp chí Kiểm sát, số 12, tr.58.
9. Groombridge, B. (ed). (1992). Global Biodiversity: Status of the Earth's Living Resources. Chapman and Hall: London.
10. Haken, J. (2011). Transnational crime in the developing world. Global Financial Integrity, (February), 1–68. Retrieved from http://dev.revenuewatch.org/rwiresources.071811/sites/default/files/Transnational_crime_web.pdf
11. Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam (2004). Việt Nam môi trường và cuộc sống. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.
12. Minh, C. X. (2014). Session 8 - Environmental Institutional Reforms and Training Institutes Institutional reform on environment and training institutes (pp. 1–7). Retrieved from <http://www.asianjudges.org/wp-content/uploads/2015/01/51-Session-8.Environmental-Institutional-Reforms-and-Training-Institutes-Chu-Xuan-Minh.pdf>.
13. Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng (2004).
14. Luật Lâm nghiệp (2017)
15. Luật Đa dạng Sinh học (2008).

16. Nguyễn Mạnh Hà, Lê Đức Minh, Nguyễn Tuấn Phú, Trần Lê Trà (2016) Reports overseeing implementing of national legislation on endangered wildlife management, protection, combating wildlife trafficking in Vietnam: status, challenges and solutions. National Assembly' Science, Technology, and Environment Committee, USAID Governance for Inclusive Growth program.
17. Nguyen Manh Ha, Vu Van Dung, Nguyen Van Song, Hoang Van Thang, Nguyen Huu Dung, Pham Ngoc Tuan, Than Thi Hoa and Doan Canh (2007). Report on the review of Vietnam's wildlife trade policy. CRES/FPD/ UNEP/CITES/IUED, Hanoi, Vietnam.
18. Nghị định 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm;
19. Nghị định 82/2006/NĐ-CP ngày 10/08/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm;
20. Nghị định 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ;
21. Nghị định số 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

22. Nghị định 30/2018/NĐ-CP ngày 07/03/2018 quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự.
23. Nghị định 127/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 quy định chi tiết việc niêm phong, mở niêm phong vật chứng.
24. Nghị Quyết 05/2018/NQ-HĐTP Hướng dẫn áp dụng Bộ luật Hình sự về các tội vi phạm về bảo vệ động vật hoang dã.
25. Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
26. Nghị định 115/2017/NĐ-CP quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền phạt nhân thương mại phải nộp để bảo đảm thi hành án; việc tạm giữ, hoàn trả, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã nộp.
27. Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
28. Nghị định 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/3/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.
29. Nghị định 158/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

30. Nguyễn Duy Giảng (2009), “Vướng mắc cần giải quyết trong việc áp dụng điều 190 Bộ luật hình sự về tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quý, hiếm” Tạp chí *Kiểm sát*, số 4, tr. 39 - 43.
31. Phụ lục I, II, III, công ước CITES <https://cites.org/eng/app/appendices.php>.
32. Quốc hội (2009), Bộ luật Tổ tụng hình sự, Hà Nội.
33. Quốc hội (2003), Bộ luật Tổ tụng hình sự, Hà Nội.
34. Quốc hội (2015), Bộ luật Tổ tụng hình sự, Hà Nội.
35. Quốc hội (2015), Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Hà Nội.
36. Quốc hội (2014), Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Hà Nội.
37. Quyết định 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/09/2008 về việc ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi.
38. Quyết định 03/QĐ-VKSTC về việc ban hành quy chế tạm thời công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố.
39. Quyết định 169/QĐ-VKSTC về việc ban hành quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố.
40. Quyết định 170/QĐ-VKSTC về việc ban hành quy chế tạm thời Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, thực nghiệm điều tra và giám định.

41. Thông tư 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/09/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường.
42. Thông tư Liên tịch 19/2007/TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/03/2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.
43. Thông tư 90/2008/TT-BNN ngày 28/08/2008 hướng dẫn xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu.
44. Thông tư 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 13/12/2019 quy định về xử lý động vật rừng là tang vật, vật chứng; động vật rừng do tổ chức, cá nhân tự nguyện giao nộp Nhà nước của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.
45. Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP Quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.
46. Thông tư 43/2018/TT-BTC 07/5/2018 25/06/2018 Hướng dẫn nghị định 30/2018/NĐ-CP hướng dẫn việc thành lập và hoạt động của hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự.
47. Thông tư liên tịch 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.
48. Thông tư liên tịch 06/2018/TTLT-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC quy định chi tiết trình tự, thủ tục, mức tiền đặt, việc tạm giữ, hoàn trả, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền đã đặt để bảo đảm;

49. Thông tư liên tịch 05/2018/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC quy định việc thông báo, gửi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến người phạm tội.
50. Thông tư liên tịch số 03/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP-TTCT quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Cơ quan thanh tra trong việc trao đổi thông tin về tội phạm và giải quyết kiến nghị khởi tố được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra.
51. Thông tư liên tịch 01/2017/TTLT- BCA- BQP- BTC-BNN&PTNT- VKSNDTC quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.
52. Thông tư 02/2018/TT-TANDTC 21/09/2018 01/12/2018 quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của tòa gia đình và người chưa thành niên.
53. Thực hành quyền công tố và kiểm sát giải quyết nguồn tin tội phạm về động vật hoang dã/Tạp chí Kiểm sát số 14.
54. Trần Minh Hưởng (2012), “Thực trạng công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trong lĩnh vực buôn bán động vật hoang dã, quý, hiếm ở nước ta”, Tạp chí *Kiểm sát*, số 7/2012, tr. 40 - 42, 53.
55. Vũ Văn Dũng và Mai Thế Bồi (2006). Tình hình khai thác và buôn bán cây hoàng đàn. Tạp chí *Cây thuốc Quý* (32), Hà Nội, Việt Nam.

NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tổng Biên tập: (024) 397140511;

Biên tập: (024) 39714896;

Hành chính: (024) 39714899;

Quản lý xuất bản: (024) 39728806

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập:

Chế bản:

Trình bày bìa: NGUYỄN NGỌC ANH

Đối tác liên kết:

Địa chỉ:

SÁCH LIÊN KẾT

GIÁO TRÌNH
HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TRONG GIẢI QUYẾT VỤ ÁN VỀ ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Mã số: L - ĐH2021

In 500 bản, khổ 14,5x20,5 cm tại

Địa chỉ:

Số xác nhận ĐKXB: -2021/CXBIPH/01-326/ĐHQGHN, ngày //2021

Quyết định xuất bản số: LK-XH/QĐ - NXB ĐHQGHN ngày //2021

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.